

PHẦN THỨ HAI (*DUTIYO BHĀGO*)

XLI. PHẨM METTEYYA (*METTEYYAVAGGO*)

401. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA (*Tissametteyyattherāpadānaṃ*)

3891. Ở gần đỉnh của sườn núi, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sobhita, [chỉ] ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

3892. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng về việc đạt đến thế giới Phạm thiên, tôi đã mang lửa và củi lại rồi nhóm lửa.

3893. Có ý muốn tiếp độ tôi, đáng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara ấy, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

3894. “Này bậc đại phước, ông đang làm gì vậy? Xin ông hãy cho tôi lửa và củi. Tôi [sẽ] chăm sóc ngọn lửa, nhờ đó tôi sẽ có được sự trong sạch.”

3895. “Hỡi người Nhân Loại, Ngài là bậc Hiền Thiện. Hỡi đáng Thiên Nhân, Ngài biết rõ [sự việc]. Ngài hãy chăm sóc ngọn lửa, lửa và củi của Ngài đây này.”

3896. Sau đó, đáng Chiến Thắng đã cầm lấy gỗ củi và đã nhóm lên ngọn lửa. Gỗ củi [của tôi] ở nơi ấy đã không bốc cháy; [đó là] điều kỳ diệu của bậc Đại Ân Sĩ.

3897. “Ngọn lửa của ông không bốc cháy, sự hiến cúng của ông không có, sự hành trì của ông là vô nghĩa. Vậy ông hãy chăm sóc ngọn lửa của Ta.”

3898. “Hỡi vị Đại Anh Hùng, ngọn lửa ấy của Ngài được gọi là loại lửa gì? Xin Ngài giảng giải cho tôi, cả hai chúng ta sẽ chăm sóc [ngọn lửa] ấy.”

3899. “Về sự diệt tận các pháp là nhân tố và về sự tịnh lặng các ô nhiễm, sau khi từ bỏ sự ganh tỵ và bòn xén; ba việc này là sự cúng hiến của Ta.”

3900. “Này vị Đại Anh Hùng, Ngài là hạng người như thế nào? Thừa Ngài, Ngài có dòng dõi thế nào? Sở hành và cách tu luyện của Ngài khiến tôi thích thú vô cùng.”

3901. “Ta được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly, đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

3902. “Hỡi đáng Phát Quang, hỡi vị Xua Tan Tăm Tôi, hỡi bậc Thiên Nhân, nếu Ngài là đức Phật, đáng Toàn Tri, là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, tôi sẽ lễ bái Ngài.”

3903. Tôi đã trải ra tấm da dê và đã dâng cúng chỗ ngồi: “Hỡi đáng Bảo Hộ, hỡi bậc Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống. Tôi sẽ phục vụ Ngài.”

3904. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống tại chỗ ấy, trên tấm da dê đã khéo được trải rộng. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã đi đến ngọn núi.

3905. Và tôi đã chặt trái cây tinduka đầy túi đựng vật dụng rồi mang về. Tôi đã trộn trái cây với mật ong rồi dâng lên đức Phật.

3906. Khi ấy, đáng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, trong khi ngắm nhìn bậc Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

3907. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiên Cúng đã ngồi ở khu ân cư của tôi và đã nói lên những lời kệ này:

3908. “Người nào [với tâm] tịnh tín tự tay mình làm Ta được thỏa mãn với trái cây, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3909. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần, và sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3910-11. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, cơm ăn, nước uống, vải vóc và chỗ nằm vô cùng giá trị, biết được ước muốn của người ấy ngay lập tức sẽ sanh lên cho người ấy là người đã có nghiệp [thiện] trong quá khứ. Và người này sẽ luôn luôn được vui vẻ, không có tật bệnh.

3912. Chỗ nào người ấy sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, người ấy sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi rồi sẽ đi đến bản thể nhân loại.

3913. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, người ấy sẽ đi đến với bậc Toàn Giác và sẽ trở thành bậc A-la-hán.”

3914. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3915. Tôi đã đạt được giáo pháp cao quý, đã tiêu diệt tham ái và sân hận, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3916. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3917. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3918. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tissametteyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tissametteyya” là phần thứ nhất.

402. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNṆAKA (*Punṇakattherāpadānam*)

3919. Ở gần đỉnh của sườn núi, có đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại cư ngụ ở trong vùng đồi núi. Đức Phật đáng kính bị lâm bệnh.

3920. Cho đến lúc ấy, đã có tiếng động ở vùng lân cận khu ẩn cư của tôi. Trong khi đức Phật đang [viên tịch] Niết-bàn, có ánh sáng đã xuất hiện.

3921. Từ loài gấu, chó sói, linh cẩu, cọp và sư tử ở trong cụm rừng già cho đến toàn bộ [thú rừng] đã rống lên.

3922. Sau khi nhìn thấy hiện tượng bất thường ấy, tôi đã đi đến ngọn núi. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Giác Ngộ, bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt.

3923. Bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt ví như là cây sālā chúa đã được trở hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên, như là đồng than đã tàn ngọn lửa.

3924. Sau khi gom đầy cỏ và củi, tôi đã tạo dựng giàn hỏa thiêu ở tại nơi ấy. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được tạo dựng, tôi đã thiêu đốt thi thể.

3925. Sau khi thiêu đốt thi thể, tôi đã rưới nước thơm. Ngay khi ấy, có con dạ-xoa đứng ở trên không trung đã đặt tên [cho tôi] rằng:

3926. “Này vị hiền trí, công việc đối với bậc Đại Ân Sĩ, đấng Tự Chủ đã được ông làm đầy đủ, vậy ông hãy luôn luôn có tên là Punṇaka.”¹

3927. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tại nơi ấy, có hương thơm bằng chất liệu thuộc cõi trời tỏa ra ở không trung.

3928. Cũng ở tại nơi đó, khi ấy tên gọi của tôi đã là “Punṇaka”. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đều làm tròn đủ ý định [của mình].

3929. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Cũng ở nơi đây, tên Punṇaka được công bố là tên gọi [của tôi].

3930. Sau khi đã làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3931. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của công việc [hòa táng] thi thể.

3932. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3933. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3934. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punṇaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Punṇaka” là phần thứ nhì.

¹ Punṇaka nghĩa là “người đã làm đầy đủ”.

403. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ (*Mettaguttherāpadānaṃ*)

3935. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Asoka. Tại nơi ấy, khu ẩn cư của tôi đã được hóa hiện ra bởi vị trời Vissakamma.

3936. Bạc Toàn Giác cao cả, đáng Đại Bi, bậc Hiền Trí tên Sumedha, vào buổi sáng, sau khi mặc y đã đi đến tôi để khát thực.

3937. Khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đáng Đại Hùng Sumedha đi đến, tôi đã nhận lấy bình bát của đáng Thiện Thệ và đã chứa đầy với bơ lỏng và dầu ăn.

3938. Sau khi đã dâng cúng đức Phật tối thượng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chấp tay lên và đã khởi lên niềm vui dào dạt:

3939. “Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, mong sao cho tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

3940. Mong sao cho tôi lánh xa chốn đọa đày trong khi luân hồi cõi này cõi khác. Mong sao cho tôi khẳng định được tâm về điều ấy và đạt được vị thế bất động.”

3941. “Này người Bà-la-môn, điều lợi ích cho người đã được người đạt thành một cách tốt đẹp, là việc người đã nhìn thấy Ta. Sau khi đi đến gặp Ta, người sẽ trở thành vị A-la-hán.

3942. Sau khi đạt đến thành công lớn, người hãy tự tin, chớ lo sợ. Bởi vì sau khi bố thí bơ lỏng đến Ta, người được hoàn toàn giải thoát khỏi sự [tái] sanh.

3943. Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, người sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

3944. Do sự bố thí bơ lỏng này và do sự hành trì tâm từ ái, người sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

3945. Và người sẽ trở thành vị Thiên vương ba mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3946. Và người sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương năm mươi một lần, là người chinh phục bốn phương, là đáng chúa tể của vùng đất Jambu.

3947. Tợ như đại dương là không bị xao động, giống như trái đất là khó mang vác, và tương tợ y như thế, của cải thuộc về người sẽ là vô lượng.”

3948. Sau khi từ bỏ sáu mươi *koṭi* (sáu trăm triệu) tiền vàng, tôi đã xuất gia. Trong khi tầm cầu điều tốt đẹp gì mà tôi đã đi đến với Bāvāri?²

3949. Tại nơi ấy, tôi học tập các chú thuật và sáu phần về tướng số. “Bạch đáng Đại Hiền Trí,³ trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy Ngài đã hiện khởi.

3950. Bạch đáng Đại Hiền Trí, có sự ước muốn về việc nhìn thấy Ngài con đã đi đến. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, con đã đạt đến vị thế bất động.”

² Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

³ Lúc này là lời đối thoại với đức Phật Gotama. (ND)

3951. Tôi đã dâng cúng bơ lỏng đến đức Phật trong ba mươi ngàn kiếp. Trong khoảng thời gian ấy, tôi không biết rõ lượng bơ lỏng đã được tôi dâng cúng.

3952. Hiểu được ý định của tôi, biết được tâm tư của tôi, [mọi vật] đã được sanh lên, đã được tạo ra theo như ước muốn. Tôi được thỏa mãn về mọi thứ.

3953. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Bởi vì sau khi dâng cúng chỉ chút ít bơ lỏng, tôi đạt được vô lượng.

3954. Cho đến nước trong đại dương được nhìn thấy từ núi Neru so sánh với bơ lỏng của tôi thì không chạm đến được phần chia của một góc [bơ lỏng của tôi].

3955. Cho đến số lượng của vũ trụ đang được hình thành, khoảng không gian ấy không sánh bằng các tấm vải đã được sanh lên cho tôi.

3956. Núi chúa Hy-mã-lạp cũng chính là ngọn núi hàng đầu sẽ không là sự so sánh đối với vật thơm đã được thoa cho tôi.

3957. [Tôi đã đạt được] vải vóc, vật thơm, bơ lỏng, thức ăn, và ở kiếp hiện tại này là Niết-bàn không còn tạo tác; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3958. [Tôi có được] sự trú vào các thiết lập niêm, có hành xứ về thiên định, có sự thọ hưởng các chi phần giác ngộ ở ngày hôm nay; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3959. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3960. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3961. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mettagū⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mettagū” là phần thứ ba.

404. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA (*Dhotakattherāpadānaṃ*)

3962. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, lúc bấy giờ chảy dọc theo cửa khẩu của [thành phố] Hāṃsavatī.

3963. Tu viện tên là Sobhita đã khéo được tạo lập ở cạnh bờ sông Gaṅgā. Đức Phật Padumuttara, đáng Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ tại nơi ấy.

3964. Như là vị [Chúa trời] Inda với chư thiên cõi Đạo-lợi, đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy phía trước đám người tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

3965. Tôi là vị Bà-la-môn sống ở thành phố Hāṃsavatī có tên là Chalaṅga. Tôi là vị đại hiền trí có tên như thế.

⁴ Mettagū nghĩa là “người đã đạt đến (*gū*) tâm từ ái (*mettā*).”

3966. Khi ấy, có một ngàn tám trăm người theo tôi. Được tháp tùng bởi những người học trò ấy, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

3967. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy các vị Sa-môn không giả dối, có các tội lỗi đã được gội rửa, đang băng qua sông Bhāgīrathī. Tôi đã tức thời suy nghĩ như vậy:

3968. “Những người con trai có danh tiếng lớn lao này của đức Phật trong khi sáng chiều băng qua [sông] khiến bản thân bị khó khăn, bản thân của họ bị hành hạ.

3969. Đức Phật được gọi là vị Cao Cả Của Thế Gian luôn cả chư thiên, [vậy mà] ta không có hành động cúng dường, là việc làm trong sạch con đường đi đến các cảnh giới tái sanh.

3970. Hay là ta nên cho thực hiện cây cầu ở sông Gaṅgā [dâng] đến đức Phật Tối Thượng? Sau khi cho thực hiện việc làm này, ta [sẽ] vượt qua sự hiện hữu này.”

3971. Trong khi tin tưởng rằng: “Hành động được làm sẽ có [kết quả] dồi dào cho ta”, tôi đã bố thí một trăm ngàn và đã cho xây dựng cây cầu.

3972. Sau khi đã cho xây dựng cây cầu ấy, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi chấp tay lên ở đầu, tôi đã nói lời nói này:

3973. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, cây cầu lớn này đã được làm hết một trăm ngàn và đã được con bảo làm vì lợi ích của Ngài, xin Ngài thọ nhận.”

3974. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

3975. “Người nào được tịnh tín đã bảo thực hiện cây cầu cho Ta với các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3976. Dẫu cho bị rơi xuống từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, thậm chí bị chết đi, người này sẽ đạt được vị thế; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3977. Các kẻ thù không áp chế được, ví như cơn gió không áp chế được cây đa có mạng rễ đã được phát triển; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3978. Các kẻ cướp không áp chế người này, các vị Sát-đế-lỵ không khinh bỉ, người này thoát khỏi tất cả kẻ thù; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3979. Khi hiện diện ở ngoài trời [và] bị thiêu đốt bởi sức nóng dữ dội, [do] được gắn liền với nghiệp phước thiện, các cảm thọ sẽ không có.

3980. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, sau khi biết được ước muốn của người ấy, phương tiện di chuyển bằng voi sẽ được hóa hiện ra, sẽ được tạo ra ngay lập tức.

3981. Một ngàn con ngựa giống Sindhu có tốc độ của gió là phương tiện di

chuyển nhanh chóng sẽ đi đến sáng chiều; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3982. Sau khi đi đến bản thể nhân loại, người này sẽ được sung sướng. Ngay cả ở đây cũng sẽ có phương tiện di chuyển bằng voi cho chính con người ấy.

3983. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3984. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

3985. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến vị [Phật] tên Padumuttara! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

3986. Có tính khăng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm móng tái sinh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sinh nữa.

3989. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhotaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhotaka” là phần thứ tư.

405. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA (*Upasivattherāpadānaṃ*)

3990. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Anoma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

3991. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Và dọc theo bến nước cạn ấy, có nhiều sen hồng sen xanh mọc lên.

3992. Có các loài cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Con sông nhỏ, chứa đầy đầy những cá và rùa, luôn luôn trôi chảy.

3993. Ở nơi ấy, các loài hoa timira, hoa asoka, hoa khuddamālaka, hoa nguyệt quế, hoa nguyệt quế núi đã được nở rộ tỏa hương đến khu ẩn cư của tôi.

3994. Ở nơi ấy, loài hoa kūṭaja và các rừng hoa nhài được nở rộ. Ở nơi ấy, có nhiều cây sāla, cây salala và cây campaka được nở rộ.

3995. Các loài cây ajjuna, cây atimutta và cây mahānāma được nở rộ và loài cây asana có hương thơm ngọt ngào, chúng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

⁵ Dhotaka nghĩa là “người đã được gội rửa (dhota).”

3996. Các loại cây uddālaka, cây pāṭalika, cây yūthika, cây piyaṅguka và cây bimbijālaka bao phủ ở xung quanh nửa do-tuần.

3997. Ở nơi ấy, có nhiều loại cây mātaṅgava, cây sattali, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây añkolaka và cây tālakūṭa được nở rộ hoa.

3998. Ở nơi ấy, có nhiều cây cánh kiến trắng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. Trong khi những cây này đang nở rộ hoa, nhiều cây trở nên rụng rờ. Khu ẩn cư của tôi tỏa ra với hương thơm ấy ở xung quanh.

3999. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mạn đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4000. Và ở nơi ấy có những loại trái cây như trái tinduka, trái piyāla, trái cam thảo, trái kāsūmārī, trái mít, trái sa-kê, trái chuối, trái badarī.

4001. Ở nơi ấy, có nhiều trái cây ambātaka và trái cây vallikāra. Các cây bījapūra và cây sapāriya được kết trái ở khu ẩn cư của tôi.

4002. Từ nơi ấy có nhiều trái cây như trái āḷaka, trái isimugga và trái moda bao phủ, đã chín tới và trĩu nặng. Và có các trái cây như trái vả và trái sung.

4003. Ở nơi ấy, có nhiều trái ổi, trái tiêu, trái đa, trái táo rừng, trái sung và trái pāriya đã chín một phần.

4004. Và có nhiều loại cây này và loại cây khác đã kết trái ở khu ẩn cư của tôi. Cũng có nhiều cây có bông hoa đã đơm hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4005. Các loài thảo mộc như là āluva, kaḷamba, bilālī, takkala, āḷaka, luôn cả tāḷaka đều được tìm thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4006. Ở không xa khu ẩn cư của tôi [đã] có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, có nước trong, có nước mát, có bến nước cạn xinh xắn, làm thích ý.

4007. Ở nơi ấy, có nhiều sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la, tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4008. Có những đóa sen hồng đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, có nhiều đóa có các cánh hoa rũ xuống trở thành những gương sen.

4009. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen, chúng tỏa ra nhiều hương thơm khác loại [hòa quyện] với hương thơm ấy ở xung quanh.

4010. Có nhiều bông súng trắng và mùi thơm của xoài thoảng qua được nhận biết. Ở kế bờ hồ nước thiên nhiên, có nhiều cây dừa đại được đơm bông.

4011. Có các cây bandhujīva khéo nở rộ hoa và các cây setavārī có hương thơm ngát. Có các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra và loại gahaka được sanh ra ở tại nơi ấy.

4012. Có nhiều mãng xà là loài thú kiếm mồi trong hồ nước thiên nhiên ở tại nơi ấy. Và có các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita.

4013. Có đầy đủ các loài cá, các con rùa và các con rái cá nữa. Và có các con chim bồ câu, các con ngỗng trời, các con gà rừng và các loài sống ở sông.

4014. Có nhiều chim le le, ngỗng đỏ, chim campaka, chim jīvajīvaka, chim kalandaka, chim ung, chim điều hâu và chim uddhara.

4015. Có nhiều chim koṭṭhaka, chim sukapota, loài cua, loài bò rừng, loài thú kārēṇī và loài thú tilaka sống nương nhờ hồ nước ấy.

4016. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, các loài khỉ và luôn cả loài Kim Sí điều được nhìn thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4017. Trong khi ngửi các hương thơm ấy, trong khi ăn các thứ trái cây [ấy] và trong khi uống nước có hương thơm [ấy], tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4018. Có các con sơn dương, nai, heo rừng, hươu, các loài có dáng vóc nhỏ bé, và luôn cả các con đom đóm có ánh sáng sống ở khu ẩn cư của tôi.

4019. Ở nơi ấy có nhiều chim thiên nga, chim cò, chim công, chim sáo, chim cu, chim mañjarikā, chim cú mèo và chim gõ kiến.

4020. Có nhiều loài yêu tinh, loài người khổng lồ, và luôn cả loài quỷ sứ, loài quỷ dữ, loài nhân điều, và luôn cả các loài bò sát sống ở khu ẩn cư của tôi.

4021. Có nhiều vị ẩn sĩ có đại oai lực, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, tất cả đều mang bầu nước, có y choàng là tấm da dê, các vị mang búi tóc rối ấy sống ở khu ẩn cư của tôi.

4022. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cây, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, hài lòng với việc có hay không có, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4023. Được hỗ trợ bởi các năng lực của bản thân, các vị ấy luôn luôn di chuyển ở không trung, [vừa đi] vừa phát phơ bộ y phục vỏ cây, vừa kèm giữ tấm y da dê.

4024. Các vị ấy không mang theo nước, củi gỗ, hoặc củi nhóm lửa, và các vị ấy đã tự thân đạt được [các thứ ấy], điều này là quả báo của phép kỳ diệu.

4025. Sau khi nhận lấy cái máng bằng kim loại, các vị ấy sống ở giữa rừng ví như những con voi dòng long tượng, tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

4026. Một số vị đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số vị khác đi đến Đông Thắng-thần châu, và một số vị khác đi đến Bắc Cu-lô châu tùy theo năng lực của tự thân. Sau khi mang lại vật thực từ các nơi ấy, các vị thọ thực chung.

4027. Khi ấy, trong lúc tất cả các vị có oai lực nổi bật như thế ấy đang ra đi, khu rừng được rộn ràng bởi âm thanh bộ y bằng da dê của [các vị].

4028. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, các vị như thế ấy là những người học trò có sự khổ hạnh nổi bật của con. Được tùy tùng bởi các vị ấy, con sống ở khu ẩn cư của con.

4029. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, các vị này đã cùng nhau tụ hội và cũng đã được huấn luyện. Là những người có sự mong mỏi về việc làm của bản thân, có giới hạnh, cẩn trọng, rành rẽ về các pháp vô lượng tâm, họ đã làm con hài lòng.”

4030. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hướng Đạo sau khi nhận biết thời điểm đã đi đến.

4031. Sau khi đi đến, đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí, vị Có Sự Nhiệt Tâm, Cẩn Trọng đã ôm lấy bình bát; rồi đấng Toàn Giác đã đến gần tôi để khát thực.

4032. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến, tôi đã sắp xếp tấm thảm cỏ và đã rải rắc bằng các bông hoa sālā.

4033. Tôi đã thỉnh đấng Toàn Giác ngồi xuống. Trở nên mừng rỡ, với tâm ý đã được kích động, tôi đã mau chóng leo lên ngọn núi và đã thâu nhặt gổ trầm hương.

4034. Sau khi hái trái mít có kích thước bằng bầu nước, có hương thơm cõi trời, tôi đã đặt ở trên vai rồi đã đi đến gần đấng Hướng Đạo.

4035. Sau khi đã dâng trái cây đến đức Phật, tôi đã thoa trầm hương. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

4036. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở giữa những vị ân sĩ và đã nói những lời kệ này:

4037. “Người nào đã dâng cúng trái cây, trầm hương và chỗ ngồi đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4038. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, vật thực sẽ hiện ra đúng theo tâm [ước muốn] của người này.

4039. Được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, người nam này sẽ làm thỏa mãn nhóm tùy tùng với các thức ăn và với các loại vải vóc.

4040. Chỗ nào được sanh lên là bản thể thiên nhân hay loài người, sau khi có được của cải không bị suy suyển, người nam này sẽ luân hồi.

4041. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4042. Và người này sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4043. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4044. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.”

4045. Điều lợi ích được thành tựu một cách tốt đẹp đã được thành tựu đến tôi, là việc tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi đã thành tựu tam minh, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4046. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, sau khi biết được tâm của tôi, vật thực luôn luôn hiện đến cho tôi.

4047. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lâu hoặc.

4048. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasiva đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Upasiva” là phần thứ năm.

406. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānam*)

4050. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng rậm hoang dã. Trong lúc tìm kiếm thú rừng là loài nai, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ.

4051. Bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Anuruddha. Khi ấy, có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ ấy đã đi sâu vào trong khu rừng.

4052. Tôi đã cầm lấy bốn cây gậy rồi đã đặt ở bốn vị trí. Sau khi thực hiện mái che đã được làm khéo léo, tôi đã phủ lên bằng những đóa hoa sen.

4053. Sau khi đã lợp xong mái che, tôi đã đánh lễ đấng Tự Chủ. Tôi đã quăng bỏ cây cung ngay tại chỗ ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4054. Được xuất gia không bao lâu, bệnh tật đã khởi lên cho tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây rồi đã qua đời ở tại nơi ấy.

4055. Được gắn liền với nghiệp trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất. Ở tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng được tạo ra theo như ước muốn.

4056. Tôi đã chú nguyện về phương tiện di chuyển ở cõi trời là chiếc xe đã được buộc vào một ngàn con ngựa. Sau khi bước lên chiếc xe ấy, tôi ra đi theo như ước muốn.

4057. Từ đó, trong khi tôi là vị thiên nhân và trong khi tôi được đưa đi, có chiếc lọng được che cho tôi ở xung quanh một trăm do-tuần.

4058. Tôi nằm ở cái giường thường xuyên được lót bằng bông hoa. Và có các đóa hoa sen từ trên không trung liên tục rơi xuống.

4059. Khi ảo ảnh [ở mắt] đang lung linh và sức nóng đang thiêu đốt, sức nóng đã không làm tôi bị nóng bức; điều này là quả báo của mái che.

4060. Trong khi vượt qua khổ cảnh, các địa ngục đã đóng lại đối với tôi. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

4061. Sau khi chú nguyện sự niệm tưởng về đất, tôi băng qua nước biển mặn, việc làm của tôi đây đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4062. Thậm chí không có con đường, tôi tạo ra con đường, tôi đi bằng

đường không trung. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4063. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhân được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4064. Cuộc sống trước đây đã được buông bỏ, tôi là Tỳ-khưu của đức Phật và là người thừa tự Chánh pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4065. Tôi đã làm hài lòng đáng Thiện Thệ Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya. Tôi là ngọn cờ của giáo pháp, là người thừa tự giáo pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4066. Tôi đã hầu cận đáng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya và đã hỏi đáng Lãnh Đạo Thế Gian về đạo lộ đi đến bờ kia.

4067. Được yêu cầu, đức Phật đã thuyết giảng về đạo lộ thâm sâu vi tế. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

4068. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp! Tôi đã được giải thoát khỏi sự sanh, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4069. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4070. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nandaka” là phần thứ sáu.

407. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA (*Hemakattherāpadānaṃ*)

4072. Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Anoma đã tạo lập khu ẩn cư được xây dựng khéo léo ở gần chóp đỉnh của sườn núi và đã sống ở gian nhà rộng bằng lá.

4073. Sự thực hành khổ hạnh của vị ấy đã được thành tựu. Được đạt đến sự thành tựu về các năng lực của bản thân, vị hiền trí có sự nhiệt tâm, cần trọng, đang tiến đến bản thể Sa-môn của chính mình.

4074. [Vị ấy] tự tin ở giáo lý của mình và rành rẽ về học thuyết của người khác, được nổi tiếng ở trên trời dưới đất và rành rẽ về điềm báo hiệu.

4075. Vị hiền trí không còn sầu muộn, không giết hại, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, chứng thiền, thỏa thích về thiền.

4076. Bạc Toàn Giác cao cả, đáng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí tên Piyadassī, có ước muốn giúp cho chúng sanh vượt qua, khi ấy Ngài đã lan tỏa với tâm bi mẫn.

4077. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī vẫn đi đến đầu cho [khoảng cách là] một ngàn vũ trụ, và bậc Hiền Trí giáo giới [người ấy].

4078. Có ý muốn tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. Tôi chưa từng nhìn thấy đáng Chiến Thắng trước đây, và cũng chưa từng được nghe từ bất cứ ai.

4079. Tôi hiểu biết rành rẽ về các điềm báo hiệu, các mộng mị và các tướng mạo. Tôi được nổi tiếng về thiên văn địa lý và rành rẽ về thuật chiêm tinh.

4080. Tại đó, sau khi lắng nghe đức Phật, tôi đây đã làm cho tâm được tịnh tín. Trong khi ăn hoặc trong khi ngồi xuống, tôi thường xuyên nhớ lại.

4081. Khi tôi nhớ lại như vậy, đức Thế Tôn cũng đã tưởng nhớ lại. Trong khi tưởng nhớ đến đức Phật, tôi có được phi lạc ngay lập tức.

4082. Và đã xảy ra một lần khác nữa, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi. Tôi cũng không biết về người đã đi đến: “Vị này là đức Phật, bậc Đại Hiền Trí.”

4083. Bạc Thương Tướng, đáng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã tỏ rõ về bản thân rằng: “Ta là đức Phật [ở thế gian] gồm luôn cả chư thiên.”

4084. Sau khi nhận ra đáng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín rồi đã nói lời nói này:

4085. “Những người khác tự ngồi xuống ở ghế đầu, ghế bành và các ghế dài. Còn Ngài là đáng Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi bằng châu báu.”

4086. Ngay khi ấy, tôi đã hóa hiện ra chiếc ghế đầu toàn bộ làm bằng châu báu và đã dâng lên bậc Hiền Trí Piyadassī [chiếc ghế] đã được hóa hiện ra bằng thần thông.

4087. Và khi Ngài đã ngồi xuống trên chiếc ghế đầu bằng châu báu đã được hóa hiện ra bằng thần thông, tôi đã tức thời dâng đến Ngài trái mận đỏ có kích thước bằng bầu nước.

4088. Sau khi làm cho tôi sanh khởi niềm vui, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng. Khi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đánh lễ bậc Đạo Sư.

4089. Rồi đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru ngồi ở chỗ ngồi bằng châu báu đã nói lên các lời kệ này:

4090. “Người nào đã dâng cúng Ta chiếc ghế đầu làm bằng châu báu và trái cây bất tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4091. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là đáng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4092. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi hai lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4093. [Người này] sẽ đạt được nhiều chiếc ghế bành khéo được tạo ra làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc và luôn cả làm bằng châu báu.

4094. Khi ấy, có vô số chiếc ghế bành sẽ quay quanh con người có được nghiệp phước thiện, ngay cả trong lúc [vị ấy] đang đi kinh hành.

4095. Các ngôi nhà mái nhọn, các tòa lầu đài và chỗ nằm vô cùng giá trị, sau khi biết được tâm [ước muốn] của người này sẽ được hiện ra ngay khi ấy.

4096. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục với yên cương bằng vàng.

4097. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4098. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4099. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng cũng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4100. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4101. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4102. Sáu mươi ngàn con bò cái sữa sẽ sản xuất ra các con bò con và bò đực cao quý; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4103. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4104. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4105. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhân tên là Gotama sau khi hủy diệt điều tăm tối ấy và sẽ trở thành đức Phật ở thế gian.

4106. [Người này] sẽ đi đến chiêm ngưỡng vị [Phật] ấy, sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, sẽ làm hài lòng bậc Đạo Sư và sẽ vô cùng thỏa thích trong giáo pháp.

4107. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị [Phật] ấy, [người này] sẽ tiêu diệt các phiền não. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.”

4108. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng thực hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Trong khi ước nguyện mục đích tối thượng, tôi sống ở trong giáo pháp.

4109. Đây là lần sau cùng của tôi, là kiếp sống cuối cùng trong sự luân

chuyển. [Tôi] đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4110. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4111. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4112. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hemaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Hemaka” là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bảy).

408. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA (*Todeyyattherāpadānaṃ*)

4113. Lúc bảy giờ, ở kinh thành Ketumatī có đức vua tên Vijaya, là vị anh hùng, được hội đủ sức lực, đã cư ngụ ở tại thành phố.

4114. Khi vị vua ấy bị xao lãng, những kẻ lục lâm đã nổi dậy. Khi ấy, những điều tội lỗi và các sự phóng đảng nữa đã tàn phá xứ sở.

4115. Vào lúc biên thùy bị rối loạn, vị thuần hóa kẻ thù, [đức vua] đã lập tức cho tập trung các binh lính, luôn cả các nhân viên quân đội và khi ấy đã lên án kẻ thù.

4116. Lúc bảy giờ, các nai voi, các lính ngự lâm, các bậc anh hùng, đội quân áo giáp da, các cung thủ và các thủ lĩnh, tất cả đã tập trung lại.

4117. Lúc bảy giờ, các người đầu bếp, các thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người làm trang hoa, các vị anh hùng thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4118. Lúc bảy giờ, các người tay có cầm dao, tay có cầm cung, có áo giáp, các võ sĩ thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4119. Lúc bảy giờ, các con voi mātanga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi có sự trang sức với các chuông vàng, tất cả đã tập trung lại.

4120. Lúc bảy giờ, các dũng sĩ đã được huấn luyện, có sức chịu đựng sự lạnh, sự nóng và sự mang vác các vật thối tha, tất cả đã tập trung lại.

4121. Lúc bảy giờ, có tiếng tù và vỗ ốc, tiếng trống lớn và tiếng trống trầm. Trong lúc đang giải trí với những tiếng trống này, tất cả bọn họ đã tập trung lại.

4122. Lúc bảy giờ, trong khi đánh đập nhau, trong khi làm cho nhau té ngã bằng các chĩa ba, các cây trượng và bùa chú, bằng các áo giáp và các mũi thương, tất cả đã tập trung lại.

4123. Lúc bảy giờ, là kẻ chiến thắng, vị vua ấy đã không lắng nghe kẻ bại trận về bất cứ điều gì và đã làm sáu chục ngàn sanh mạng phải khiếp đảm ở nơi cọc nhọn.

4124. Những con người [ấy] đã thốt ra lời rằng: “Ôi, vị vua bất nhân! Đòi với kẻ đang bị nung nấu ở địa ngục thì khi nào sẽ là sự kết thúc?”

4125. Khi ấy, trong lúc trần trọc ở trên giường, tôi [như là] nằm ở địa ngục, cả ngày lẫn đêm tôi không ngủ. Với cây cọc nhọn họ làm cho tôi hoảng sợ.

4126. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] “Được gì với sự chênh mảng, với vương quốc, với xe cộ và với binh lực? Chúng không phải là để bám víu, chúng luôn luôn làm tôi hãi sợ.

4127. Được gì cho tôi với các người con trai, với các người vợ và với toàn bộ vương quốc? Hay là ta nên xuất gia, ta nên làm trong sạch đạo lộ tái sanh?”

4128-29. Không mong mỗi việc lai vãng ở chiến trường, vào địa vị, tôi đã từ bỏ sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu. Bị nóng nảy bởi hành động của chính mình, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4130-31. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm cung, mang áo giáp. Sau khi buông bỏ tất cả các thứ ấy, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4132. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. Sau khi bảo đem đi tất cả các thứ ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4133. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con bò cái, tất cả đều mang bầu sữa. Sau khi quăng bỏ luôn cả lũ bò cái, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4134. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4135. Các nàng có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon. Tôi đã từ bỏ các nàng đang khóc lóc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4136. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả. Sau khi quăng bỏ vương quốc ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4137. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī.

4138. Sau khi xây dựng gian nhà rộng bằng lá, tôi đã xây dựng ngôi nhà thờ lửa. Có sự nỗ lực tinh tấn, có tính khăng quyết, tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4139. Và trong lúc tham thiền ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, tuy nhiên sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ.

4140. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí, trong khi chói sáng với ánh sáng trí tuệ, đã lập tức hiện khởi ở thế gian.

4141. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực, khi ấy đã thông báo cho tôi về đức Phật tối thượng đã hiện khởi:

4142. “Đức Phật bậc Hữu Nhân tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Ngài giúp cho tất cả loài người vượt qua. Ngài cũng sẽ giúp cho người vượt qua.”

4143. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, ngay khi ấy sự chấn động đã xuất hiện [ở tôi]. Trong lúc suy nghĩ: “Đức Phật! Đức Phật!”, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư.

4144. Và sau khi quăng bỏ lửa củi, tôi đã tự sắp xếp thảm trải. Sau khi lễ bái khu ẩn cư, tôi đã rời khỏi khu rừng.

4145. Sau khi cầm lấy trầm hương từ khu rừng ấy, trong khi tìm kiếm vị Trời Của Chư Thiên từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác, tôi đã đi đến gần bậc Hướng Đạo.

4146. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, trong khi công bố về bốn sự thật [đã] giác ngộ nhiều người.

4147. Sau khi đã chấp tay lên và đặt trầm hương ở trên đầu, tôi đã đánh lễ đấng Toàn Giác và đã nói lên những lời kệ này:

4148. “Trong khi hoa nhài đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra vùng lân cận. Bạch đấng Anh Hùng, Ngài tỏa ra khắp mọi phương với hương thơm của đức hạnh.

4149. Trong khi các loài hoa campaka, hoa mù u, hoa atimuttaka, hoa dứa dại, hoa sālā đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra theo chiều gió.

4150. Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại, sau khi nghe được danh thơm của Ngài, con từ núi Hy-mã-lạp đã đi đến nơi đây, con xin cúng dường Ngài.”

4151. Tôi đã thoa trầm hương cao quý lên đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngay khi ấy tôi đã đứng yên lặng.

4152. Đức Thế Tôn tên Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4153. “Người nào đã ca tụng về đức hạnh của Ta và đã cúng dường trầm hương, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4154. [Người này] sẽ là người cao quý, thẳng thắn, có sự huy hoàng, có ngôn từ được [người khác] thâm nhận, có hào quang trong hai mươi lăm kiếp.

4155. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai ngàn sáu trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4156. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi

ba lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4157. Mệnh chung từ nơi ấy, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại, được gắn liền với nghiệp phước thiện, sẽ là thân quyến của Phạm thiên.⁶

4158. [Sẽ có] người Bà-la-môn tên Bāvarī, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, hội đủ ba tướng mạo.

4159. Sau khi trở thành đệ tử của vị ấy, [người này] sẽ thông thạo về chú thuật và sẽ đi đến với đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya.

4160. Người này sẽ hỏi các câu hỏi khôn khéo, sẽ tu tập đạo lộ, sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

4161. Ba loại lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4162. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4163. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4164. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Todeyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Todeyya” là phần thứ tám.

409. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKAṆṆI (*Jatukaṇṇittherāpadānaṃ*)

4165. Khi ấy, tôi đã là người con trai của nhà triệu phú ở thành phố Hamsavatī. Tôi được cung ứng và được vây quanh bởi các loại dục lạc.

4166. Khi ấy, những người ghi dấu các căn nhà đã dựng lên ba tòa nhà. Sau khi bước lên tòa nhà, tôi được vây quanh bởi các điệu vũ và lời ca ở tại nơi ấy.

4167. Các loại nhạc cụ kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe được biểu diễn cho tôi. Tất cả những người phụ nữ đang nhảy múa hoàn toàn thu hút tâm ý của tôi.

4168. Những vũ công về các điệu vũ velāpika, lāmaṇika, kuṇjavāsī và timajjhika, những người nhào lộn và những diễn viên hài luôn luôn vây quanh tôi.

4169. Có nhiều nhạc công, những người đánh trống, các diễn viên uốn dẻo, các vũ công, các diễn viên và ngay cả các kịch sĩ luôn luôn vây quanh tôi.

4170. Các người thợ hót tóc, các người hầu tắm, các người đầu bếp, các

⁶ Người Bà-la-môn (*Brahmaṇa*) tự hào là thân quyến của Phạm thiên (*Brahmā*).

người làm tràng hoa, các người giữ trẻ, các người nhào lộn, các võ sĩ đấu vật, tất cả bọn họ luôn luôn vây quanh tôi.

4171. Trong khi những người này đang đùa giỡn, luyện tập về kỹ xảo, tôi không biết đến ngày và đêm, tựa như vị Chúa trời Indra ở cõi trời Tam Thập.

4172. Những người lữ hành, những người đi đường, tất cả các hành khách, nhiều người bộ hành, trong lúc xin ăn bọn họ thường xuyên đi đến nhà của tôi.

4173. Các Sa-môn và luôn cả các Bà-la-môn là những phước điền vô thượng, trong lúc làm tăng trưởng phước báu của tôi, các vị đi đến nhà của tôi.

4174. Các hạng đạo sĩ che một mảnh vải, đạo sĩ che bằng dây leo, các du sĩ ngoại đạo, đạo sĩ có tấm choàng bằng bông hoa, đạo sĩ chống ba cây gậy, đạo sĩ có một chòm tóc, tất cả đều đi đến nhà của tôi.

4175. Các vị đạo lão thể, các kẻ cướp giết, các người hành pháp trâu bò, các người hành pháp chư thiên, các người tu hạnh bôi trét bụi và bùn đất [ở cơ thể], những người này đi đến nhà của tôi.

4176. Nhiều vị đạo sĩ nhóm Parivattaka, nhóm Siddhipatta, nhóm Koṇḍapuggaṇika, các đạo sĩ khổ hạnh và các người tu ở rừng đi đến nhà của tôi.

4177. Những người Oḍḍaka, luôn cả các người Ta-min, các người Sākula, các người Malayālaka, các người Sabara và cả các người Yonaka nữa đi đến nhà của tôi.

4178. Tất cả những người xứ sở Andhaka, xứ sở Muṇḍaka, xứ sở Kolaka, xứ sở Sānuvindaka và xứ sở Trung Hoa xa xôi đi đến nhà của tôi.

4179. Các người xứ sở Alasandaka, xứ sở Pallavaka, xứ sở Babbara, xứ sở Bhagga, xứ sở Kārusa, xứ sở Rohita và xứ sở Cetaputta đi đến nhà của tôi.

4180. Các người xứ sở Mādhuraka, xứ sở Kosalaka, xứ sở Kāsika, xứ sở Hatthiporika, xứ sở Isiṇḍa, luôn cả các người xứ sở Makkala đi đến nhà của tôi.

4181. Các người xứ sở Celāvaka, xứ sở Aramma, xứ sở Okkala, xứ sở Meghala, xứ sở Khuddaka, luôn cả xứ sở Suddaka đi đến nhà của tôi.

4182. Các người xứ sở Rohaṇa, xứ sở Sindhava, xứ sở Citaka, xứ sở Ekakaṇṇika, xứ sở Surattṭha và xứ sở Aparanta đi đến nhà của tôi.

4183. Các người xứ sở Suppāraka, xứ sở Kikumāra, xứ sở Malaya, xứ sở Soṇṇabhūmika, xứ sở Vajjī và xứ sở Tāra, tất cả bọn họ đi đến nhà của tôi.

4184. Những người làm ống thổi, những người thợ dệt, những người thợ thuộc da, những người thợ mộc, những người thợ rèn và những người thợ làm đồ gốm đi đến nhà của tôi.

4185. Những người thợ làm ngọc, thợ làm kim khí, thợ kim hoàn, người buôn vải và thợ làm chì, tất cả đi đến nhà của tôi.

4186. Những người thợ làm tên, thợ tiện gỗ, thợ dệt, những người làm hương liệu, những người thợ nhuộm và những người thợ may đi đến nhà của tôi.

4187. Những người buôn dầu, những người vận chuyển gỗ, những người vận chuyển nước, những người đưa tin, những người đầu bếp và những người bảo quản vật thực đi đến nhà của tôi.

4188. Những người gác cổng, những người hộ vệ, những người canh ngục, những người đổ bỏ rác bông hoa, các nai voi, các quân tượng đi đến nhà của tôi.

4189 Tôi đã dâng đến vị Đại vương Ānanda là người bị xao lãng. Tôi làm đầy đủ sự thiếu hụt [của đức vua] bằng châu báu có bảy màu sắc.

4190. Những người đã được tôi đề cập đến là những nhóm người có màu da khác nhau. Sau khi biết được tâm của họ, tôi đã làm thỏa mãn họ bằng châu báu.

4191. Trong khi họ đang nói những lời vui vẻ, trong khi những cái trống lớn được vỗ vang lên, trong khi họ đang thổi những chiếc tù và vỏ ốc, tôi sướng vui ở tại ngôi nhà của chính mình.

4192-93. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đáng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhân ấy, được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị Tỳ-khưu là các bậc Lậu tạt có năng lực, đã ngự đến ở trên đường, trong lúc đang tỏa sáng tất cả các phương tựa như cây đèn chiếu sáng.

4194. Tất cả các chiếc trống lớn được vỗ lên trong khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang đi. Hào quang của Ngài tỏa ra tựa như ánh mặt trời đã mọc lên cao.

4195. Do ánh hào quang đã đi vào dầu chỉ bằng cánh cửa sổ, ở trong gian nhà ngay lập tức đã có ánh sáng vô cùng bao la.

4196. Sau khi nhìn thấy ánh hào quang của đức Phật, tôi đã nói với đám đông rằng: “Chắc chắn rằng đức Phật tối thượng đã đi đến con đường này.”

4197. Tôi đã cấp tốc bước xuống khỏi tòa nhà và đã đi đến khu phố chợ. Tôi đã đánh lễ bậc Toàn Giác và đã nói lời nói này:

4198. “Xin đức Phật, đáng Lãnh Đạo Padumuttara hãy thương tưởng đến con.” Bậc Hiền Trí ấy đã nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

4199. Sau khi thỉnh mời, tôi đã hướng dẫn bậc Toàn Giác đi đến ngôi nhà của mình. Tại nơi ấy, tôi đã làm thỏa mãn bậc Đại Hiền Trí với cơm ăn và nước uống.

4200. Biết được thời điểm đã thọ thực xong của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng bằng một trăm khúc tấu nhạc.

4201. Đáng Hiền Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng đã ngồi xuống ở trong nhà và đã nói lên những lời kệ này:

4202. “Người nào đã phục vụ Ta bằng các khúc tấu nhạc và đã dâng cúng Ta cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4203. Sau khi đã có dồi dào về lương thực, vớ vàng, vớ thức ăn, người nam này sẽ cho thực hiện bốn châu lục thành một vương quốc.

4204. [Người này] sẽ thọ trì năm giới cấm và sau đó là mười đường lối về [thiện] nghiệp. Sau khi thọ trì và trong lúc hành theo, người này sẽ chỉ dạy hội chúng.

4205. Một trăm ngàn nữ nhân được trang điểm sẽ thường xuyên trình tấu nhạc cụ cho người này; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4206. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần.

4207. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4208. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4209. [Người này] sẽ sanh vào bản thể thiên nhân hay loài người. Người này sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ đi đến bản thể loài người.

4210. Sau khi trở thành vị giảng huấn, thông suốt ba tập Vệ-đà, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, [người này] sẽ đi đó đây ở trái đất này.

4211. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người này sẽ xuất gia và sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

4212. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ thiêu đốt các phiền não và sẽ trở thành vị A-la-hán.”

4213. Giờ đây, tôi sống trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya không bị hãi sợ, tợ như con cọp chúa ở trong rừng, như là con sư tử vua của loài thú.

4214. Tôi không nhìn thấy sự tái sanh của tôi ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, ở nơi nghèo khó hoặc ở vào khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4215. Tôi đã được gắn liền với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mộng tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jatukaṇṇi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jatukaṇṇi” là phần thứ chín.

410. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA (*Udenattherāpadānaṃ*)

4219. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Paduma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4220. Các con sông chảy qua nơi ấy có những bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Các con sông luôn luôn có nước trong, có nước mát, xinh đẹp.

4221. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Những loài cá này thường xuyên sống ở dòng sông, đồng thời làm cho các con sông trở nên rục rờ.

4222. [Các con sông] được che phủ bởi các cây xoài và cây mạn. Tương tự như thế, có các cây bông hường, cây tilaka, cây bả đậu, cây hoa kèn làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4223. Các cây añkolaka, cây bimbijāla và cây mājākarī được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4224. Các cây atimutta, cây sattalika, cây nāga và cây sālā được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4225. Các cây kosamba, cây salala, cây nīpa và cây aṭṭhaṅga khéo được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4226. Ở khu ẩn cư có nhiều loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mạn đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4227. Tại nơi ấy, ở khu ẩn cư của tôi, các cây kalamba, cây kandalī trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4228. Các cây asokaṇḍī, cây varī và cây nimba được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4229. Các cây punnāga, cây giripunnāga, cây timira ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4230. Các cây nigguṇḍī, cây sirinigguṇḍī, cây campā ở tại nơi này được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4231. Không xa có cái hồ nước được lú lo bởi loài ngỗng đỏ, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen xanh và các bông sen đỏ.

4232. Có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý, có nước trong, có nước mát, trong vắt tương tự ngọc pha lê, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4233. Ở tại nơi ấy, có các bông sen xanh, các bông sen trắng và các bông sen đỏ nở rộ. Được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4234. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Và trong khi thơ thẩn ở tại nơi ấy, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4235. Có các con cá sấu kumbhīla, cá sấu sumsumāra, các con rùa, các con gaha, các con rắn và các con mãng xà làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4236. Và ở tại nơi ấy có các loài sống ở sông như chim bồ câu, ngỗng trời, ngỗng đỏ, chim le le, chim sáo, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4237. Các cây nayita, cây ambagandhī và cây dừa đại ở tại nơi ấy được trở hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4238. Có các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói và linh cẩu, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4239. Có các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc, có y choàng là tấm da dê, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, các vị làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4240. Các vị này mặc các tấm da dê, cần trọng, có hành vi thanh tịnh, có hành trang ít ỏi, tất cả các vị ấy làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4241. Lúc bấy giờ, các vị đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng. Trong khi thọ thực các rễ và trái cây, các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4242. Các vị ấy không đem lại củi [và] nước rửa chân. Do năng lực của tất cả các vị, [các vật dụng] được tự chúng mang lại.

4243. Có tám mươi bốn ngàn vị ẩn sĩ đã tụ hội ở tại nơi này. Tất cả các vị này là các vị tầm cầu mục đích tối thượng, có thiền chứng.

4244. Là các đạo sĩ khổ hạnh, có sự hành trì Phạm hạnh, đang năng nổ trong việc duy trì sự nhập định, có sự di chuyển ở không trung, tất cả các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4245. Mỗi năm ngày, các vị tụ hội lại, có sự chăm chú, có hành vi thanh tịnh. Sau khi đánh lễ lẫn nhau, các vị ra đi bằng hướng đối nghịch.

4246. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy, đấng Chiến Thắng đã tức thời hiện khởi.

4247. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực. Khi ấy, nó đã thông báo cho tôi về đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Padumuttara rằng:

4248. “Thưa ngài, đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara này đã xuất hiện. Ngài hãy mau đi đến và phục vụ bậc Toàn Giác.”

4249. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, khi ấy với tâm ý trong sạch, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư và đã lìa khỏi khu rừng.

4250. Như là mảnh vải đang bốc cháy, sau khi lìa khỏi khu ẩn cư tôi đã trú ngụ [chỉ] một đêm và đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

4251. Đấng Hiền Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng, trong khi công bố về bốn sự thật đã thuyết giảng về vị thế bất tử.

4252. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần bậc Đại Ẩn Sĩ. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

4253. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

4254. “Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lại Hoặc sống ở thế gian này với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

4255. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi, Ngài đã giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, họ vượt qua dòng chảy ái dục.

4256. Bạch đấng Tối Thượng của loài người, Ngài là bậc thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

4257. Bạch đấng Toàn Tri, cho đến những người được gọi là các bậc Xa Phu có đồ chúng ở trên thế gian, Ngài là đấng Cao Cả, tất cả những người ấy đều được gộp chung lại ở Ngài.

4258. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ của Ngài, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, họ sẽ được chấm dứt khổ đau.

4259. Bạch đấng Hữu Nhãn, bạch đấng Đại Hiện Trí, những hương thơm nào đã được sanh lên và tỏa ra ở thế gian, không có gì sánh bằng hương thơm ở phước điền của Ngài.

4260. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài giúp cho thoát khỏi sự sanh vào loài thú, địa ngục. Bạch đấng Đại Hiện Trí, Ngài giảng giải về đạo lộ an tịnh, không còn tạo tác.”

4261. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4262. “Người nào được tịnh tín đã tự tay mình cúng dường trí tuệ của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4263. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.”

4264. Tôi đã nhận lãnh điều lợi ích đã được đạt thành một cách tốt đẹp. Sau khi làm hài lòng bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4266. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4267. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

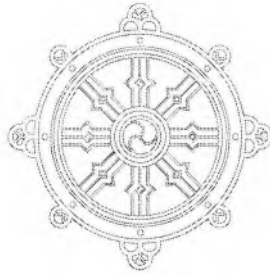
Đại đức Trưởng lão Udena đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Udena” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Trưởng lão Metteyya, vị Puṇṇaka, vị Mettagū, luôn cả vị Dhotaka, vị Upasīva, vị Nanda, và vị Hemaka là vị thứ bảy ở nơi ấy, vị Todeyya, vị Jatukaṇṇī, và vị Udeno có danh vọng lớn lao. Ở đây là ba trăm câu kệ và thêm vào tám mươi ba câu.

Phẩm Metteyya là phẩm thứ bốn mươi một.



XLII. PHẨM BHADDĀLI **(BHADDĀLIVAGGO)**

411. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI (*Bhaddālittherāpadānaṃ*)

4268. Bậc Toàn Giác tên Sumedha, đứng Bì Mẫn Cao Cả, vị Hiền Trí, bậc Cao Cả Của Thế Gian có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

4269. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đứng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Sumedha đã xếp chân kiết-già, rồi ngồi xuống.

4270. Đứng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha ấy đã thể nhập vào định. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm.

4271. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đã đi sâu vào khu rừng. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đứng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

4272. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cây chổi và đã quét khu ẩn cư. Sau khi dựng lên bốn cây cọc, tôi đã tạo nên cái mái che.

4273. Sau khi mang lại bông hoa sālā, tôi đã che phủ mái che. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ đức Như Lai.

4274. Người ta nói về bậc Thông Thái có trí tuệ bao la là “Sumedha”. Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khuru và đã nói lên những lời kệ này.

4275. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Quả nhiên, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhân [đã] thuyết giảng giáo pháp.

4276. Đứng Toàn Giác tên Sumedha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

4277. “Người nào đã duy trì mái che, được che phủ bằng bông hoa sālā cho Ta suốt bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4278. Dầu trở thành vị thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ có làn da màu vàng chói, sẽ có cửa cải dồi dào, sẽ có sự thọ hưởng các dục lạc.

4279. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng.

4280. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ đi đến phục vụ người nam này sáng chiều. Được hộ tống bởi những con long tượng ấy, người nam này sẽ vui sướng.

4281. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu với sự sanh ra được thuần

chúng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4282. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4283. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4284. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung, mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4285. Sẽ luôn luôn hiện hữu sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả, có tài sản và lúa gạo dồi dào, được thành công tốt đẹp về mọi mặt; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4286. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4287. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4288. Và [người này] sẽ cai quản thiên quốc ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4289. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4290. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.”

4291. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian cách đây ba mươi ngàn kiếp, trong khoảng thời gian này, tôi đã tầm cầu vị thế bất tử.

4292. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp là tôi đã hiểu được giáo pháp, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4293. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tội Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi tán dương trí tuệ của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động”.

4294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được sung sướng ở tất cả các nơi, là quả báo của tôi về việc tán dương trí tuệ.

4295. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4297. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhaddāli” là phần thứ nhất.

412. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA

(Ekachattiyattherāpadānaṃ)

4299. Ở bờ sông Candabhāgā có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá được rải cát vô cùng tinh khiết đã khéo được tạo lập.

4300. Con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh xắn, làm thích ý, có đủ các loài cá và rùa, được loài cá sấu lai vãng.

4301. Có các con gấu, công, báo, chim cu rừng và chim sáo. Chúng hót líu lo vào mọi lúc, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4302. Có các chim cu cu có âm giọng lôi cuốn và các con thiên nga có âm điệu ngọt ngào. Chúng hót líu lo tại nơi ấy, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4303. Có các con sư tử, cọp, heo rừng, chó sói, chó rừng và linh cẩu. Chúng gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4304. Có các con linh dương, nai, chó rừng, lợn rừng. Nhiều con gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4305. Có các loại cây uddālaka, cây campaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây atimutta và cây asoka nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4306. Có các loại cây añkola, cây yūthika, luôn cả cây sattalī, cây bimbijālīka, cây kaṇṇika và cây kaṇikāra nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4307. Có các loại cây nāga, cây sāla, cây salala, cây sen trắng được trở hoa ở nơi đây. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4308. Có các loại cây ajjuna, cây asana và cây mahānāma được trở hoa ở nơi đây, có các cây sāla và các bông hoa của cây kê, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4309. Có các cây xoài, cây mạn đỏ, cây tilaka, cây nimba và cây sālakalyāṇī, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4310. Có các loại cây asoka, cây kapittha và cây bhaginimāla được trở hoa

ở nơi đây, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4311. Các loại cây kadamba, luôn cả các cây chuối và cây isimugga đã được gieo trồng, chúng thường xuyên trĩu nặng những trái, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4312. Có những loại cây có trái như cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mạn đồ, cây vibhītaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa ở khu ẩn cư của tôi.

4313. Không xa, có cái hồ nước khéo được thiết lập làm thích ý, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen đỏ và các bông sen xanh.

4314. Có những đóa sen đỏ đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, luôn cả các đóa có các cánh hoa rũ xuống, chúng nở hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4315. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Trong khi thơ thẩn ở làn nước trong, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4316. Có mùi thơm của xoài được thoảng qua và có các cây dừa đại ở dọc bờ sông. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4317. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4318. Ở nơi ấy, có cát sáng chói được trải ra và được ve vãn bởi làn nước với các bông hoa tàn đã được nở rộ giờ yên nghỉ, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4319. Các vị [đạo sĩ] mang búi tóc rối, có y choàng là tấm da dê, tất cả đều mặc y phục bằng vỏ cây, họ làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4320. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cần trọng, có hành vi thanh tịnh, không mong mỏi về sự thọ hưởng các dục lạc, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4321. Tất cả các vị có [lông] nách, móng tay chân và các lông được mọc dài, có răng bản, có đầu lấm bụi, mang bụi dơ [ở thân], sống ở khu ẩn cư của tôi.

4322. Và các vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, có sự di chuyển ở không trung. Trong khi bay lên bầu trời, các vị này làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rục rờ.

4323. Khi ấy, được tùy tùng bởi những người học trò ấy, tôi sống ở khu rừng. Luôn luôn thể nhập vào thiền, tôi không biết đến ngày và đêm.

4324. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Đại Hiện Trí, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī, trong khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4325. Rồi có người học trò nọ đã đi đến gặp tôi. Người ấy có ý định học về các chú thuật và sáu phần về danh hiệu và tướng số [và đã nói rằng]:

4326. “Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī đã xuất hiện ở thế gian. Trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử.”

4327. Được hơn hở, vui mừng, hoan hỷ, có khuynh hướng đi đến với giáo pháp, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã nói lời nói này:

4328. “Đức Phật có ba mươi hai hảo tướng đã xuất hiện ở thế gian. Các người hãy đi đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đáng Chánh Đẳng Giác.”

4329. Là những người tầm cầu mục đích tối thượng, có sự đáp ứng theo lời giáo huấn, đã hướng đến sự toàn hảo trong Chánh pháp, các vị ấy đã đồng ý rằng: “Lành thay!”

4330. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc ấy, có y choàng là tấm da dê, đã rời khỏi khu rừng.

4331. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn Atthadassī, vị có danh tiếng lớn lao, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử.

4332. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng màu trắng và đã che cho đức Phật tối thượng. Sau khi nắm giữ [chiếc lọng] trong một ngày, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

4333. Kể đó, đức Thế Tôn, đáng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4334. “Người nào được tịnh tín nắm giữ chiếc lọng [che] cho Ta bằng các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4335. Khi người này được sanh lên, ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng luôn luôn che cho người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4336. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ trở thành đáng Chuyên Luân Vương một ngàn lần.

4337. Và sẽ trở thành vị Thiên vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4338. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn Gotama, đáng Cao Quý dòng Sakya, trong khi xua đi điều tăm tối ấy, sẽ hiện khởi.

4339. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.”

4340. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm là đã nắm giữ chiếc lọng [che] cho đức Phật, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến việc không được che bởi chiếc lọng trắng.

4341. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Việc nắm giữ chiếc lọng được vận hành liên tục đến tận ngày hôm nay.

4342. Ôi, việc làm đã được tôi khéo thực hiện đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy. Tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sinh nữa.

4343. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4344. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4345. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya” là phần thứ nhì.

413. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIÑASŪLAKACHADANIYA (*Tiñasūlakachadaniyattherāpadāṇaṃ*)

4346. Lúc bấy giờ, tôi đã suy xét về sự sanh, sự già và sự chết. Sau khi lìa khỏi sự sống chung, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4347. Trong khi tuần tự du hành, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy khoảnh đất nổi cao lên ở bờ sông Gaṅgā.

4348. Sau khi tạo lập khu ẩn cư ở tại nơi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư. Đường kinh hành của tôi đã khéo được thực hiện, được lai vãng bởi các bầy chim khác loại.

4349. Chúng đến gần tôi và trở nên quen thuộc. Và chúng hót líu lo một cách quyến rũ. Trong khi đùa vui với chúng, tôi sống ở khu ẩn cư.

4350. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi, có con sư tử [vua của loài thú] đi khắp bốn phương. Sau khi rời khỏi chỗ trú ẩn, nó đã gầm lên như là tiếng sấm.

4351. Và khi con nai chúa gào thét, nụ cười đã xuất hiện ở tôi. Trong lúc tìm kiếm con nai chúa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4352. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, vị Trời Cửa Chư Thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường nhụy bông hoa nāga.

4353. Tôi đã ca tụng đấng Lãnh Đạo Thế Gian như là mặt trời đang mọc lên, như là cây sāla chúa đã được trở hoa, như là vì sao osadhī đang chiếu sáng.

4354. “Bạch đấng Toàn Tri, Ngài đã giải thoát thế gian này, luôn cả chư thiên bằng trí tuệ của Ngài. Sau khi làm cho Ngài hài lòng, [chúng sanh] được hoàn toàn giải thoát khỏi sự sanh.

¹ Ekachattiya nghĩa là “vị liên quan đến một (eka) chiếc lọng (chatta).”

4355. Bạch đấng Toàn Tri, do sự không nhìn thấy chư Phật là các vị có sự nhìn thấy tất cả, [chúng sanh] bị xâm chiếm bởi ái dục, sân hận [rồi] rơi vào địa ngục Vô Gián.

4356. Bạch đấng Toàn Tri, bạch đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi đi đến điện kiến Ngài, tất cả được giải thoát khỏi hữu [và] chạm đến đạo lộ bất tử.

4357. Khi chư Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Phát Quang xuất hiện, sau khi thiêu đốt các phiền não, các Ngài thị hiện ánh sáng.”

4358. Sau khi tán dương đấng Toàn Giác Tissa, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường hoa tīrasūla.

4359. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa đã ngồi xuống chỗ ngồi của mình, rồi đã nói lên những lời kệ này:

4360. “Người nào được tịnh tín, tự tay mình che phủ Ta bằng các bông hoa, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4361. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4362. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Và [đó là] kết quả về hành động của người ấy, do sự cúng dường các bông hoa.

4363. Và người nam này, được gắn liền với nghiệp phước thiện, khi đã gọi đầu xong, nếu ao ước về bông hoa, [bông hoa] sẽ hiện ra ở phía trước.

4364. [Nếu người này] ước muốn bất cứ điều gì với các dục, chính điều ấy sẽ hiện ra. Sau khi làm tròn đủ ý định, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.”

(Đứt tụng phẩm thứ mười tám).

4365. Có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4366. Trong khi đi kinh hành, trong khi nằm, trong khi ngồi, hay trong khi đứng, tôi sống thường xuyên tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

4367. Ở tại nơi ấy, tôi không có sự thiếu hụt về y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4368. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4369. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4370. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4371. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tīṇasūlakachadaniya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tīṇasūlakachadaniya” là phần thứ ba.

414. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAṂSADĀYAKA

(Madhumamaṁsadāyakaṭṭherāpadānaṃ)

4373. Tôi đã là người bán thịt heo ở thành phố Bandhumatī. Sau khi nấu chín phổi và lòng, tôi trộn chung vào món thịt ngọt.

4374. Tôi đã đi đến nơi tụ hội [của các vị Tỳ-khuru] và đã nhận lấy một bình bát. Sau khi chứa đầy bình bát ấy, tôi đã dâng lên hội chúng Tỳ-khuru.

4375. Khi ấy, vị Tỳ-khuru trưởng lão lớn nhất tại nơi ấy đã chúc phúc cho tôi rằng: “Với sự đầy đặn của bình bát này, mong rằng, con sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

4376. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, con sẽ thọ hưởng hai sự thành tựu [trời, người], trong khi kiếp cuối cùng đang hiện hữu, con sẽ thiêu đốt các phiền não.”

4377. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Tại nơi ấy, tôi có thức ăn, tôi có nước uống và tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

4378. Khi ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi đã nhớ lại việc làm trước đây. Ngay lập tức có trận mưa về cơm ăn và nước uống đổ xuống cho tôi.

4379. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả ở đây, cơm ăn và nước uống đổ mưa xuống cho tôi trong mọi thời điểm.

4380. Do chính sự dâng cúng thịt ấy, sau khi trải qua các kiếp sống, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4381. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thịt ngọt.

4382. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

² Tīṇasūlakachadaniya nghĩa là “vị liên quan đến việc che phủ (*chadanaṃ*) bằng các bông hoa tīṇasūla.”

4383. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4384. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhumamsadāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Madhumamsadāyaka” là phần thứ tư.

415. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA

(Nāgapallavakattherāpadānaṃ)

4385. Tôi [đã] sống ở vườn thượng uyển của thành phố Bandhumatī. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở gần nơi khu ẩn cư của tôi.

4386. Tôi đã cầm lấy chồi non của cây nāga và đã dâng lên đức Phật. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lễ dâng Thiện Thệ.

4387. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường chồi non trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4388. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4389. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapallavaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāgapallavaka” là phần thứ năm.

416. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (Ekadīpiyattherāpadānaṃ)

4391. Khi bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha viên tịch Niết-bàn, tất cả chư thiên cùng nhân loại đã cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân.

4392. Và khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha được đưa lên giàn hỏa thiêu, mọi người cúng dường lễ hỏa táng của bậc Đạo Sư tùy theo năng lực của mình.

4393. Tôi đã thắp lên ngọn đèn ở không xa giàn hỏa thiêu cho đến khi mặt trời mọc lên. Ngọn đèn đã chiếu sáng đến tôi.

4394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

³ Madhumamsadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) thịt (maṃsa) ngọt (madhu).”

⁴ Nāgapallavaka nghĩa là “vị liên quan đến chồi non (pallava) của cây nāga.”

4395. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi được biết tên là “Ekadīpi”. Có một trăm ngàn ngọn đèn đã cháy sáng ở cung điện của tôi.

4396. Thân hình của tôi luôn luôn chiếu sáng tựa như mặt trời đang mọc lên. Với tất cả các hào quang của cơ thể, tôi luôn luôn có được ánh sáng.

4397. Bằng mắt, sau khi đã vượt lên ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá, tôi [có thể] nhìn thấy xung quanh một trăm do-tuần.

4398. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên bảy mươi bảy lần. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba mươi một lần.

4399. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4400. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Ngay cả khi đi vào bụng mẹ, mắt của tôi không nhắm lại.

4401. Bốn tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4402. Tôi đã làm cho thiên nhân được thanh tịnh, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả phiền não đã được cắt lìa; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4403. Tôi [có thể] nhìn thấy sau khi đã vượt lên thậm chí toàn bộ ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4404. Đối với tôi các sự gập ghềnh trở thành bằng phẳng, bóng đen không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự tăm tối; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4405. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4406. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4407. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4408. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya” là phần thứ sáu.

417. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAṄGAPUPPHIYA **(Ucchaṅgapupphiyattherāpadānaṃ)**

4409. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Bandhumatī. Sau khi chắt đầy ở bên hông, tôi đã đi đến khu phố chợ.

⁵ Ekadīpiya nghĩa là “Vị liên quan đến một (eka) cây đèn (dīpa).”

4410. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, với năng lực lớn lao, dẫn đầu hội chúng Tỳ-khuru đi ra.

4411. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī, vị giúp cho thế gian vượt qua, tôi đã lấy ra bông hoa từ bên hông và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

4412. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4413. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4414. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4415. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uccaṅgapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Uccaṅgapupphiya” là phần thứ bảy.

418. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA

(Yāgudāyakattherāpadānaṃ)

4416. Lúc bảy giờ, sau khi tiếp đãi người khách của tôi, tôi đã đi đến ngôi làng nhỏ. Sau khi nhìn thấy con sông bị tràn ngập, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

4417. Là những vị chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giữ bô (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị trí tuệ ấy sống ở tu viện của hội chúng.

4418. Sự đi lại của các vị đã được giải thoát tốt đẹp như thế ấy là bị gián đoạn. Các vị ấy không đi để khát thực chính vì dòng sông ngăn trở.

4419. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chấp tay lên. Tôi đã lấy gạo của tôi rồi đã dâng cúng vật thí là cháo.

4420. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cháo đến năm vị. Được hài lòng với việc làm của chính mình, tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi.

4421. Và có cung điện làm bằng ngọc ma-ni dành cho tôi được tạo ra ở hội chúng Tam Thập. Được gần gũi với những nữ nhân, tôi vui thích ở cung điện tuyệt vời.

4422. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Tôi đã là đấng Chuyên Luân Vương cai quản lãnh thổ rộng lớn ba mươi lần.

⁶ Uccaṅgapupphiya nghĩa là “Vị mang bông hoa (puppha) ở hông (uccaṅga).”

4423. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đều thọ hưởng danh vọng.

4424. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi tóc được cạo bỏ, tôi đã thấu triệt tất cả.

4425. Trong khi biết chắc rằng, thân thể là sự suy tàn hoặc là sự hoại diệt cũng thế, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán trước việc thọ trì điều học.

4426. Sự bố thí cao quý của tôi đã được bố thí tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Do chính việc dâng cúng cháo ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

4427. Tôi không biết đến sự sầu muộn, sự than vãn, sự bệnh tật, sự lo lắng, sự bức bối của tâm đã được sanh khởi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4428. Sau khi dâng cúng cháo ở phước điền vô thượng của hội chúng, tôi thọ hưởng năm điều lợi ích. Ôi, tính chất đã được hiển dương tốt đẹp của món cháo!

4429. Sự không bị bệnh, có sắc đẹp, chuyên chú vào giáo pháp, đạt được cơm nước, tuổi thọ là điều [lợi ích] thứ năm đối với tôi.

4430. Bất cứ người nào trong khi sanh khởi niềm phấn khởi, người ấy nên dâng cúng cháo đến hội chúng. Là bậc trí tuệ, [người ấy] có thể nhận lãnh năm điều này.⁷

4431. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4432. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4433. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4434. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yāgudāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Yāgudāyaka” là phần thứ tám.

419. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA (*Patthodanadāyakattherāpadānaṃ*)

4435. Trước đây, tôi đã là người đi rừng, thường xuyên làm việc ở trong rừng. Sau khi cầm lấy gói cơm, tôi đã đi làm công việc.

4436. Ở nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Sau khi nhìn thấy Ngài đang từ rừng đi ra để khát thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

⁷ Ở các tạng Miến, Thái, Anh có thêm 2 câu kệ (4 dòng). Không thêm vào vì ý nghĩa không có gì đặc biệt.

⁸ Yāgudāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cháo (yāgu).”

4437. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, và phước báu của tôi là không được biết đến. Có gói cơm này, tôi sẽ chăm lo bữa ăn cho bậc Hiền Trí.

4438. Khi ấy, tôi đã cầm lấy gói cơm và đã dâng cúng đến đáng Tỳ Chủ. Trong khi tôi đang suy tư, bậc Hiền Trí đã thọ dụng [gói cơm].

4439. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4440. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4441. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của gói cơm.

4442. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của gói cơm.

4443. Các cửa của cải được sanh lên cho tôi tương đương với dòng nước của con sông, tôi không thể nào đo lường; điều này là quả báo của gói cơm.

4444. “Người hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này”, vì thế tôi được sung sướng; điều này là quả báo của gói cơm.

4445. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gói cơm.

4446. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4447. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4448. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Patthodanadāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Patthodanadāyaka” là phần thứ chín.

420. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA

(Mañcadāyakattherāpadānam)

4449. Khi đáng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã viên tịch Niết-bàn, khi Phật ngôn đã được phổ biến, được tôn kính bởi chư thiên cùng nhân loại.

4450. Tại nơi ấy, tôi đã là người giai cấp hạ tiện, là người làm ghế dài và ghế đầu. Tôi sinh sống bằng công việc ấy. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

⁹ Patthodanadāyaka nghĩa là “Vị dâng cúng (dāyaka) gói (pattha) cơm (odana).”

4451. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm xong chiếc ghế dài khéo được hoàn tất. Rồi tôi đã đích thân đi đến và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

4452. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4453. Được đi đến thế giới của chư thiên, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Các giường nằm có giá trị lớn lao được sanh lên theo như ước muốn.

4454. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc năm mươi lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4455. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4456. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, nếu tôi đi đến cõi nhân loại, các chiếc giường xinh đẹp vô cùng giá trị tự chính chúng hiện ra cho tôi.

4457. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí hôm nay cũng là thời điểm của chiếc giường, có chiếc giường hiện diện.

4458. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4459. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4460. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Bhaddāli, vị [dâng] một chiếc lọng, vị Tīṇasūla, vị dâng cúng thịt, vị [dâng] chồi non cây nāga, vị có ngọn đèn, vị có [bông hoa] ở bên hông, vị dâng cúng cháo, vị có gói cơm, vị dâng cúng chiếc giường. Và các câu kệ được tính đếm ở đây là hai trăm câu kệ và một câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Bhaddāli là phẩm thứ bốn mươi hai.

¹⁰ Mañcadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) chiếc giường (mañca).”

XLIII. PHẨM SAKIṬSAMMAJJAKA (SAKIṬSAMMAJJAKAVAGGO)

421. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIṬSAMMAJJAKA (*Sakimsammajjakattherāpadānaṃ*)

4462. Đối với đức Thế Tôn Vipassī, cây Pāṭalī là [tên của] cội cây Bồ-đề tối thượng. Sau khi nhìn thấy cội cây cao cả ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4463. Sau khi cầm lấy cái chổi, tôi đã quét cội Bồ-đề liền khi ấy. Sau khi quét cội Bồ-đề ấy, tôi đã đánh lễ cây Pāṭalī.

4464. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã chấp tay lên ở đầu, trong khi tôn kính cội Bồ-đề ấy, tôi đã khom mình bước đi.

4465. Trong khi tưởng nhớ đến cội cây Bồ-đề tối thượng, tôi bước đi ở lối đi bộ. Có con trần, có hình dáng khủng khiếp, có sức mạnh lớn lao đã bức hiếp tôi.

4466. Hành động đã được tôi làm trong lúc gần đây, đã khiến cho tôi được vui lòng với kết quả. Con trần nuốt chửng lấy thân hình của tôi, và tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.¹

4467. Tâm của tôi không bị chộn rộn, luôn luôn tinh khiết, trong trắng. Tôi không còn biết đến mũi tên sâu muộn [và] sự bức bối ở tâm của tôi.

4468. Bệnh cùi, bệnh mụn nhọt, bệnh chàm, bệnh động kinh, bệnh ghẻ, bệnh lở loét và bệnh ngứa không có ở tôi; điều này là quả báo của việc quét.

4469. Sự sâu muộn và sự than vãn ở trong trái tim của tôi là không được biết đến, tâm không bị cong queo, được ngay thẳng; điều này là quả báo của việc quét.

4470. Tôi không bị vướng mắc ở các tầng định, tâm ý được tự tín. Tôi muốn bất cứ tầng định nào, chính tầng định ấy tự đạt đến cho tôi.

4471. Tôi không say đắm ở điều quyến rũ và các sự việc xấu xa, tôi không bị mê muội ở điều ngu xuẩn; điều này là quả báo của việc quét.

4472. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc quét.

4473. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

¹ Vị này đã bị con trần giết chết và được sanh lên cõi trời liền tức thì.

4474. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4475. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakimsammajjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sakimsammajjaka” là phần thứ nhất.

422. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA

(Ekadussadāyakattherāpadānaṃ)

4476. Tôi đã là người gánh củ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh củ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.³

4477. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4478. Sau khi ngồi xuống tại ngôi nhà của chính mình, tôi đã tức thời suy nghĩ như vậy: “Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian mà vật xứng đáng để dâng cúng không được tìm thấy.

4479. Đây là tám vải choàng duy nhất của ta. Ta không có gì để trở thành người thí chủ. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ương trồng vật cúng dường.”

4480. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tám vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4481. Sau khi dâng cúng tám vải độc nhất, tôi đã thốt lớn tiếng rằng: “Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua.”

4482. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

4483. “Do tám vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, người [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4484. Người sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4485. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, người sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

4486. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, người sẽ đạt được vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn.”

² Sakimsammajjaka nghĩa là “vị một lần (*sakim*) quét tước (*sammajjaka*).”

³ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka, số 334, trang 260.

4487. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4488. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

4489. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

4490. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn, tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, có cả rừng rậm cùng với núi non.

4491. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác.

4492. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

4493. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

4494. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4495. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka” là phần thứ nhì.

423. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA

(Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ)

4497. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Gosita, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4498. Khi ấy, [tôi] có tên là Nārada. [Người ta] biết đến tôi với tên là Kassapa. Trong lúc tầm cầu đạo lộ thanh tịnh, tôi sống ở [núi] Gosita.

4499. Bậc Toàn Giác, đáng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Ưu Thích Sự Độc Cư đã đi đến bằng đường không trung.

4500. Sau khi nhìn thấy hào quang của bậc Đại Ân Sĩ đang di chuyển ở trên chóp đỉnh của khu rừng, tôi đã xếp đặt chiếc giường gỗ và đã trải ra tấm da dê.

4501. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi, tôi đã chấp tay lên ở đầu. Sau khi bày tỏ sự vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

⁴ Ekadussadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) một (eka) tấm vải (dussa).”

4502. “Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị phẫu thuật, là người thầy thuốc của các bệnh nhân. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy ban cho con liều thuốc của người bị cơn bệnh hành hạ.

4503. Bạch đức Phật tối thượng, bạch đấng Hiền Trí, những người nào có mục đích về sức khỏe, nhìn thấy Ngài đạt được sự thành tựu về mục đích trường cửu, sự tái sanh của những người này được lui tàn.

4504. Con là người thọ dụng trái cây đã rụng xuống, con không có vật dâng cúng đến Ngài. Con có chỗ ngồi này, thỉnh Ngài ngồi xuống ở chiếc giường gỗ.”

4505. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Sau khi chờ đợi trong chốc lát, Ngài đã nói lời này:

4506. “Người hãy tự tin, chớ lo sợ. Người đã đạt được viên ngọc như ý. Điều gì đã được người ước nguyện, tất cả sẽ được tròn đủ trong thời vị lai.

4507. Điều đã được làm ấy của người ở phước điền vô thượng không là vô ích. Đối với người nào có tâm đã được củng cố, bản thân của [người ấy] có thể tiếp độ được.

4508. Do sự dâng cúng chỗ ngồi này và do các nguyện lực của tác ý, người [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4509. Người sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4510. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Người sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi và sẽ luân chuyển ở vòng luân hồi.”

4511. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc trí tuệ đã bay lên không trung, như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4512. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, xe kéo và cỗ xe, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4513. Ngay cả khi đã đi vào rừng rậm, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4514. Trong khi đã đi vào trong nước, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4515. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, luôn luôn có một trăm ngàn chiếc ghế bành vây quanh tôi.

4516. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể thiên nhân và loài người. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và Bà-la-môn.

4517. Sau khi dâng cúng một chỗ ngồi ở phước điền vô thượng, sau khi nắm lấy chiếc ghế bành giáo pháp, tôi sống không còn lậu hoặc.

4518. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4519. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4520. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4521. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka” là phần thứ ba.

424. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA (*Sattakadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

4522. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Kadamba. Ở sườn ngọn núi ấy có bảy vị Phật ấy đã cư ngụ.

4523. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa, tôi đã chấp tay lên. Tôi đã hái bảy bông hoa và đã tung lên với tâm [nghĩ] về phước báu.

4524. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4525. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4526. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4527. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4528. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattakadambapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sattakadambapupphiya” là phần thứ tư.

425. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANḌAPUPPHIYA (*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

4529. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng có sự quan tâm [phụng dưỡng] đến cha và mẹ. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng, tôi không biết đến điều tốt lành.

⁵ Ekāsanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*).”

⁶ Sattakadambapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bảy (*satta*) bông hoa (*puppha*) kadamba.”

4530. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhân đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

4531. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

4532. Sau khi nhìn thấy cây korāḍa mọc ở trên đất đã được trở hoa, tôi đã hái một số [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

4533. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4534. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi là người có màu da của bông hoa korāḍa và có cả vẻ sáng ngời nữa.

4535. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

4536. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4537. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4538. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Korāḍapupphiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Korāḍapupphiya” là phần thứ năm.

426. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA

(Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānaṃ)

4539. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

4540. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

4541. Và trái đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, nó trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

4542. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

⁷ Korāḍapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) korāḍa.”

4543. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần, và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4544. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

4545. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4546. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4547. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka” là phần thứ sáu.

427. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAṂVIYA

(*Ekadhammasaṁviyattherāpadānaṃ*)

4548. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật đã giúp cho nhiều người vượt qua.⁹

4549. Vào lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy, tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phát phơ các y phục bằng vỏ cây.

4550. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Như là con chim bị va vào tảng đá, tôi không đạt được sự di chuyển.

4551. Tợ như người đã đi vào trong nước, tôi di chuyển ở hư không như vậy. Sự hư hoại về các oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây.

4552. [Nghĩ rằng:] “Nào! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể đạt được lý do.” Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư.

4553. Khi ấy, Ngài đang thuyết giảng về tính chất vô thường với âm điệu khích lệ, cuốn hút, dễ nghe, tôi đã học tập chỉ có pháp ấy của Ngài.

4554. Sau khi đã học tập sự nhận biết về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

4555. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe về Chánh pháp. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

⁸ *Ghatamaṇḍadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*ghata*) nguyên chất (*maṇḍa*).”

⁹ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Dhammasaṁviya, số 339, trang 267.

4556. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi một lần.

4557. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4558. Tôi đã thọ hưởng phước báu của chính mình, tôi đã được sung sướng ở cõi này, cõi khác. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy. Tôi không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

4559. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường:

4560. “Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên, chúng hoại diệt, sự tĩnh lặng của chúng là an lạc.”

4561. Sau khi lắng nghe câu kệ, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng trước đây. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4562. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Đức Phật đã cho [tôi] tu lên bậc trên; điều này là quả báo của việc lắng nghe giáo pháp.

4563. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nghe giáo pháp.

4564. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4565. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4566. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya” là phần thứ bảy.

428. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

4567. Tôi đã là người nông dân ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng công việc trồng trọt. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

4568. Khi ấy, thừa ruộng đã được thành tựu tốt đẹp, lúa của tôi đã được kết hạt. Và khi thời điểm gặt hái đã đến, vào lúc ấy, tôi đã suy nghĩ như vậy:

4569. “Thật không đúng đắn, không tốt đẹp cho ta là người biết về lành

¹⁰ *Ekadhammasavaṇiya* nghĩa là “vị liên quan đến việc một lần (*eka*) lắng nghe (*savaṇa*) giáo pháp (*dhamma*).”

dữ, sao ta có thể thọ dụng phẩm vật đầu mùa nếu khi ấy ta chưa dâng cúng đến hội chúng!

4570. Vị này là đức Phật có ba mươi hai hảo tướng, tương đương với bậc Không Thể Sánh Bằng. Nhờ Ngài, hội chúng là phước điền vô thượng đã được thành lập.

4571. Ta sẽ dâng cúng vật thí là lúa mới đến các Ngài trước tiên hết.” Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã trở nên mừng rỡ, tâm tư được khoan khoái.

4572. Tôi đã mang theo lúa từ thừa ruộng và đã đi đến bậc Toàn Giác. Sau khi đi đến bậc Toàn Giác, đấng Nhân Ngưu, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, tôi đã đánh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này:

4573. “Bạch đấng Hiền Trí, lúa mới đã được thành tựu và Ngài cũng là người thọ lãnh. Bạch bậc Hữu Nhân, vì lòng thương tưởng xin Ngài chấp nhận.”

4574. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Hiểu Biết Thế Gian Tissa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã nói lên những lời kệ này:

4575. “Có bốn hạng được thực hành [bốn đạo] và có bốn quả được tồn tại. Hội chúng này có bản thể chính trực, được định tính với tuệ và giới.

4576. Phước báu có mầm mống tái sanh [hữu lậu] của những người đang hiến cúng, của những chúng sanh có lòng mong mỏi phước báu đang thực hiện, đã được dâng cúng đến hội chúng là có quả báo lớn.

4577. Lúa mới nên được dâng cúng đến hội chúng ấy, vật khác cũng vậy. Sau khi xác định là hội chúng, người hãy đưa các vị Tỳ-khưu đến tư gia, và hãy dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được chuẩn bị tại nhà.”

4578. Sau khi xác định là hội chúng, tôi đã đưa các vị Tỳ-khưu đến nhà, và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được tôi chuẩn bị tại nhà.

4579. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4580. Tại nơi ấy, cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

Dứt tụng phẩm thứ mười chín.

4581. Chỗ cư ngụ của tôi được phân bố chẳng chật, đông đảo các nhóm nữ nhân. Tại nơi ấy, tôi ăn, tôi uống và tôi sống ở cõi Tam Thập Tam.

4582. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4583. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của lúa mới.

4584. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng

ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4585. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4586. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4587. Về những tôi trai, những tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4588. Sự lạnh, sự nóng nực hoặc sự bức bối không được tôi biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim không được tôi biết đến.

4589. [Được bảo rằng:] “Người hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này.” Tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4590. Giờ đây, lần sau cùng này là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Quả báo của vật dâng cúng khiến tôi luôn luôn được hoan hỷ đến tận hôm nay.

4591. Sau khi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng tám điều lợi ích thích đáng với việc làm của tôi:

4592. Tôi có sắc đẹp, có danh vọng, có của cải to lớn, là người không bị tai họa, tôi luôn luôn có quyền lực lớn lao, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

4593. Bất cứ những ai cư ngụ ở trên trái đất, tất cả đều tôn trọng tôi. Và bất cứ những gì là vật nên được dâng cúng, tôi đều đạt được trước tiên hết.

4594. Ở giữa hội chúng Tỳ-khưu hoặc trước mặt đức Phật tối thượng, các thí chủ đã đi vượt qua tất cả các vị và dâng cúng đến chính tôi.

4595. Tôi thọ hưởng các điều lợi ích này bởi vì tôi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể tối thượng trước tiên hết; điều này là quả báo của lúa mới.

4596. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lúa mới.

4597. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4598. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sucintita” là phần thứ tám.

¹¹ Sucintita nghĩa là “vị đã suy nghĩ (cintita) khéo léo (su).”

429. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONṆAKIṆKAṆIYA (*Sonṇakīṇkaṇiyattherāpadānaṃ*)

4600. Vì niềm tin, tôi đã ra đi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Thiên về nghiệp khổ hạnh, tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây.

4601. Hơn nữa, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu vào lúc bảy giờ đã hiện khởi, đang giúp cho nhiều người vượt qua.

4602-03. Và sức lực của tôi quả nhiên đã bị cạn kiệt bởi cơn bệnh trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã tạo nên ngôi bảo tháp tối thượng ở trên bãi cát. Với tâm mừng rỡ, với ý phấn chấn, tôi đã dùng tay rải rắc các bông hoa kiṇkaṇī bằng vàng.

4604. Với tâm tịnh tín ấy đối với vị Atthadassī như thế ấy, tôi đã đi vòng quanh ngôi bảo tháp như là có đức Phật hiện diện.

4605. Trong khi đi đến thế giới của chư thiên, tôi đạt được sự an lạc bao la. Tại nơi ấy, tôi đã có màu da vàng chói; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4606. Tôi có tám trăm triệu người nữ đã được trang điểm, thường xuyên phục vụ cho tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4607. Có sáu mươi ngàn nhạc cụ, gồm các trống lớn và các trống nhỏ, các tù và vỏ ốc và các trống con. Các chiếc trống đã vang lên một cách vui nhộn ở tại nơi ấy.

4608. Có tám mươi bốn ngàn con voi là những con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi, đã được trang điểm.

4609. Được che phủ với những tấm lưới vàng, các con voi thể hiện sự phục vụ đến tôi. Sự thiếu hụt của tôi về binh lực luôn cả về voi là không được biết đến.

4610. Tôi đã thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiṇkaṇī bằng vàng. Tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi tám lần.

4611. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi một lần. Tôi đã cai quản vương quốc ở mặt đất, trên quả địa cầu một trăm lẻ một lần.

4612. Giờ đây, đã đạt đến bất tử là không còn tạo tác, khó nhìn thấy vô cùng, tôi đây đã được đoạn tận các sự trôi buộc, giờ đây không còn tái sinh nữa.

4613. Kể từ khi tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4614. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trôi buộc như là con voi đực [đã được cỡi trối], tôi sống không còn lậu hoặc.

4615. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4616. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇakiṇkaṇiya¹² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇakiṇkaṇiya” là phần thứ chín.

430. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONṬAKONTARIKA

(Soṇṇakontarikattherāpadānaṃ)

4617. Đức Phật là vị đã tu tập về tâm, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, đang cư xử theo đường lối Phạm hạnh, thích thú trong sự tịnh lặng của tâm.

4618. Tôi đã suy tưởng về bậc Toàn Giác đã vượt qua dòng nước lũ, về bậc Hiền Trí được thỏa thích về thiên, đã tiến vào sự thể nhập [định], có ánh sáng của cánh hoa sủng.

4619. Sau khi lấy nước bằng cái bầu [đựng nước], tôi đã đi đến đức Phật tối thượng. Sau khi rửa các bàn chân của đức Phật, tôi đã dâng cúng cái bầu nước.

4620. Và bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Padumuttara đã truyền lệnh rằng: “Bằng cái bầu này, người hãy đem nước lại và hãy đặt ở cạnh bàn chân của Ta.”

4621. Tôi đã đáp lại rằng: “Lành thay!” Và với lòng tôn kính bậc Đạo Sư, tôi đã mang lại nước bằng cái bầu và đã đưa đến gần đức Phật tối thượng.

4622. Trong khi làm cho tâm của tôi được mát mẻ, đáng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: “Do sự dâng cúng cái bầu này, mong rằng ý định của người được thành tựu.”

4623. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười lăm kiếp. Và tôi đã trở thành đáng Chuyển Luân Vương ba mươi lần.

4624. Vào ban ngày hoặc ban đêm, nếu tôi đang đi kinh hành hoặc đang đứng, có người cầm cây gậy vàng đứng ở phía trước tôi.

4625. Sau khi dâng cúng cái bầu nước đến đức Phật, tôi đạt được cây gậy vàng. Hành động đã được thực hiện, dầu là nhỏ nhoi trở thành to lớn như thế ấy.

4626. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái bầu nước trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái bầu nước.

4627. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4628. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4629. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹² Sovaṇṇakiṇkaṇiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa kiṇkaṇī bằng vàng (sovaṇṇa).”

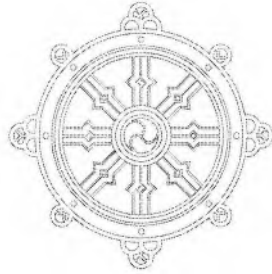
Đại đức Trưởng lão Soṇḍakontarika¹³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Soṇḍakontarika” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão quét một lần, vị có tám vải độc nhất, vị có một chỗ ngồi, vị dâng [bông hoa] kadamba, vị dâng [bông hoa] koraṇḍa, vị [dâng] bơ lỏng, vị lắng nghe [giáo pháp], vị đã khéo suy nghĩ, vị liên quan đến [bông hoa] kiṇkaṇī, và vị có cây gậy vàng. Có một trăm câu kệ và thêm vào bảy mươi một câu nữa.

Phẩm Sakiṃsammajjaka là phẩm thứ bốn mươi ba.



¹³ Soṇḍakontarika nghĩa là “vị có liên quan đến cây gậy (*konta*) bằng vàng (*soṇḍa*).”

XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĪ (EKAVIHĀRIVAGGO)

431. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA

(*Ekavihāriyattherāpadānaṃ*)

4630. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đáng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

4631. Bậc như thế ấy đã sống không còn pháp chương ngại, không cần sự nâng đỡ, có tâm ý sánh bằng bầu không gian, thường xuyên [trú vào] không tánh, thỏa thích ở vô tướng.

4632. Bậc Đại Bi, đấng Anh Hùng, rành rẽ về phương thức huấn luyện, có tâm không quyến luyến, lia phiến não, không thân cận với gia đình và đồ chúng.

4633-34. Bị bận rộn trong những việc hữu ích cho những người khác, đấng Tế Độ Thế Gian ấy ngồi giữa đại chúng đang hướng dẫn chúng sanh, luôn cả chư thiên về đạo lộ đưa đến Niết-bàn, về việc làm khô cạn bãi lầy đưa đến cảnh giới [tái sanh], về pháp bất tử có phẩm vị tối thắng, cản ngăn sự già và sự chết.

4635. Thốt lên âm điệu của loài chim Karavīka (Ca-lăng-tần-già), đấng Bảo Hộ, đức Như Lai, với âm thanh của Phạm thiên đang tiếp độ những người có lỗi đi bị lầm lạc, không người hướng dẫn, ra khỏi chốn vô cùng khôn khổ.

4636. Trong lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang thuyết giảng giáo pháp không bọt nhơ, tôi đã nhìn thấy Ngài. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình.

4637. Và sau khi xuất gia, lúc bấy giờ, trong khi suy nghĩ về giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bị khuấy rối bởi việc chung đụng nên tôi đã sống chỉ mỗi một mình ở trong khu rừng vắng vẻ.

4638. Sự yên tịnh về thân của tôi trở thành nhân duyên chính yếu cho tôi có được sự yên tịnh ở tâm, có được sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong việc chung đụng.

4639. Các phiến não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4640. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavihāriya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekavihāriya” là phần thứ nhất.

432. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA

(Ekasamkhiyattherāpadānaṃ)

4642. Đã có lễ hội ở cõi đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường cõi Bồ-đề tối thượng.

4643. Tôi không nghĩ rằng bậc Đạo Sư nào có cõi Bồ-đề được cúng dường như thế này lại là vị kém cõi, Ngài phải là vị Phật tối thượng.

4644. Do đó, tôi đã cầm lấy chiếc tù và vỗ ốc và đã phục vụ cõi cây Bồ-đề. Trong khi thổi [tù và] trọn cả ngày, tôi đã đánh lễ cõi Bồ-đề tối thượng.

4645. Hành động được thực hiện vào lúc cận kề cái chết đã đưa tôi đến thế giới chư thiên. Cơ thể của tôi vừa ngã xuống là tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.²

4646. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn hơn hờ vui mừng, hoan hỷ phục vụ tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4647. Tôi đã là đức Vua Sudassana bảy mươi một kiếp, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

4648. Kể đó, có trăm loại nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. Tôi thọ hưởng nghiệp quả của chính mình; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4649. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, các chiếc trống luôn luôn vang lên đến tôi ngay cả khi [nhập thai] đi vào bụng mẹ.

4650. Sau khi phục vụ đáng Toàn Giác, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đạt đến vị thế bất động là Niết-bàn, bình yên, bất tử.

4651. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4652. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4653. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ Ekavihāriya nghĩa là “vị liên quan đến sự cư ngụ (vihāra) một mình (eka).”

² Vị ấy bị ngã chết và được sanh lên cõi trời ngay khi ấy.

Đại đức Trưởng lão Ekasaṅkhiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekasaṅkhiya” là phần thứ nhì.

433. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬIHĪRASAÑÑAKA

(Pāṭihīrasaññakattherāpadānaṃ)

4655. Khi ấy, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Cúng đã đi vào thành phố cùng với một trăm ngàn vị có năng lực [A-la-hán].

4656. Trong khi các vị an tịnh như thế ấy đang đi vào thành phố, các châu báu đã phát sáng, đã có tiếng reo hò vào ngay lúc ấy.

4657. Trong khi đức Phật đang đi vào thành phố, do năng lực của đức Phật, những chiếc trống đã vang lên dẫu không được vỗ, các cây đàn vīṇa tự phát ra âm thanh.

4658. Tôi không nhìn thấy đức Phật tối thượng, bậc Đại Hiện Trí Padumuttara. Và sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu, tại nơi ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4659. “Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Dẫu không có tâm tư, các nhạc cụ tự chính mình phát ra âm thanh.”

4660. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

4661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka” là phần thứ ba.

434. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA

(Ñāṇatthavīkattherāpadānaṃ)

4664. Tôi đã nhìn thấy bậc Tối Thượng Nhân giống như là cây kaṇikāra được cháy sáng, như là cây đèn được chiếu sáng, như là kim loại vàng đang tỏa sáng.

4665. Sau khi xếp đặt túi nước, y phục vỏ cây và bình đựng nước, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngồi ca đức Phật tối thượng rằng:

4666. “Bạch đấng Đại Hiện Trí, trong khi hủy diệt điều tăm tối được che đậy bởi màng lưới si mê ấy, sau khi thể hiện ánh sáng trí tuệ, Ngài đã vượt qua.

³ Ekasaṅkhiya nghĩa là “vị liên quan đến một lần (eka) thôi – chiếc tù và vỏ ốc (saṅkha).”

⁴ Pāṭihīrasaññaka nghĩa là “vị tưởng nhớ (saññaka) đến điều kỳ diệu (pāṭihīra).”

4667. Bạch đấng Vô Thượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này bao gồm tất cả. Dầu cho đi khắp trái đất không có gì tương đương với trí tuệ của Ngài.

4668. Với trí tuệ ấy, đức Phật được gọi là ‘Đấng Toàn Tri.’ Bạch đấng Đại Hùng, con xin đánh lễ đấng Toàn Tri không gì che lấp ấy.”

4669. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật tối thượng trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

4670. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4671. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4672. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika” là phần thứ tư.

435. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHAṆḌIKA

(Ucchukhaṇḍikattherāpadānam)

4673. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

4674. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy khúc mía và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng, bậc Đại Ân Sĩ Vipassī.

4675. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mía trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khúc mía.

4676. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4677. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4678. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ucchukhaṇḍika⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ucchukhaṇḍika” là phần thứ năm.

⁵ Ñāṇatthavika nghĩa là “vị ngợi ca (thavika) trí tuệ (ñāṇa) của đức Phật.”

⁶ Ucchukhaṇḍika nghĩa là “vị liên quan đến khúc (khaṇḍa) mía (ucchu).”

436. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA**(*Kalambadāyakattherāpadānaṃ*)**

4679. Bạc Tự Giác Ngộ tên Romasa ngụ ở trong vùng đồi núi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên Ngài bông hoa kalamba.

4680. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa kalamba.

4681. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4682. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4683. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kalambadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kalambadāyaka” là phần thứ sáu.

437. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKADĀYAKA**(*Ambāṭakadāyakattherāpadānaṃ*)**

4684. Sau khi nhìn thấy đức Phật, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại trong khu rừng, tôi đã cầm lấy trái cây ambātaka và đã dâng cúng đến đáng Tự Chủ.

4685. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4686. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4687. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4688. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakadāyaka” là phần thứ bảy.

438. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA**(*Harītakadāyakattherāpadānaṃ*)**

4689. Tôi đích thân mang lại các loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

⁷ *Kalambadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa kalamba.”

⁸ *Ambāṭakadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây ambātaka.”

4690. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền Trí là vị có thiên chứng, được thích thú về thiên, đã đi đến sườn núi. Bậc Đại Hiền Trí đang bị hành hạ bởi cơn bệnh, không có người thứ hai [phục vụ].

4691. Tôi đã cầm lấy trái harītaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Khi thuốc men vừa mới tác dụng, cơn bệnh đã lắng dịu ngay lập tức.

4692. Có sự khó chịu đã được loại trừ, đức Phật đã nói lời tùy hỷ rằng: “Do sự dâng cúng thuốc men, và do sự dứt hẳn cơn bệnh, ...

4693. ... mong rằng người được sung sướng ở khắp mọi nơi, dầu được trở thành vị thiên nhân hay loài người hoặc ở sanh chủng khác, và bệnh hoạn chớ xảy đến cho người.”

4694. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4695. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái harītaka đến đấng Tự Chủ, bậc Đại Ân Sĩ, cho đến kiếp sống này bệnh hoạn đã không xảy đến cho tôi.

4696. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển, tam minh đã được đắc chứng, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4697. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc men trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc men.

4698. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4699. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Harītakadāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Harītakadāyaka” là phần thứ tám.

439. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINḌIYA

(Ambapinḍiyattherāpadānaṃ)

4701. Khi ấy, tôi đã là con voi chúa có ngà dài như gọng xe, vững chãi. Trong khi đi lang thang ở khu rừng bạt ngàn, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4702. Sau khi cầm lấy chùm trái xoài, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thọ lãnh.

4703. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đạt đến cõi trời Đâu-suất.¹⁰

⁹ Harītakadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây harītaka.”

¹⁰ Vị ấy đã chết đi, sanh lên cõi trời Đâu-suất.

4704. Từ nơi ấy tôi đã mệnh chung, và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Tôi thọ hưởng sự thành đạt theo đường lối thế ấy.

4705. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mằm mộng tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4706. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4707. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4708. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya” là phần thứ chín.

440. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA

(Jambuphaliyattherāpadānaṃ)

4710. Đức Phật Padumuttara, vị đang nắm giữ danh vọng tối thượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi đó đây để khát thực.

4711. Sau khi thấu hoạch trái cây đầu mùa, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư, bậc Anh Hùng xứng đáng sự cúng dường.

4712. “Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động.”

4713. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật đầu mùa.

4714. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4715. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

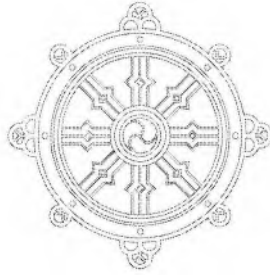
¹¹ Ambapiṇḍiya nghĩa là “vị liên quan đến chùm (piṇḍa) trái xoài (amba).”

Đại đức Trưởng lão Jambuphaliya¹² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Jambuphaliya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão sống một mình, vị [thôi] tù và vỏ ốc, vị [tưởng đến] điều kỳ diệu, vị ngợi ca [đức Phật], vị có khúc mía, vị dâng bông hoa kalamba, vị dâng trái ambātaka, vị [dâng] trái cây harītaka, vị có chùm xoài, vị dâng trái mạn đồ là thứ mười. Và các câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí là tám mươi sáu câu kệ.

Phẩm Ekavihārī là phẩm thứ bốn mươi bốn.



¹² *Jambuphaliya* nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (*phala*) mạn đồ (*jambu*).”

XLV. PHẨM VIBHĪṬAKA (VIBHĪṬAKAVAGGO)

441. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪṬAKAMIÑJIYA (*Vibhīṭakamiñjiyattherāpadānaṃ*)

4717. Bậc Đại Hùng Kakusandha là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Ngài đã đi vào bên trong khu rừng, tách biệt khỏi đám đông.

4718. Sau khi cầm lấy phần hột và ruột [của trái vibhīṭaka], tôi đã buộc lại bằng sợi dây leo. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tham thiền ở trong vùng đồi núi.

4719. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng phần hột và ruột đến đấng Anh Hùng, là bậc xứng đáng sự cúng dường.

4720. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần hột và ruột [của trái cây].

4721. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4722. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4723. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya” là phần thứ nhất.

442. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA (*Koladāyakattherāpadānaṃ*)

4724. Khi ấy, là vị mặc y phục vỏ cây, tôi đã trang phục bằng da dê. Tôi đã khuân vác túi nặng trái táo và đã đem về khu ẩn cư.

4725. Vào thời điểm ấy, đức Phật Sikhī đã là vị đơn độc, không có người thứ hai. Trong khi biết được về mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

4726. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đánh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Đưa ra bằng cả hai tay, tôi đã dâng cúng trái táo đến đức Phật.

¹ *Vibhīṭakamiñjiya* nghĩa là “vị liên quan đến phần ruột (*miñja*) của trái cây vibhīṭaka.”

4727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

4728. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4729. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4730. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koladāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Koladāyaka” là phần thứ nhì.

443. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA

(Billaphaliyattherāpadānaṃ)

4731. Khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng ở bờ sông Candabhāgā, được rải rác với những cây billa, được mọc lên với nhiều giống cây khác loại.

4732. Sau khi nhìn thấy trái cây billa có mùi thơm ngát, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Được hơn hờ, với tâm ý bị chấn động, tôi đã làm đầy gói nặng.

4733. Tôi đã đi đến [đức Phật] Kakusandha và đã dâng cúng trái cây billa đã chín đến phước điền, đến đấng Anh Hùng với tâm ý trong sạch.

4734. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4735. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4736. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4737. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Billaphaliya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Billaphaliya” là phần thứ ba.

444. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA

(Bhallātakadāyakattherāpadānaṃ)

4738. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng tợ

² Koladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái táo (kola).”

³ Billaphaliya nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (phala) có tên là billa.”

như cây sālā chúa đã được trở hoa, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4739. Tôi đã xếp đặt tám trái cỏ và đã cầu xin đức Phật tối thượng rằng: “Xin đức Phật hãy thương tưởng đến con, con muốn dâng cúng vật thực.”

4740. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Bi Mẫn, vị Có Lòng Thương Tưởng, Có Danh Tiếng Lớn Lao Atthadassī đã ngự xuống khu ẩn cư của tôi.

4741. Sau khi ngự xuống, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở tám thảm lá cỏ. Tôi đã cầm lấy trái cây bhallātaka và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4742. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đánh lễ đấng Chiến Thắng.

4743. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4744. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4745. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4746. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhallātakadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhallātakadāyaka” là phần thứ tư.

445. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA

(Uttalipupphiyattherāpadānaṃ)

4747. Tôi đã lấy ra tràng hoa uttalī và đã dâng lên cội Bồ-đề là cây Nigrodha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh.

4748. Việc tôi đã dâng lên bông hoa là ngay trong chính kiếp này, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

4749. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4750. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4751. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁴ Bhallātakadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây bhallātaka.”

Đại đức Trưởng lão Uttalipupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Uttalipupphiya” là phần thứ năm.

446. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKIYA

(Ambāṭakīyattherāpadānaṃ)

4752. Sau khi đi sâu vào trong rừng cây sālā khéo được trở hoa, bậc Hiền Trí Vessabhū đã ngồi xuống ở những nơi hiểm trở của ngọn núi, trông như là con sư tử đã được sanh ra cao quý.

4753. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường [bông hoa] ambāṭaka đến phước điền, đến bậc Đại Hùng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4754. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakiya” là phần thứ sáu.

447. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA

(Sīhāsanīkattherāpadānaṃ)

4758. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc tâm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh.

4759. Ở bất cứ nơi đâu tôi sinh sống, ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đạt được cung điện đồ sộ; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4760. Và có nhiều chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc, làm bằng ngọc ma-ni luôn luôn hiện ra cho tôi.

4761. Sau khi đã thực hiện chỗ ngồi giác ngộ cho vị tên Padumuttara, tôi được sanh ra trong gia đình thượng lưu. Ôi, tính chất tốt đẹp của giáo pháp!

4762. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4763. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁵ Uttalipupphiya nghĩa là “vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) uttalī.”

⁶ Ambāṭakiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa ambāṭaka.”

4764. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4765. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanika⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanika” là phần thứ bảy.

448. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪṬHIYA

(Pādapīṭhiyattherāpadānam)

4766. Đẳng Toàn Giác Sumedha là đẳng Bi Mãn Cao Cả, bậc Hiền Trí. Sau khi đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, vị Có Danh Vọng Lớn Lao ấy đã Niết-bàn.

4767. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện ghé kê chân ở bên cạnh bảo tọa sư tử của bậc Đại Ấn Sĩ Sumedha.

4768. Tôi đã thực hiện nghiệp tốt lành [là nghiệp] có kết quả là sự an lạc, đưa đến sự an lạc. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4769. Trong khi sống ở tại nơi ấy, tôi là người có được nghiệp phước thiện, khi tôi giở các bàn chân lên là có những chiếc ghế đầu vàng hiện ra cho tôi.

4770. Những người nào có được sự lắng nghe ở Ngài, các sự lợi ích cho họ đã được đạt thành tốt đẹp. [Thậm chí] sau khi thể hiện sự tôn kính đến bậc đã Niết-bàn, họ [cũng] đạt được sự an lạc lớn lao.

4771. Việc làm cũng đã được tôi thực hiện tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi thực hiện chiếc ghế kê chân, tôi đạt được chiếc ghế đầu vàng.

4772. Bất cứ phương nào tôi ra đi, vì bất cứ lý do gì, tôi đều bước đi ở trên chiếc ghế đầu vàng; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

4773. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ghế kê chân.

4774. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4775. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4776. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁷ Sīhāsanika nghĩa là “vị liên quan đến bảo tọa (āsana) sư tử (sīha)”, là chỗ ngồi ở cội cây Bồ-đề (bodhiyā āsanam) và trên chỗ ngồi đó, đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ. (ND)

Đại đức Trưởng lão Pādapīṭhiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pādapīṭhiya” là phần thứ tám.

449. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA

(Vedikārakattherāpadānaṃ)

4777. Sau khi thực hiện viên rào đã được làm khéo léo ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

4778. Các vật dụng nhân tạo và thiên nhiên vô cùng sang trọng đã từ không trung rơi xuống; điều này là quả báo của cái viên rào.

4779. Trong khi lao vào cuộc chiến đấu kinh hoàng nổ ra từ hai phe, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ; điều này là quả báo của cái viên rào.

4780. Sau khi biết được ước muốn của tôi, cung điện được sanh lên, xinh đẹp, với những chiếc giường trị giá lớn lao; điều này là quả báo của cái viên rào.

4781. [Kể từ khi] tôi đã xây dựng cái viên rào trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái viên rào.

4782. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4783. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4784. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka” là phần thứ chín.

450. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA

(Bodhighariyattherāpadānaṃ)

4785. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề của đức Thế Tôn Siddhattha là vị Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

4786. Tôi đạt đến cõi trời Đâu-suất. Tôi sống ở trong ngôi nhà châu báu. Sự lạnh hoặc sự nóng không có đến tôi, gió không chạm vào thân thể của tôi.

4787. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương. Có thành phố tên là Kāsika đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4788. [Thành phố này] dài mười do-tuần, rộng tám do-tuần. Ở trong thành phố này không có gỗ, dây thừng và gạch ngói.

⁸ Pādapīṭhiya nghĩa là “vị liên quan đến cái ghế (pīṭha) kê chân (pāda).”

⁹ Vedikāraka nghĩa là “vị thực hiện (kāra) cái viên rào (vedi, vedikā).”

4789. Có tòa lâu đài tên là Maṅgala đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Chiều ngang đã là một do-tuần, chiều rộng nửa do-tuần.

4790. Đã có tám mươi bốn ngàn cột làm bằng vàng và các tháp nhọn làm bằng ngọc ma-ni, mái che đã là bằng bạc.

4791. Có ngôi nhà làm bằng vàng toàn bộ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Nơi này đã được tôi cư ngụ; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4792. Sau khi thọ hưởng tất cả các thứ ấy ở cõi trời và người, hôm nay tôi đã đạt đến Niết-bàn là vị thế an tịnh không gì hơn được.

4793. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cõi Bồ-đề trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4794. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4795. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4796. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhighariya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bodhighariya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có trái cây vibhīṭaka, vị dâng trái táo, vị dâng trái billa, vị dâng trái bhallātaka, vị dâng tràng hoa uttalī, vị dâng bông hoa ambātaka, luôn cả vị có chỗ ngồi, vị dâng ghế kê chân, vị làm cái viền rào, vị cho thực hiện căn nhà của cõi Bồ-đề. Ở đây, các câu kệ đã được tính đếm là bảy mươi chín câu, tất cả đã được thuật lại ở phẩm này.

Phẩm Vibhīṭaka là phẩm thứ bốn mươi lăm.

¹⁰ Bodhighariya nghĩa là “vị liên quan đến căn nhà (ghara) ở cõi cây Bồ-đề (bodhi).”

XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA (JAGATIDĀYAKAVAGGO)

451. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA (*Jagatidāyakattherāpadānaṃ*)

4797. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện nền đất ở cội cây Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Dhammadassī.

4798. Dầu tôi bị ngã từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, chết đi tôi có được sự nâng đỡ; điều này là quả báo của nền đất.

4799. Lũ trộm cướp không áp bức tôi, các vị Sát-đế-ly không xem thường tôi, tôi vượt trội tất cả các kẻ thù; điều này là quả báo của nền đất.

4800. Ở nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được tôn vinh ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của nền đất.

4801. Tôi đã cho thực hiện nền đất, trong một ngàn tám trăm kiếp, tôi không trải qua khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nền đất.

4802. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4803. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4804. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatidāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jagatidāyaka” là phần thứ nhất.

452. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA (*Morahatthiyattherāpadānaṃ*)

4805. Tôi đã cầm lấy cánh quạt lông công và đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng cánh quạt lông công.

4806. Do cánh quạt lông công này và do các nguyện lực của tác ý, ba ngọn lửa² đã được dập tắt, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

¹ *Jagatidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) nền đất (*jagati*) ở cội cây Bồ-đề.”

² Ba ngọn lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. (ND)

4807. Ôi, chư Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Sau khi dâng cúng cánh quạt lông công, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

4808. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sinh nữa.

4809. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cánh quạt lông công.

4810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Morahatthiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Morahatthiya” là phần thứ nhì.

453. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA

(Sīhāsanavījakattherāpadānaṃ)

4813. Tôi đã đánh lễ cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn Tissa. Tôi đã lấy ra cây quạt và đã hầu quạt bảo tọa sư tử ở tại nơi ấy.

4814. [Kể từ khi] tôi đã hầu quạt bảo tọa sư tử trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4815. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4816. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4817. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanavījaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanavījaka” là phần thứ ba.

454. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĪ-UKKĀDHĀRAKA

(Tī-ukkādhārakattherāpadānaṃ)

4818. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm ba ngọn đuốc ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara.

³ Morahatthiya nghĩa là “vị liên quan đến cái cánh (*hattha*) của chim công (*mora*)”, diễn dịch là cánh quạt lông công. (ND)

⁴ Sīhāsanavījaka nghĩa là “vị quạt mát (*vījaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*).”

4819. [Kể từ khi] tôi đây đã cầm ngọn đuốc trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đuốc.

4820. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4821. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4822. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-ukkādhāraka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ti-ukkādhāraka” là phần thứ tư.

455. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA

(Akkamanadāyakattherāpadānaṃ)

4823. Tôi đã dâng cúng tám lót chân đến đáng Hiền Trí Kakusandha, vị Bà-la-môn toàn hảo, trong lúc Ngài đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

4824. Ngay trong chính kiếp này, kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám lót chân.

4825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkamanadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Akkamanadāyaka” là phần thứ năm.

456. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAKORAṆḌIYA

(Vanakoraṇḍiyattherāpadānaṃ)

4828. Tôi đã cầm lấy bông hoa koraṇḍa rừng và đã dâng lên đức Phật, đáng Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

4829. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

⁵ Ti-ukkādhāraka nghĩa là “vị cầm (dhāraka) ba (ti) ngọn đuốc (ukkā).”

⁶ Akkamanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tám lót chân (akkamana).”

4830. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4831. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4832. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanakoraṇḍiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vanakoraṇḍiya” là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi).

457. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA

(*Ekachattiyattherāpadānaṃ*)

4833. Trái đất nảy sanh ra than hừng, mặt đất trở thành tro nóng. Đức Thế Tôn Padumuttara đã đi kinh hành ở ngoài trời.

4834. Sau khi cầm lấy chiếc lọng che màu trắng, tôi đã đi đường xa. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác ở tại nơi ấy, niềm hạnh phúc đã khởi đến cho tôi.

4835. Mặt đất được phủ lên bởi màn ảo ảnh, trái đất này toàn là than hừng. Có cơn gió mạnh thổi đến làm mất đi sự thoải mái của cơ thể.

4836. “Xin Ngài hãy thọ lãnh chiếc lọng che này diệt trừ được sự lạnh và nóng, có sự cản ngăn đối với sức nóng của cơn gió, con sẽ được chạm đến sự tịch diệt.”

4837. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Thương Tướng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Ân Sĩ, đấng Chiến Thắng Padumuttara khi ấy đã thọ lãnh.

4838. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

4839. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của chính mình đã được bản thân thực hiện tốt đẹp trước đây.

4840. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có chiếc lọng che màu trắng được cầm che cho tôi trong mọi thời điểm.

4841. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng che trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4842. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁷ *Vanakoraṇḍiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa koraṇḍa rừng (*vana*).”

4843. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4844. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya” là phần thứ bảy.

458. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA

(Jātipupphiyattherāpadānam)

4845. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao viên tịch Niết-bàn, tôi đã làm những vòng hoa đội đầu rồi đã đặt lên nhục thân [của Ngài].

4846. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi Hóa Lạc thiên. Trong khi sống ở thế giới chư thiên, tôi nhớ lại nghiệp phước thiện.

4847. Có cơn mưa bông hoa từ bầu trời rơi xuống ở tôi vào mọi thời điểm. Nếu tôi luân hồi ở loài người, tôi là vị vua có danh vọng lớn lao.

4848. Tại nơi ấy, có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc, do nhờ tác động của sự cúng dường bông hoa đến chính Ngài ấy là bậc có sự nhìn thấy tất cả.

4849. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc.

4850. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4851. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4852. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4853. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipupphiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jātipupphiya” là phần thứ tám.

459. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA

(Paṭṭipupphiyattherāpadānam)

4854. Khi nhục thân [đức Phật] được đưa đi, khi những chiếc trống đang được vỗ lên, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

⁸ Ekachattiya nghĩa là “vị liên quan đến một (eka) chiếc lọng che (chatta).”

⁹ Jātipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) jāti.”

4855. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4856. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4857. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4858. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya” là phần thứ chín.

460. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPŪJAKA

(Gandhapūjakattherāpadānaṃ)

4859. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện, khi các vật thơm nhiều loại đã được mang lại, tôi đã cúng dường [một] nắm tay vật thơm với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4860. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hòa táng [đức Phật].

4861. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4862. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4863. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhapūjaka¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Gandhapūjaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị [thực hiện] nền đất, vị có cánh quạt chim công, vị [hầu quạt] bảo tọa, vị cầm giữa ngọn đuốc, vị có tám lót chân, vị có bông hoa koranda rừng, vị dâng cúng chiếc lọng che, vị cúng dường hoa jāti, vị trưởng lão có bông hoa paṭṭi, và vị cúng dường vật thơm là thứ mười. Và có sáu mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Jagatidāyaka là phẩm thứ bốn mươi sáu.

¹⁰ Paṭṭipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) paṭṭi.”

¹¹ Gandhapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) vật thơm (gandha).”

XLVII. PHẨM SĀLAKUSUMIYA (SĀLAKUSUMIYAVAGGO)

461. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA (*Sālakusumiyattherāpadānaṃ*)

4864. Khi đức Thế Tôn tên là Padumuttara viên tịch Niết-bàn và được đặt lên ở giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa Sāla.

4865. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật].

4866. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

4867. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4868. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālakusumiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sālakusumiya” là phần thứ nhất.

462. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

4869. Khi đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyển Thuộc Của Thế Gian đang được thiêu đốt, tôi đã dâng lên giàn hỏa thiêu của Ngài tám bông hoa campaka.

4870. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu [đức Phật].

4871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ *Sālakusumiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*kusuma*) Sāla.”

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka” là phần thứ nhì.

463. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA

(Citakanibbāpakattherāpadānaṃ)

4874. Khi nhục thân của bậc Đại Ân Sĩ Vessabhū đang được đốt cháy, tôi đã cầm lấy nước thơm và đã làm nguội giàn hỏa thiêu.

4875. [Kể từ khi] tôi đã làm nguội giàn hỏa thiêu trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nước thơm.

4876. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4877. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4878. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakanibbāpaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakanibbāpaka” là phần thứ ba.

464. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA

(Setudāyakattherāpadānaṃ)

4879. Khi đức Thế Tôn Vipassī đang đi kinh hành ở trước mặt, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện cây cầu.

4880. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện cây cầu trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

4881. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4882. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4883. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Setudāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Setudāyaka” là phần thứ tư.

² Citakapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) giàn hỏa thiêu (citaka).”

³ Citakanibbāpaka nghĩa là “vị làm nguội (nibbāpaka) giàn hỏa thiêu (citaka).”

465. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANṬIYA (*Sumanatālavāṇṭiyattherāpadānaṃ*)

4884. Tôi đã dâng cúng chiếc quạt được phủ lên bởi những bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi nắm giữ danh vọng lớn lao.

4885. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt.

4886. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4887. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4888. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavāṇṭiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavāṇṭiya” là phần thứ năm.

466. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVANṬAPHALIYA (*Avanṭaphaliyattherāpadānaṃ*)

4889. Đức Thế Tôn, đáng Tụ Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Sataraṃsī. Có ước muốn độc cư, đáng Toàn Giác đã ra đi về việc khát thực.

4890. Có trái cây ở tay, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đáng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái avaṇṭa.

4891. Trước đây chín mươi bốn kiếp, kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4892. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4893. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4894. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avanṭaphaliya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Avanṭaphaliya” là phần thứ sáu.

⁴ *Sumanatālavāṇṭiya* nghĩa là “vị liên quan đến chiếc quạt (*tālavāṇṭa*) được gắn hoa lài (*sumanā*).”

⁵ *Avanṭaphaliya* nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (*phala*) avaṇṭa.”

467. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA**(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)**

4895. Khi ấy, tôi đã là người phụ việc tại tu viện, ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

4896. Tôi đã cầm lấy trái mít và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đang đứng ở ngay trên không trung.

4897. Đối với tôi, Ngài là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. Tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch.

4898. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc vĩ đại và sự an lạc thù thắng. Và khi tôi tái sanh ở nơi này, nơi khác, có châu báu hiện lên [cho tôi].

4899. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4900. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4901. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4902. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka” là phần thứ bảy.

468. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA**(*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)**

4903. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ở cuối rừng, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên trái của cây sung.

4904. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4905. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4906. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4907. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁶ *Labujadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*labuja*) trái mít (*dāyaka*).”

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka” là phần thứ tám.

469. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPAṬIBHĀṆIYA

(Sayampaṭibhāṇiyattherāpadānam)

4908. Ai là người nhìn thấy đấng Nhân Nguru, vị Trời Của Chư Thiên đang tiến bước ở trên đường, tựa như cây kakudha đang chói sáng mà không tịnh tín?

4909. Ai là người nhìn thấy bậc đã xua đi điều tăm tối ấy, đã giúp cho nhiều người vượt qua, đang chói sáng với ánh sáng trí tuệ mà không tịnh tín?

4910. Ai là người nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang hướng dẫn một trăm ngàn vị có năng lực, đang tiếp độ nhiều chúng sanh mà không tịnh tín?

4911. Ai là người nhìn thấy vị đang vỗ lên chiếc trống giáo pháp, đang chế ngự các nhóm ngoại đạo, đang gầm lên tiếng rồng sư tử mà không tịnh tín?

4912. Cho đến các Phạm thiên từ thế giới Phạm thiên đã đi đến và hỏi các câu hỏi khôn khéo, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4913. Thế gian luôn cả chư thiên thể hiện sự chấp tay đối với Ngài rồi thỉnh cầu, nhờ Ngài, họ thọ hưởng phước báu, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4914. Tất cả mọi người tụ tập lại và thỉnh cầu bậc Hữu Nhãn, được thỉnh cầu, Ngài không rung động, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4915. Khi Ngài đang đi vào thành phố, có nhiều chiếc trống vang lên và các con voi hào hứng rồng lên, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4916. Trong khi đang đi ở đường lộ, toàn bộ hào quang của Ngài luôn luôn chiếu sáng, những chỗ bị gập ghềnh trở thành bằng phẳng, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4917. Khi đức Phật đang nói, [lời Ngài] được nghe ở bầu vũ trụ, Ngài làm cho tất cả chúng sanh được hiểu rõ, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4918. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

4919. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4920. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4921. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁷ Pilakkhaphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) của cây sung (pilakkha).”

Đại đức Trưởng lão Sayampaṭibhāṇiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sayampaṭibhāṇiya” là phần thứ chín.

470. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARAṆIYA

(Nimittavyākaraṇiyattherāpadānaṃ)

4922. Khi ấy, tôi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp rồi đọc tụng chú thuật. Năm mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi.

4923. Là những vị hiểu biết về kinh Vệ-đà, tất cả đã học thuộc lòng, đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần. Được hỗ trợ bởi những sự hiểu biết của chính bản thân, các vị ấy sống ở núi Hy-mã-lạp.

4924. Sau khi mệnh chung từ tập thể cõi trời Đâu-suất, vị thiên tử có danh vọng lớn lao đã sanh vào bụng mẹ với sự nhận biết và có niệm.

4925. Khi bậc Toàn Giác đang được sanh ra, mười ngàn thế giới đã chuyển động. Khi đấng Lãnh Đạo đang được sanh ra, những người mù đã đạt được thị giác.

4926. Toàn bộ quả đất này đã chuyển động với mọi hình thức. Sau khi nghe được tiếng gầm thét, đám đông dân chúng đã hoảng hốt.

4927. Tất cả mọi người đã tập trung lại và đã đi đến gặp tôi [hỏi rằng]: “Quả đất này đã chuyển động, sẽ có hậu quả gì đây?”

4928. Khi ấy, tôi đã nói với họ rằng: “Các người chớ sợ hãi, sự nguy hại không có cho các người. Tất cả cũng nên tự tin, sự xuất hiện này là có điều tốt đẹp.

4929. Bị tác động bởi tám nguyên nhân, quả đất này chuyển động. Các điều báo hiệu như thế này được nhìn thấy, có ánh sáng bao la vĩ đại.

4930. Không còn nghi ngờ nữa, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhân sẽ hiện khởi.” Sau khi làm cho dân chúng biết rõ, tôi đã thuyết giảng về năm giới cấm.

4931. Sau khi lắng nghe về năm giới cấm và về sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, họ đã trở nên hơn hờ vui mừng với niềm phấn khởi đã được sanh lên, với tâm ý vui mừng.

4932. [Kể từ khi] tôi đã giải thích về điềm báo hiệu trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc giải thích.

4933. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4934. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

⁸ Sayampaṭibhāṇiya nghĩa là “vị liên quan đến việc đích thân mình (*sayam*) ca ngợi (*paṭibhāṇa*).”

4935. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

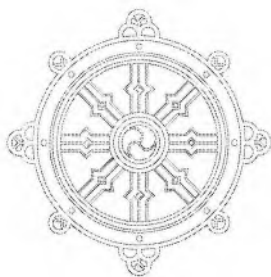
Đại đức Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão liên quan đến bông hoa Sāla, luôn cả vị cúng dường [giàn hỏa thiêu], và vị làm nguội [giàn hỏa thiêu], vị dâng cúng cây cầu, vị có cây quạt, [vị dâng lên] trái avaṇṭa, vị dâng lên trái mít, [vị dâng lên] trái sung, vị ca ngợi, và vị Bà-la-môn liên quan việc giải thích. Có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sālakusumiya là phẩm thứ bốn mươi bảy.



⁹ *Nimittavyākaraṇiya* nghĩa là “vị liên quan đến việc giải thích (*vyākaraṇa*) các điềm báo hiệu (*nimitta*).”

XLVIII. PHẨM NAḶAMĀLĪ (NAḶAMĀLIVAGGO)

471. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA

(*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

4936. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiện Củng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4937. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và ngay trong khi đang đi ra, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, vị Không Còn Lậu Hoặc ở tại nơi ấy.

4938. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường tràng hoa sậy đến đấng Đại Hùng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường, vị Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

4939. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4940. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4941. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4942. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya” là phần thứ nhất.

472. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA

(*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

4943. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác di chuyển ở trên không trung.

4944. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có cái hồ thiên nhiên rộng lớn. Ở tại nơi ấy đã là chỗ cư ngụ của tôi, được liên quan đến nghiệp phước thiện.

¹ *Naḷamāliya* nghĩa là “vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*).”

4945. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa sủng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

4946. Trong lúc xem xét, tôi đã không nhìn thấy bông hoa tôi sẽ cúng dường đến đấng Lãnh Đạo. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đánh lễ bậc Đạo Sư.

4947. Tôi đã cầm lấy viên ngọc ma-ni ở trên đầu của tôi và đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian, [ước nguyện rằng:] “Do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này, cầu mong quả thành tựu được tốt đẹp.”

4948. Đứng ở trên không trung, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đã nói lên lời kệ này:

4949. “Mong rằng ý định ấy được thành tựu cho người. Người sẽ đạt được sự an lạc lớn lao. Người hãy thọ hưởng danh vọng lớn lao do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này.”

4950. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn tên Padumuttara, vị Phật tối thượng đã đi đến nơi mà tâm đã dự tính.

4951. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần.

4952. Trong khi tôi là vị thiên nhân đang nhớ lại việc làm trước đây thì viên ngọc ma-ni là vật tạo ra ánh sáng của tôi, hiện ra cho tôi.

4953. Tám mươi sáu ngàn nữ nhân có đồ trang sức và vải vóc đủ màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni là những người vợ của tôi.

4954. [Các nàng] có làn mi cong, có nụ cười, có bộ ngực xinh, có eo thon, thường xuyên vây quanh tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường viên ngọc ma-ni.

4955. Các vật dụng và các đồ trang sức của tôi được thực hiện khéo léo, làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và làm bằng hồng ngọc đúng theo ước muốn.

4956. Các ngôi nhà mái nhọn, các hang động đáng yêu và chỗ nằm ngồi vô cùng xứng đáng, sau khi biết được ước muốn của tôi, chúng hiện ra theo như ước muốn.

4957. Và những người nào đạt được sự lắng nghe đã khéo được thành tựu [vì sự lắng nghe] là phước điền của nhân loại, là phương thuốc cho tất cả các sanh linh, các vị ấy có được những sự lợi ích.

4958. Việc làm của tôi cũng đã được thực hiện tốt đẹp là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi được thoát khỏi đọa xứ, tôi đạt được vị thế bất động.

4959. Nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi luôn luôn có ánh sáng từ bảy loại châu báu ở xung quanh.

4960. Do chính sự cúng dường viên ngọc ma-ni ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, ánh sáng trí tuệ đã được tôi nhìn thấy, tôi đạt đến vị thế bất động.

4961. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường ngọc ma-ni trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni.

4962. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4963. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4964. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañipūjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mañipūjaka” là phần thứ nhì.

473. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA

(Ukkāsatikattherāpadānaṃ)

4965. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên là Kosika đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Đức Phật, bậc Hiền Trí là vị chứng thiên, thỏa thích với thiên, vui thích với sự độc cư.

4966. Tôi đã dẫn đầu nhóm phụ nữ đi sâu vào núi Hy-mã-lạp và tôi đã nhìn thấy đức Phật Kosika tựa như mặt trăng ngày rằm.

4967. Khi ấy, tôi đã cầm lấy một trăm ngọn đuốc và đặt vòng quanh [đức Phật]. Tôi đã đứng bảy ngày đêm và đã ra đi vào ngày thứ tám.

4968. Khi đức Phật Kosika, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã xuất khỏi [thiên], với tâm tịnh tín tôi đã đánh lễ Ngài và đã dâng cúng một phần vật thực.

4969. “Bạch vị Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Nguru, do việc làm ấy con đã sanh lên cõi trời Đâu-suất; điều này là quả báo của một phần vật thực.”

4970. Luôn luôn có ánh sáng cho tôi vào ban ngày và cả ban đêm nữa. Tôi tỏa ra ánh sáng ở xung quanh một trăm do-tuần.

4971. Tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương, người chinh phục bốn phương, đáng chúa tể của vùng đất Jambu năm mươi lăm kiếp.

4972. Khi ấy, thành phố của tôi đã được sung túc, thịnh vượng, khéo được xây dựng có chiều dài ba mươi do-tuần và chiều rộng hai mươi do-tuần.

4973. Thành phố tên là Sobhana đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, không thiếu vắng mười loại âm thanh được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe.

² Mañipūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) ngọc ma-ni (maṇi).”

4974. Ở trong thành phố ấy không có dây thừng, gỗ và gạch ngói. Toàn bộ chỉ làm bằng vàng và chiếu sáng trong thời gian liên tục.

4975. Có bốn tường thành bao bọc, ba mặt đã được làm bằng ngọc ma-ni, và ở chính giữa có hàng cây cọ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4976. Có mười ngàn hồ nước được che đậy bởi sen hồng và sen xanh, được phủ lên bởi những sen trắng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4977. [Kể từ khi] tôi đã cầm giữ ngọn đuốc trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cầm giữ cây đuốc.

4978. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4979. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4980. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ukkāsatika³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ukkāsatika” là phần thứ ba.

474. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA

(Sumanavījanīyattherāpadānaṃ)

4981. Tôi đã cầm lấy cây quạt hoa nhài ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī và đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng.

4982. [Kể từ khi] tôi đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4983. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4984. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4985. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanavījaniya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumanavījaniya” là phần thứ tư.

³ Ukkāsatika nghĩa là “vị liên quan đến 100 (sata) cây đuốc (ukkā).”

⁴ Sumanavījaniya nghĩa là “vị liên quan đến cây quạt (vījana) hoa nhài (sumana).”

475. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA**(*Kummāsadāyakattherāpadānaṃ*)**

4986. Trong khi bậc Đại Ân Sĩ Vipassī đang đi tìm kiếm [vật thực], tôi đã nhìn thấy bình bát [của Ngài] trống không và tôi đã đặt đầy sữa đông [ở bình bát].

4987. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa đông.

4988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4989. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4990. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kummāsadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kummāsadāyaka” là phần thứ năm.

476. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSAṬṬHADĀYAKA**(*Kusaṭṭhadāyakattherāpadānaṃ*)**

4991. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực đến đức Thế Tôn Kassapa, vị Bà-la-môn toàn hảo.

4992. Ngay trong chính kiếp này [kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám thẻ vật thực.

4993. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4994. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4995. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka” là phần thứ sáu.

477. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA**(*Giripunnāgiyattherāpadānaṃ*)**

4996. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sobhita đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Tôi đã hái bông hoa nguyệt quế mọc ở núi và đã cúng dường đến đấng Tỳ-chủ.

⁵ *Kummāsadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) sữa đông (*kummāsa*).”

⁶ *Kusaṭṭhadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) tám (*aṭṭha*) thẻ vật thực (*kusa*).” Lá cỏ kusa được dùng làm thảm để chọn ra các vị Tỳ-khưu đi đến nhà thí chủ thọ thực. (ND)

4997. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4998. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4999. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5000. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Giripunnāgiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Giripunnāgiya” là phần thứ bảy.

478. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA

(Vallikāraphaladāyakattherāpadānaṃ)

5001. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sumana đã cư ngụ tại thành phố Takkarā. Tôi đã cầm lấy trái cây vallikāra và đã dâng cúng đến đấng Tụ Chủ.

5002. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5003. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5004. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5005. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka” là phần thứ tám.

479. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA

(Pānadhidāyakattherāpadānaṃ)

5006. Sau khi đã rời khỏi việc nghỉ ngơi giữa ngày, đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhân đã bước lên đường lộ.

5007. Sau khi cầm lấy đôi dép đã được làm khéo léo, tôi đã tiến bước đường xa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, vị có ánh nhìn thu hút, đang đi bộ.

⁷ Giripunnāgiya nghĩa là “vị liên quan đến hoa nguyệt quế (*punnāga*) mọc ở núi.”

⁸ Vallikāraphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) vallikāra.”

5008. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đem đôi dép lại và đặt xuống ở cạnh bàn chân [đức Phật] rồi đã nói lời nói này:

5009. “Bạch bậc Đại Hùng, vị Chúa Của Nhân Cảnh, đáng Hướng Đạo, xin Ngài hãy bước lên, mong sao mục đích của con được thành tựu là con sẽ đạt được quả báo do việc này.”

5010. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu đã bước lên đôi dép, rồi đã nói lời nói này:

5011. “Người nào được tịnh tín, tự tay mình đã dâng cúng đến Ta đôi dép, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.”

5012. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại, với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có hai tay chấp lên.

5013. “Do việc dâng cúng đôi dép, người này sẽ được sung sướng và sẽ cai quản thiên quốc năm mươi lần.

5014. Và sẽ là đáng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5015. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5016. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5017. Người có phước báu [này] sẽ được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc là loài người, sẽ nhận lãnh chiếc xe tương tự chiếc xe của chư thiên.”

5018. Các tòa lầu đài, các kiểu khiêng, các con voi của tôi là được trang điểm. Các chiếc xe được thắt ngựa giống tốt, luôn hiện hữu cho tôi.

5019. Ngay cả trong khi lìa khỏi gia đình, tôi đã rời khỏi bằng xe ngựa. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5020. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi dâng cúng một đôi dép, tôi được đạt đến vị thế bất động.

5021. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

5022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pānadhīyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pānadhīyaka” là phần thứ chín.

480. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAṆKAMIYA

(Pulinacaṇkamiyattherāpadānaṃ)

5025. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Trong lúc tìm kiếm loài linh dương, tôi đã nhìn thấy con đường kinh hành.

5026. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã ôm cát ở bên hông [bằng vật y] và đã rải lên đường kinh hành của đấng Thiện Thệ Quang Vinh.

5027. [Kể từ khi] tôi đã rải cát trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

5028. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5029. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5030. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinacaṇkamiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pulinacaṇkamiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có tràng hoa sậy, vị dâng ngọc ma-ni, vị có trăm ngọn đuốc, vị có cây quạt, món sữa đông, thẻ vật thực, luôn cả bông hoa nguyệt quế ở núi, trái cây vallikāra, vị dâng đôi dép, và đường kinh hành rải cát. Có chín mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Naḷamālī là phẩm thứ bốn mươi tám.

⁹ Pānadhīyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) đôi dép (pānadhī).” Chú giải giải thích từ pānadhīṃ là upāhanayugam nên được dịch là đôi dép (ApA. I. 448).

¹⁰ Pulinacaṇkamiya nghĩa là “vị liên quan đến đường kinh hành (caṇkama) rải cát (pulina).”

XLIX. PHẨM PĀMSUKŪLA (PĀMSUKŪLAVAGGO)

481. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀMSUKŪLASAÑÑAKA (*Pāmsukūlasaññakattherāpadānaṃ*)

5031. Đức Thế Tôn, bậc Tự Chủ tên Tissa là nhân vật cao cả. Sau khi cỡi ra tắm y may từ vải bị quăng bỏ, đấng Chiến Thắng đã đi vào trú xá.

5032. Sau khi cầm lấy cây cung đã được uốn cong, tôi đã bước đi vì nhu cầu thức ăn. Tôi đã nắm lấy con dao cong và đã đi vào khu rừng rậm.

5033. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây tại nơi ấy. Tôi đã để cây cung xuống ngay tại nơi ấy và đã chấp tay lên ở đầu.

5034. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã đánh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ với niềm phi lạc dạt dào.

5035. [Kể từ khi] tôi đã đánh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đánh lễ.

5036. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5037. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5038. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāmsukūlasaññaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pāmsukūlasaññaka” là phần thứ nhất.

482. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

5039. [Tôi] là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, về tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

¹ Pāmsukūlasaññaka nghĩa là “vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ (*pāmsukūla*).”

5040. Lúc bấy giờ, những người học trò đi đến với tôi tựa như làn nước chảy ở dòng sông. Tôi dạy bọn họ về các chú thuật, đêm ngày không biếng nhác.

5041. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác Siddhattha đã hiện khởi ở thế gian. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, Ngài đã vận hành ánh sáng của trí tuệ.

5042. Tôi có người đệ tử nọ, vị ấy đã thuật lại cho các đệ tử của tôi. Khi ấy, sau khi nghe được sự việc này, bọn họ đã nói với tôi rằng:

5043. “Đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi ở trên đời. Dân chúng đi theo vị ấy, lợi lộc cho chúng ta sẽ không còn.”

5044. [Tôi đã nói rằng:] “Chư Phật, các bậc Hữu Nhân có danh vọng lớn lao là những vị hiếm khi hiện khởi. Hay là ta nên nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian?”

5045. Tôi đã cầm lấy tấm da dê, bộ y phục vỏ cây và túi đựng nước của tôi rồi đã rời khỏi khu ẩn cư. Tôi đã thông báo với các đệ tử rằng:

5046. “Tương tựa như bông hoa của cây odumbara và chú thỏ ở mặt trăng, tương tựa như sữa của các con quạ, chư vị Lãnh Đạo Thế Gian là điều hy hữu.

5047. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian cũng như [được sanh vào] bản thể nhân loại là điều hy hữu. Và trong khi có được cả hai, việc nghe [giáo pháp] là điều vô cùng hy hữu.

5048. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian. Nay chư vị, chúng ta sẽ nhận được [Pháp] nhân của chúng ta. Chư vị hãy đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đấng Chánh Đẳng Giác.”

5049. Khi ấy, tất cả các vị ấy đều mang túi đựng nước, mặc y phục da dê thô xấu, quần búi tóc rồi đã rời khỏi khu rừng.

5050. Những vị tầm cầu mục đích tối thượng [ấy] trong khi nhìn với khoảng cách của cán cây, không còn các vương bận và sân hận, tựa như những con sư tử không bị hãi sợ.

5051. Ít bị bận rộn, không tham lam, cần trọng, có hành vi thanh tịnh, các vị ấy trong khi vừa lo việc kiếm sống vừa đi đến gần đức Phật tối thượng.

5052. Khi chỉ còn một do-tuần rưỡi, có cơn bệnh đã sanh khởi đến tôi. Sau khi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

5053. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

5054. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5055. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5056. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão *Buddhasaṅṅika*² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão *Buddhasaṅṅika*” là phần thứ nhì.

483. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA

(Bhisadāyakattherāpadānaṃ)

5057. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đó [bụng] tôi [đã] nhô lên củ sen ở tại nơi ấy.

5058. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

5059. Khi ấy, trong khi Ngài đang phát phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5060-61. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: “Xin đức Phật, bậc Hữu Nhân, vì lòng thương tưởng, hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con.” Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao, đã ngự xuống.

5062. Bậc Hữu Nhân vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

5063. “Này người có đại phước, mong rằng người được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sinh được thành tựu cho người. Do việc dâng cúng củ sen này, người sẽ đạt được sự an lạc lớn lao.”

5064. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

5065. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

5066. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét trong lúc sấm sét đang nổ ra.

5067. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khụy xuống, tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5068. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên.

5069. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, hầu cận sáng tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5070. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

² *Buddhasaṅṅika* nghĩa là “vị tướng nhớ (*saṅṅika*) đến đức Phật (*buddha*).”

5071. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sinh nữa.

5072. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5073. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5074. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5075. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka” là phần thứ ba.

484. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA

(Ñāṇatthavikattherāpadānaṃ)

5076. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo ở phía Nam của núi Hy-mã-lạp. Vào lúc bấy giờ, trong khi tâm cầu mục đích tối thượng, tôi cư ngụ ở trong rừng.

5077. Trong lúc tìm kiếm vị thầy, tôi sống mỗi một mình với rễ và trái cây, hài lòng với việc có hay không có.

5078. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài công bố về bốn sự thật.

5079. Tôi không được nghe về đấng Toàn Giác, cũng không có ai nói với tôi. Khi tám năm đang trôi qua, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5080. Sau khi dập tắt củi lửa và quét dọn khu ẩn cư, tôi đã cầm lấy gói vật dụng và đã rời khỏi khu rừng.

5081. Trong khi cư ngụ chỉ một đêm ở các ngôi làng và các khu phố chợ, khi ấy theo tuần tự, tôi đã đi đến gần con sông Candavatī.

5082. Vào thời điểm ấy, trong lúc tiếp độ nhiều chúng sanh, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha thuyết giảng về vị thế bất tử.

5083. Tôi đã vượt qua đám đông người và đã đánh lễ đấng Chiến Thắng sánh tợ đại dương. Tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

5084. “Ngài là đấng Tối Thượng Của Loài Người, là bậc Thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi một).

³ Bhisadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) củ sen (bhisa).”

5085. Bạch bạch Hiền Trí, Ngài là bậc khôn khéo về kiến thức, là đấng Anh Hùng đã giúp cho chúng sanh vượt qua, ở thế gian không có người nào khác là đấng Tiếp Độ, không ai là trội hơn Ngài.

5086. Biên cả vĩ đại hiển nhiên là có thể đo lường bằng đầu ngọn cỏ kusa, tuy nhiên bạch đấng Toàn Tri, trí tuệ của Ngài là không thể đo lường được.

5087. Bạch đấng Hữu Nhân, sau khi đặt trái đất lên đĩa cân là có thể xác định, tuy nhiên sự đo lường trí tuệ của Ngài là không thể có.

5088. Không gian có thể ước lượng bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, tuy nhiên, bạch đấng Toàn Tri, giới hạnh của Ngài là không thể đo lường.

5089. Bạch đấng Hữu Nhân, nước ở đại dương, bầu trời và trái đất, những vật này là có thể đo lường, còn Ngài là không thể đo lường.”

5090. Sau khi đã tán dương đấng Toàn Tri có danh vọng lớn lao bằng sáu câu kệ, khi ấy tôi đã chấp tay lên rồi đứng im lặng.

5091. Người ta nói về người có tuệ bao la, sáng suốt là “Sumedha”. Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

5092. “Người nào, được tịnh tín, đã tán dương trí tuệ của Ta bằng tâm ý của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

5093. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

5094. Và [người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5095. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, [người này] được tự hội với nghiệp phước thiện, sẽ có tuệ sắc bén, tâm tư không bị kém sút.

5096. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5097. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, và sẽ chạm đến phẩm vị A-la-hán vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh.”

5098. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được giáo pháp, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến tâm tư không được thích ý.

5099. Tôi đã luân hồi ở tất cả các cõi và đã thọ hưởng đầy đủ, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5100. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

5101. Kể từ khi tôi đã ngợi ca trí tuệ trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5102. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5103. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5104. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika” là phần thứ tư.

485. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA

(Candanamāliyattherāpadānaṃ)

5105. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, các sắc yêu quý, các vật thích ý, tôi đã từ bỏ tám mươi *koṭi* và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5106. Sau khi xuất gia, tôi đã tránh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ ác hạnh do khẩu, tôi cư ngụ ở bờ sông.

5107. Trong khi tôi đang sống mỗi một mình, đức Phật tối thượng đã đi đến gặp tôi. Tôi không biết về “đức Phật”. Tôi đã thực hiện việc chào hỏi.

5108. Sau khi thực hiện việc chào hỏi, tôi đã hỏi tên và dòng họ: “Phải chăng Ngài là thiên thần, là vị càn-thát-bà, hay là Chúa của chư thiên Sakka?”

5109. Ngài là ai? Là con trai của ai? Phải chăng vị Đại Phạm thiên đã đi đến nơi đây? Ngài tỏa sáng tất cả các phương, giống như là mặt trời đang mọc.

5110. Thưa Ngài, một ngàn cây cắm bánh xe được thấy ở bàn chân. Ngài là ai? Là con trai của ai? Làm thế nào chúng tôi nhận biết Ngài? Xin Ngài cho biết tên và dòng họ, xin Ngài hãy xua đi nỗi nghi hoặc của tôi.”

5111. “Ta không phải là thiên thần, không phải là càn-thát-bà, cũng không phải là Chúa của chư thiên Sakka. Và Ta cũng không có bản thể của Phạm thiên, đối với các vị này Ta là bậc Tối Thượng.

5112. Ta đã vượt lên phạm vi của các vị ấy, Ta đã cắt lìa sự trói buộc của các dục. Sau khi thiêu đốt tất cả các phiền não, Ta đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.”

5113. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã nói lời nói này: “Bạch đáng Đại Hiền Trí, nếu Ngài là đức Phật, đáng Toàn Trí, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, xin thỉnh Ngài ngồi xuống, tôi sẽ cúng dường Ngài.”

5114. Tôi đã trải ra tấm da dê và tôi đã dâng cúng đến đáng Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử [ngồi xuống] ở hang núi.

5115. Tôi đã cấp tốc leo lên ngọn núi và đã hái trái xoài, bông hoa sālā xinh xắn và gỗ trầm hương vô cùng giá trị.

5116. Tôi đã mau mắn nâng lên tất cả các thứ ấy và đã đi đến gần đáng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã dâng cúng trái cây và đã cúng dường bông hoa sālā đến đức Phật.

⁴ Ñāṇatthavika nghĩa là “vị ngự ca (*thavika*) về trí tuệ (*ñāṇa*).”

5117. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã thoa trầm hương và đã đánh lễ bậc Đạo Sư với niềm phỉ lạc dạt dào.

5118. Khi ấy, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ngồi xuống ở tấm da dê. Trong khi làm cho tôi được hoan hỷ, Ngài đã tán dương việc làm của tôi rằng:

5119. “Do cả hai việc dâng cúng trái cây cùng với hương thơm tràng hoa này, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai trăm năm mươi kiếp, và sẽ trở thành người vận dụng quyền lực với tâm tư không bị sút kém.

5120. [Người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại trong hai ngàn sáu trăm kiếp và sẽ trở thành đáng Chuyển Luân Vương có đại thần lực [chinh phục] bốn phương.

5121. Có thành phố tên là Vebhāra toàn bằng vàng được tô điểm với châu báu các loại sẽ được hóa hiện ra bởi vị thần Vissakamma.

5122. Theo phương cách này đây, người ấy sẽ luân hồi các cõi. Dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ được tôn vinh ở khắp mọi nơi. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, [người này] sẽ là thân quyến của đáng Phạm thiên.⁵

5123. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ trở thành người không có gia đình, sẽ thông suốt về các thắng trí và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

5124. Nói xong điều này, trong lúc tôi đang trầm tư, bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ra đi bằng đường không trung.

5125. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5126. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suất, tôi đã tái sinh vào bụng mẹ. Khi tôi sống ở trong bào thai, tôi không có thiếu hụt về sự thọ hưởng.

5127. Khi tôi đã ở trong bụng mẹ, do ước muốn của tôi, thức ăn, nước uống và vật thực cho người mẹ được sanh lên theo như ước muốn.

5128. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Khi tóc [cạo] được rơi xuống, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5129. Trong lúc suy tầm về nghiệp quá khứ, tôi đã nhìn thấy không phải là kém cỏi, tôi đã nhớ lại việc làm của tôi trong ba mươi ngàn kiếp.

5130. “Bạch đáng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đáng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi đi đến với giáo pháp của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động.”

5131. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5132. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁵ Nghĩa là sẽ thuộc dòng dõi Bà-la-môn. (ND)

5133. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5134. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanamāliya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Candanamāliya” là phần thứ năm.

486. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA

(Dhātupūjakattherāpadānaṃ)

5135. Khi dâng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã đưa các thân quyến của tôi đến và tôi đã thực hiện việc cúng dường Xá-lợi.

5136. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

5137. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5138. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka” là phần thứ sáu.

487. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA

(Pulinuppādakattherāpadānaṃ)

5140. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Devaḷa. Con đường kinh hành của tôi ở tại nơi ấy đã được tạo nên bởi các vị phi nhân.

5141. Lúc bấy giờ, [tôi] là vị quần búi tóc rối, mang túi đựng nước, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã rời khỏi khu rừng bao la.

5142. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. Được sanh ra theo nghiệp của mình, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

5143. Sau khi rời khỏi khu ẩn cư, tôi đã tạo nên ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã gom góp các bông hoa các loại và đã cúng dường ngôi bảo tháp ấy.

5144. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tính, tôi đi vào khu ẩn cư. Tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã hỏi tôi về sự việc này:

⁶ Candanamāliya nghĩa là “vị liên quan đến trầm hương (candana) và tràng hoa (mālā).”

⁷ Dhātupūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) Xá-lợi (Dhātu).”

5145. “Chúng tôi cũng muốn biết ngài sẽ lễ bái vị thiên thần nào ở ngôi bảo tháp đã được xây dựng bằng cát. Được hỏi, xin ngài hãy giải thích cho chúng tôi.”

5146. “Các đấng Hữu Nhân có danh vọng lớn lao đã được xác định rõ ở trong câu chú thuật của chúng ta. Đương nhiên, ta lễ bái các vị Phật tối thượng có danh vọng lớn lao ấy.”

5147. “Các bậc Đại Hùng, các đấng Toàn Tri, các vị Lãnh Đạo Thế Gian ấy là như thế nào? Màu da thế nào? Giới hạnh thế nào? Các vị có danh vọng lớn lao ấy là như thế nào?”

5148. “Chư Phật có ba mươi hai tướng mạo và còn có bốn mươi cái răng. Với lông mi dài như của bò cái tợ, các con mắt của các vị ấy trông giống như trái cam thảo rừng.

5149. Và trong khi bước đi, chư Phật ấy chỉ nhìn với khoảng cách của cán cây. Đầu gối của các vị ấy không phát tiếng, âm thanh của các khớp không nghe được.

5150. Và trong khi bước đi, các đấng Thiện Thệ bước đi đều nhắc lên bàn chân phải trước tiên; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5151. Và chư Phật ấy không bị hãi sợ tương tợ như con sư tử, vua của loài thú. Các vị chẳng bao giờ ca tụng bản thân và không khinh miệt các hạng chúng sanh.

5152. Được thoát khỏi sự kiêu ngạo và chê bai, là bình đẳng đối với tất cả sanh linh, chư Phật là những vị không ca tụng chính mình; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5153. Và trong khi được sanh ra, chư Phật Toàn Giác ấy thị hiện ánh sáng và làm toàn thể trái đất này rung chuyển theo sáu cách.

5154. Và chư vị này nhìn thấy địa ngục, khi ấy, địa ngục được tiêu diệt, có đám mây lớn đổ mưa; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5155. Các bậc Long Tượng ấy là như thế, và có danh vọng lớn lao không thể sánh bằng, không bị vượt trội về thể hình, các đấng Như Lai là vô lượng.”

5156. Tất cả các người đệ tử đã tùy hỷ những lời nói của tôi với sự kính trọng. Và họ đã thực hành theo đúng như thế, tùy theo sức mạnh, tùy theo năng lực.

5157. Trong khi tin tưởng lời nói của tôi, những đệ tử có sự mong mỏi về nghiệp của mình tôn vinh [ngôi bảo tháp] cát với tâm ý hướng về bản thể đức Phật.

5158. Vào lúc bấy giờ, vị thiên tử có danh vọng lớn lao, sau khi mệnh chung ở cõi trời Đâu-suất đã sanh vào bụng mẹ, mười ngàn thế giới đã rung động.

5159. Tôi đã đứng ở đường kinh hành không xa khu ẩn cư. Tất cả các đệ tử đã tụ tập lại và đã đi đến ở bên tôi [hỏi rằng]:

5160. “Trái đất găm thét như loài bò mộng, rỗng lên như loài sư tử, khuấy động như loài cá sấu, sẽ có hậu quả gì đây?”

5161. “Đấng Toàn Giác mà ta tán dương lúc ở gần ngôi bảo tháp bằng cát, giờ đây đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư ấy đã nhập vào bụng mẹ.”

5162. Sau khi thực hiện việc giảng pháp cho họ và tán dương bậc Đại Hiền Trí, tôi đã giải tán các đệ tử của mình rồi đã xếp vào thế kiết-già.

5163. Và sức lực của tôi quả nhiên đã cạn kiệt, tôi đã bị bệnh một cách trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

5164. Khi ấy, tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã thực hiện giàn hỏa thiêu. Và sau khi cầm lấy thi thể của tôi, họ đã đặt lên giàn hỏa thiêu.

5165. Các vị ấy đã tụ hội lại, vây quanh giàn hỏa thiêu và đã chấp tay lên ở đầu. Bị ưu phiền bởi mùi tên sấu muộn, các vị ấy đã khóc rống lên.

5166. Trong khi các vị ấy đang than vãn, tôi đã đi đến gần giàn hỏa thiêu [nói rằng]: “Này các bậc trí tuệ, ta là thầy của các người, các người chớ có sầu muộn.

5167. Các người hãy nên nỗ lực cho lợi ích của mình, đêm ngày không biếng nhác. Các người chớ trở nên xao lãng, thời khắc của các người đã được xếp đặt.”

5168. Sau khi chỉ dạy các đệ tử của mình, tôi đã trở lại thế giới chư thiên. Và tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười tám kiếp.

5169. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, và đã cai quản thiên quốc hàng trăm lần.

5170. Trong những kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen lẫn [ở cõi trời và cõi người], tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cát.

5171. Giống như vào tháng Komudī, có nhiều giống cây trổ hoa. Tương tự y như thế, nhờ bậc Đại Ân Sĩ, tôi cũng được trổ hoa vào thời điểm.

5172. Chính sự tinh tấn là có khả năng tiến hành các phạm sự, là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5173. [Kể từ khi] tôi đã tán dương đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

5174. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5175. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5176. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinuppādaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Pulinuppādaka” là phần thứ bảy.

488. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

5177. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Tự Chủ, đứng Lãnh Đạo Thế Gian, đức Như Lai đã đi đến gần bờ của con sông Vinakā.

5178. Là loài rùa di chuyển ở trong nước, có ý định đưa đức Phật vượt qua, tôi đã đi ra khỏi nước và đã đi đến gần đứng Lãnh Đạo Thế Gian.

5179. “Xin đức Phật Atthadassī, bậc Đại Hiền Trí hãy bước lên người con, con sẽ đưa Ngài vượt qua. Ngài là bậc Đoạn Tận Khổ Đau.”

5180. Sau khi biết được ý định của tôi, đứng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī có danh vọng lớn lao đã bước lên và đứng ở trên lưng của tôi.

5181. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi chưa từng có sự sung sướng dường thế ấy, giống như khi được lòng bàn chân [Ngài] chạm đến.

5182. Sau khi vượt qua, đứng Toàn Giác Atthadassī có danh vọng lớn lao đã đứng ở bờ sông và đã nói lên những lời kệ này:

5183. “Ngay khi tâm vừa nghĩ rằng: ‘Ta [sẽ] vượt qua dòng nước chảy của con sông’, và con rùa chúa có trí tuệ này đã đưa Ta vượt qua.

5184. Do sự vượt qua này của đức Phật và do sự hành trì tâm từ ái, [đối tượng này] sẽ sung sướng ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

5185. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [đối tượng này] ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, sẽ vượt qua dòng chảy nghi hoặc.”

5186. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng tốt đẹp, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5187. Tương tự y như thế, thừa ruộng đức Phật này đã được thuyết giảng bởi đứng Chánh Đẳng Giác, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5188. Có tính khăng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm móng tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5189. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc vượt qua.

5190. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁸ Pulinuppādaka nghĩa là “vị tạo nên (*uppādaka*) ngôi bảo tháp bằng cát (*pulina*).”

5191. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5192. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tاراṇiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tاراṇiya” là phần thứ tám.

489. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI

(Dhammarucittherāpadānaṃ)

5193. Vào lúc đức Phật, đấng Chiến Thắng Dīpaṅkara đã chú nguyện cho [vị ẩn sĩ] Sumedha rằng: “Vô lượng kiếp về sau, vị này sẽ trở thành đức Phật.

5194. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

5195. Sau khi đã ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được, vị này sẽ được giác ngộ ở gốc cội cây Assattha, trở thành bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao.

5196. Upatissa và Kolita sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

5197. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và luôn cả Ālavaka sẽ là hai nam cư sĩ hàng đầu.

5198. Khujjuttarā và Nandamātā sẽ là hai nữ cư sĩ hàng đầu. Cội Bò-đề của đấng Chiến Thắng này được gọi tên là ‘Assattha’.”¹⁰

5199. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại được hoan hỷ, chấp tay lên lễ bái.

5200. Khi ấy, tôi đã là người trai trẻ khéo được học tập tên Megha. Tôi đã nghe được lời chú nguyện thù thắng của bậc Đại Hiền Trí đến vị Sumedha.

5201. Có được niềm tin với vị Sumedha đầy lòng bi mẫn, trong khi vị anh hùng ấy đang hành hạnh xuất gia, tôi đã cùng xuất gia [với vị ấy].

5202. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, có sự nuôi mạng trong sạch, có niệm, là vị anh hùng, là người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5203. Trong khi đang an trú như thế, do một người bạn xấu xa nào đó, tôi bị xúi giục vào hành vi sai trái và đã đánh mất đạo lộ tốt đẹp.

5204. Là người bị tác động bởi sự suy tâm, tôi đã xa lìa lời giáo huấn. Sau đó, vì người bạn tồi ấy, tôi đã phạm vào việc giết chết người mẹ.

⁹ Tاراṇiya nghĩa là “vị liên quan đến việc vượt qua (*tarāṇa*).”

¹⁰ Xem lời chú nguyện đầy đủ ở tập Buddhavaṃsa (Phật sử), trang...

5205. Tôi đã thực hiện nghiệp vô gián, với tâm ý xấu xa, tôi đã giết chết [người mẹ]. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến đại địa ngục Avīci vô cùng khiếp đảm.

5206. Trong khi đang ở chốn đọa đày, bị khổ sở, tôi đã chịu đựng dài lâu. Tôi đã không nhìn thấy vị Anh Hùng Sumedha, bậc Cao Quý Của Loài Người nữa.

5207. Trong kiếp này, tôi đã là loài cá khổng lồ ở biển cả. Sau khi nhìn thấy con thuyền ở biển khơi, tôi đã đến gần mục tiêu của việc kiếm mồi.

5208. Sau khi nhìn thấy tôi, các người thương buôn kinh sợ đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Tôi đã nghe tiếng kêu lớn “Gotama” đã được thốt lên bởi những người ấy.

5209. Sau khi nhớ lại sự hiểu biết trước đây, từ nơi ấy, tôi đã mệnh chung. Tôi đã được sanh ra trong gia đình sung túc, dòng dõi Bà-la-môn ở thành Sāvatti.

5210. Có tên là Dhammaruci, tôi đã là người ghê tởm tất cả các điều ác. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy bậc Quang Đăng Của Thế Gian.

5211. Tôi đã đi đến tu viện Jetavana to lớn và đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến [nuơng nhờ] đức Phật ba lần vào ban đêm và ban ngày.

5212. Khi ấy, bậc Hiền Trí đã nhìn thấy và đã nói với tôi rằng: “Này Dhammaruci, lâu thật.” Do đó, tôi đã nói với đức Phật về sự việc quá khứ đã xảy ra:

5213. “Thật là lâu lắm, hôm nay con quả nhiên được nhìn thấy hình dáng xinh đẹp của Ngài, thân thể không gì sánh bằng, có một trăm phước tướng, là vật làm duyên đưa đến Niết-bàn trước đây.

5214. Bạch đáng Đại Hiền Trí, bóng tối đã được Ngài tiêu diệt lâu lắm rồi. Dòng sông [ái dục] đã được làm cho khô cạn nhờ vào sự hộ trì tốt đẹp. Sự ô nhiễm đã được làm trong sạch lâu lắm rồi. Con mắt đã có được cấu tạo bằng trí tuệ.

5215. Bạch đức Gotama, con được gần gũi với Ngài trong thời gian dài, con đã không bị tiêu hoại lần nữa trong khoảng thời gian dài. Hôm nay, con được hội tụ với Ngài lần nữa bởi vì những việc đã làm không bị hoại diệt.”

5216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammaruci đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhammaruci” là phần thứ chín.

490. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA**(Sālaṃaṇḍapiyattherāpadānaṃ)**

5219. Vào lúc ấy, tôi đã đi sâu vào rừng cây sālā. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo, được phủ lên bởi những bông hoa sālā, tôi cư ngụ ở khu rừng.

5220. Và đức Thế Tôn Piyadassī, đáng Tự Chủ, là nhân vật cao cả. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã đi đến khu rừng cây sālā.

5221. Khi ấy, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã đi đến khu rừng. Trong khi tìm kiếm rễ và trái cây, tôi đi lang thang ở trong rừng bao la.

5222. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đáng Toàn Giác Piyadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ngồi vững chãi, thể nhập [định], đang chói sáng ở trong khu rừng lớn.

5223. Tôi đã dựng bốn cây gậy và đã tạo nên mái che, được làm khéo léo ở phía bên trên của đức Phật, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa sālā.

5224. Tôi đã cầm giữ mái che được phủ lên bằng bông hoa sālā trong bảy ngày. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

5225. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định. Trong khi nhìn với khoảng cách của cán cây, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống.

5226. Vị Thịnh văn của bậc Đạo Sư Piyadassī tên là Varuṇa cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến gặp đáng Hướng Đạo.

5227. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khuru đã để lộ nụ cười.

5228. Anuruddha, vị thị giả của bậc Đạo Sư Piyadassī đã khoác y một bên vai rồi đã hỏi bậc Đại Hiền Trí rằng:

5229. “Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư để lộ nụ cười trong khi biết được lý do, vậy nguyên nhân của việc thể hiện nụ cười của bậc Đạo Sư là gì?”

5230. “Ta đã nhớ lại việc làm của người trai trẻ đã cầm giữ mái che bằng bông hoa cho Ta trong bảy ngày, nên Ta đã để lộ nụ cười.

5231. Ta không nhìn thấy khoảng không gian nào dung chứa được phước báu, và không khoảng không gian nào được như ý dầu ở thế giới chư thiên hay nhân loại.

5232. Đối với người có được nghiệp phước thiện đang sinh sống ở thế giới chư thiên, cho đến hội chúng của người ấy sẽ được phủ lên bởi bông hoa sālā.

5233. Tại đó, trong khi nghiệp phước thiện đã được hội tụ, người ấy sẽ luôn luôn vui sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của thiên đình.

5234. Cho đến hội chúng của người ấy sẽ có được hương thơm hạng nhất. Và sẽ có cơn mưa bông hoa sālā rơi xuống liền khi ấy.

5235. Mệnh chung từ nơi ấy, người nam này sẽ đi đến cõi nhân loại. Thậm chí ở nơi đây cũng có mái che bằng bông hoa Sāla, được duy trì trong mọi thời điểm.

5236. Ở nơi đây, điệu vũ và lời ca được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe, sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5237. Và khi mặt trời đang mọc lên, sẽ có cơn mưa bông hoa sālā rơi xuống. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, [bông hoa Sāla] đổ mưa vào mọi thời điểm.

5238. Vào một ngàn tám trăm kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5239. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5240. Sẽ có mái che bông hoa sālā cho người này khi đang chứng ngộ giáo pháp. Trong khi người này đang được thiêu đốt ở giàn hỏa thiêu, sẽ có mái che ở tại nơi ấy.”

5241. Sau khi tán dương quả thành tựu, trong khi làm hài lòng hội chúng với cơn mưa giáo pháp, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã thuyết giảng giáo pháp.

5242. Tôi đã cai quản thiên quốc của chư thiên trong ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bảy lần.

5243. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, tôi nhận được sự an lạc lớn lao. Thậm chí ở nơi đây cũng sẽ có mái che bông hoa sālā trong mọi thời điểm.

5244. Sau khi đã làm hài lòng bậc Đại Hiền Trí Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakya, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

5245. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

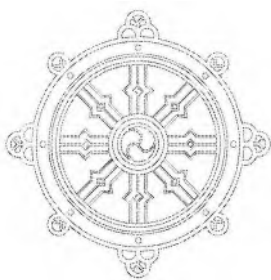
Đại đức Trưởng lão Sālamaṇḍapiya đã nói lên những lời kệ này như thế.

“Ký sự về Trưởng lão Sālamaṇḍapiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Tám y may từ vải bị quăng bỏ, vị tưởng nhớ đến đức Phật, vị dâng cúng củ sen, vị tán dương trí tuệ, vị có trầm hương, vị cúng dường Xá-lợi, vị tái sinh do cát, vị vượt qua, vị Dhammaruci, vị có mái che bông hoa sālā là tương tự. Có hai trăm câu kệ và thêm vào mười chín câu nữa.

Phẩm Samsukūla là phẩm thứ năm mươi một.



L. PHẨM TIKIÑKAṆIPUPPHIYA (TIKIÑKAṆIPUPPHIYAVAGGO)

491. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIÑKAṆIPUPPHIYA (*Tikiñkaṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

5249. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị không còn ô nhiễm, đáng Lãnh Đạo Thế Gian ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng tựa như là cây kaṇikāra.

5250. Tôi đã lấy ra ba bông hoa kiṇkaṇi và đã dâng lên [Ngài]. Sau khi đã cúng dường đáng Toàn Giác, tôi đi [nhiều quanh Ngài], mặt hướng phía phải.

5251. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5252. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5253. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5255. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikiñkaṇipupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tikiñkaṇipupphiya” là phần thứ nhất.

492. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṂSUKŪLAPŪJAKA (*Paṃsukūlapūjakattherāpadānaṃ*)

5256. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Udaṅgaṇa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tâm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây.

5257. Khi ấy, sau khi hái xuống ba bông hoa kiṇkaṇi, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường [ba bông hoa] đến tâm y may từ vải bị quăng bỏ.

¹ *Tikiñkaṇipupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến ba (ti) bông hoa (*puppha*) kiṇkaṇi.”

5258. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5259. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh sau khi đã cúng dường đến biểu tượng của bậc A-la-hán [tắm y].

5260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5261. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5262. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṃsukūlapūjaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paṃsukūlapūjaka” là phần thứ nhì.

493. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANḌAPUPPHIYA

(Koraṇḍapupphiyattherāpadānam)

5263. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng cùng với cha và ông. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng. Điều tốt lành của tôi là không có.

5264. Do lòng thương tưởng, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhân đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

5265. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

5266. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa mọc ở trên đất đã được trở hoa, tôi đã hái một nhúm [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

5267. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5268. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi có làn da [màu bông hoa] koraṇḍa, tôi có được vẻ ngời sáng.

5269. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường [dấu] bàn chân [đức Phật].

5270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

² Paṃsukūlapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) tắm y may từ vải bị quăng bỏ (paṃsukūla).”

5271. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5272. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya” là phần thứ ba.

494. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPUPPHIYA

(Kimsukapupphiyattherāpadānaṃ)

5273. Sau khi nhìn thấy cây kimsuka được trở hoa, tôi đã chấp tay lên. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã cúng dường ở không trung.

5274. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5275. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5277. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5278. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kimsukapupphiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kimsukapupphiya” là phần thứ tư.

495. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPADḌHADUSSADĀYAKA

(Upadḍhadussadāyakattherāpadānaṃ)

5279. Lúc bấy giờ, vị Thịnh văn tên Sujāta của đức Thế Tôn Padumuttara, trong lúc tìm kiếm vải bị quăng bỏ, đã đi quanh quần ở đồng rác.

5280. Là người làm thuê cho những người khác ở trong thành phố Hamsavatī, tôi đã dâng cúng một nửa số vải và đã dâng đầu đánh lễ [vị ấy].

5281. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5282. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần.

³ Koraṇḍapupphiya nghĩa là “vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa.”

⁴ Kimsukapupphiya nghĩa là “vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) kimsuka.”

5283. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do việc dâng cúng một nửa số vải, tôi được vui vẻ, sự sợ hãi không có.

5284. Và hôm nay, trong khi mong muốn tôi có thể che phủ [hết thấy] núi non và rừng rậm bằng các tấm vải sợi lanh; điều này là quả báo của một nửa số vải.

5285. Kể từ khi tôi đã dâng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nửa số vải.

5286. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5287. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5288. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka” là phần thứ năm.

496. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA

(Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānam)

5289. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đáng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

5290. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

5291. Và quả đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

5292. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc, mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

5293. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần. Và tôi đã trở thành đáng Chuyển Luân Vương năm mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5294. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi sáu kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

5295. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁵ Upaḍḍhadussadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) một nửa (upaḍḍha) số vải.”

5296. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka” là phần thứ sáu.

497. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA

(Udakadāyakattherāpadānaṃ)

5298. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bình nước uống đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng của đức Phật Padumuttara.

5299. Dầu ở trên đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung hoặc ở trên đất liền, khi nào tôi muốn nước uống, [nước uống] hiện ra cho tôi ngay tức khắc.

5300. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

5301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5302. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka” là phần thứ bảy.

498. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINATHŪPIYA

(Pulinathūpiyattherāpadānaṃ)

5304. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Yamaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

5305. [Tôi] là vị đạo sĩ tóc bện tên Nārada có sự khổ hạnh cao tột. Mười bốn ngàn người đệ tử sống quanh tôi.

5306. Lúc bấy giờ, trong khi đang thiền tịnh tôi đã suy nghĩ như vậy: “Tất cả mọi người tôn vinh ta. Ta không tôn vinh bất cứ ai.

5307. Ta không có vị giáo giới, không biết đến bất cứ vị diễn giả nào. Ta đi đến cư ngụ ở trong rừng, không có thầy giáo thọ và thầy tế độ.

⁶ Ghatamaṇḍadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) bơ lòng (ghata) nguyên chất (maṇḍa).”

⁷ Udakadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) nước (udaka).”

5308. Đối với ta, không có thầy giáo thọ để ta phục vụ với tâm cung kính, trong lúc kề cận thì sự cư ngụ ở rừng là không có ý nghĩa.

5309. Như thế, ta sẽ tự tìm kiếm vị thầy đáng kính, đáng thọ nhận sự cúng dường của ta. Ta sẽ sống có sự hỗ trợ, không người nào sẽ trách móc.”

5310. Không xa khu ẩn cư của tôi, có con sông nhỏ với bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn khéo được thiết lập, được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý.

5311. Khi ấy, tôi đã đi đến con sông tên là Amarikā. Tôi đã gom cát lại và đã thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát.

5312. “Những vị nào đã là các bậc Toàn Giác, là những vị Hiền Trí có sự đoạn tận việc tái sanh, ngôi bảo tháp như thế này là dành cho các vị ấy”; tôi đã làm điều ấy trở thành ấn chứng.

5313. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp cát, tôi đã biến hóa thành vàng. Tôi đã cúng dường ba ngàn bông hoa kinka bằng vàng.

5314. Tràn đầy niềm phấn khởi, tôi chấp tay lên lễ bái sáng chiều. Tôi đã đánh lễ ngôi bảo tháp cát như là đánh lễ bậc Toàn Giác ở trước mặt.

5315. Mỗi khi các điều ô nhiễm là các suy tầm về đời sống tại gia sanh khởi, tôi tưởng nhớ đến đấng Thiện Thệ, đến ngôi bảo tháp, lập tức tôi quán xét lại rằng:

5316. “Thưa ông, trong khi sống nương tựa vào đấng Hướng Đạo, bậc Xa Phu, sao ông có thể sống chung với các điều ô nhiễm, thật không thích hợp cho ông!”

5317. Lúc bấy giờ, mỗi khi suy tưởng đến ngôi bảo tháp, sự cung kính đã có đến tôi. Tôi đã xua đuổi các suy tầm xấu xa như là con voi bị khổ sở vì cây lao nhọn.

5318. Trong khi đang an trú như thế, vị vua Thần chết đã chế ngự tôi. Mệnh chung ở tại nơi ấy, tôi đã đi đến thế giới Phạm thiên.

5319. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã sanh ra ở cõi Tam Thập (Đạo-lợi). Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần.

5320. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5321. Tôi thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kinka ấy. Trong đời sống, có một trăm ngàn người bảo mẫu ở quanh tôi.

5322. Do bản chất của sự việc đã được thực hành ở ngôi bảo tháp, bụi bặm và cấu đất không làm nhơ nhuốc, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể, tôi có được vẻ ngời sáng.

5323. Ôi, ngôi bảo tháp đã khéo được xây dựng bởi tôi, con sông Amarikā đã khéo được nhìn thấy bởi tôi! Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đạt được vị thế bất động.

5324. Với người có ước muốn làm việc lành có sự nắm được điều cốt yếu, dầu có thừa ruộng hoặc không có thừa ruộng, việc thực hành đều có kết quả tốt đẹp.

5325. Cũng giống như người nam có sức mạnh nỗ lực để vượt qua biển cả, sau khi cầm lấy khúc gỗ nhỏ nhoi, có thể lao mình vào đại dương [nghĩ rằng]:

5326. “Nương tựa vào khúc gỗ này, ta sẽ vượt qua biển lớn.” Với sự nỗ lực và tinh tấn, người nam [ấy] có thể vượt qua biển cả.

5327. Tương tự y như thế, việc làm đã được thực hiện bởi tôi dầu nhỏ nhoi và bé bỏng, sau khi nương tựa vào việc làm ấy, tôi đã tự mình vượt khỏi luân hồi.

5328. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatti.

5329. Có niềm tin, mẹ và cha của tôi đã đi đến nương nhờ vào đức Phật. Có sự đạt được [Pháp] nhân, cả hai người này hành xử thuận theo giáo pháp.

5330. Sau khi nhặt lấy vỏ khô của cội cây Bồ-đề, họ đã cho xây dựng ngôi bảo tháp bằng vàng. Sáng chiều họ trực tiếp lễ bái người con trai của dòng họ Sakya.

5331. Vào ngày lễ Uposatha, họ đã dời đi ngôi bảo tháp bằng vàng. Trong khi tán dương công hạnh của đức Phật, họ đã trái qua ba canh [của đêm].

5332. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp [vàng], tôi đã nhớ lại ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

Dứt tọng phẩm thứ hai mươi hai.

5333. Trong khi tìm kiếm đảng Chiến Thắng ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

5334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhân đã cho tu lên bậc trên.

5336.⁸ Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn thành được công việc. Giờ đây, việc cần phải làm trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakya đã được tôi thực hiện.

5337. [Tôi trở thành] vị ẩn sĩ đã vượt qua mọi sự hận thù và hãi sợ, đã vượt lên mọi điều trói buộc. “Bạch đảng Đại Hùng, con là Thịnh văn của Ngài; điều này là quả báo của bông hoa bằng vàng.”

5338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁸ Nguyên bản Pāli đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5335. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

5339. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5340. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinathūpiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pulinathūpiya” là phần thứ tám.

499. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAKUṬIDĀYAKA

(Naḷakuṭidāyakattherāpadānaṃ)

5341. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Hārīta. Vào lúc bảy giờ, có bậc Tỳ Khưu tên Nārada đã cư ngụ ở tại gốc cây.

5342. Tôi đã làm gian nhà bằng cây sậy và đã lợp mái bằng cỏ. Tôi đã làm sạch sẽ đường kinh hành và đã dâng cúng đến bậc Tỳ Khưu.

5343. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5344. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần, đã được hóa hiện ra từ căn chồi bằng cây sậy.

5345. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười bốn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc bảy mươi một lần.

5346. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5347. Sau khi bước lên tòa lâu đài giáo pháp tương đương với mọi biểu hiện cao quý, tôi an trú trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakya theo như ý thích.

5348. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của căn chồi bằng cây sậy.

5349. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5350. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5351. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷakuṭidāyaka¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Naḷakuṭidāyaka” là phần thứ chín.

⁹ Pulinathūpiya nghĩa là “vị liên quan đến ngôi bảo tháp (*thūpa*) bằng cát (*pulina*).”

¹⁰ Naḷakuṭidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) căn chồi (*kuṭi*) bằng cây sậy (*naḷa*).”

500. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA**(*Piyālapthaladāyakattherāpadānaṃ*)**

5352. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Khi ấy, trong khi đi lang thang ở khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5353. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng, là phước điền, là đấng Anh Hùng.

5354. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5355. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5356. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5357. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālapthaladāyaka¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Piyālapthaladāyaka” là phần thứ mười.

Phẩm Tikiṅkaṇipupphiya là phẩm thứ năm mươi.

Phần tóm lược

Vị có bông hoa kiṅkaṇi, y may từ vải bị quăng bỏ, bông hoa korandā, rồi bông hoa kiṃsuka, vị có một nửa số vải, vị dâng cúng bơ lỏng, vị [dâng cúng] nước, vị thực hiện ngôi bảo tháp, vị có gian nhà bằng cây sậy là thứ chín và vị dâng cúng trái cây piyāla. Có một trăm câu kệ ngôn và chín câu thêm vào đó.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm:

Phẩm Metteyya, phẩm Bhaddāli, luôn cả phẩm Sakimsammajjaka, phẩm Ekavihārī, phẩm Vibhīṭakī, phẩm Jagatī, phẩm Sālapupphiya, phẩm Naḷāgāra, phẩm Paṃsukūla và phẩm Tikiṅkaṇipupphiya là tương tự. Có một ngàn bốn trăm tám mươi hai câu kệ.

Nhóm “Mười” từ phẩm Metteyya.

Nhóm “Một trăm” thứ năm được đầy đủ.

¹¹ *Piyālapthaladāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) piyāla.”

LI. PHẨM KANIKĀRA (KANIKĀRAVAGGO)

501. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANIKĀRAPUPPHIYA (*Tikanikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

5358. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

5359. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bì Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống.

5360. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung.

5361. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tựa như mặt trăng ngày rằm, tựa như cây sālā chúa đã được trở hoa.

5362. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

5363. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kanikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

5364. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật.

5365. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5366. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là “Kanikārī”, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

5367. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

5368. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

5369. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

5370. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên.

5371. Tôi đứng, ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kaṇṇika.

5372. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi đêm ngày không biếng nhác.

5373. Ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác.

5374. Lúc bấy giờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gần gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo.

5375. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đáng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5376. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5377. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sinh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5378. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5379. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5380. Về đám tôi trai, bảy tứ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5381. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5382. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5383. “Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này”, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5384. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ, tôi là hạng nhất trong số các quyền thuộc; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5385. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bức bối không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến.

5386. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5387. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatti.

5388. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5389. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5390. Thiên nhân của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5391. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vị rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5392. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5393. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5394. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya” là phần thứ nhất.

¹ Tikaṇikārapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến ba (ti) bông hoa kaṇikāra.”

502. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADĀYAKA**(Ekapattadāyakattherāpadānaṃ)**

5396. Tôi đã là người thợ làm đồ gốm ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đáng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lặn hoặc.

5397. Tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng bình bát bằng đất sét đã được làm khéo léo. Tôi đã dâng cúng bình bát đến đức Thế Tôn là vị có bản thể chính trực như thế ấy.

5398. Trong khi tôi được sanh ra ở cuộc đời, tôi đạt được các chiếc đĩa vàng và các chiếc chiếu nhỏ bằng bạc, bằng vàng và bằng ngọc ma-ni.

5399. Tôi thọ dụng những cái đĩa, điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. Và tôi có bản chất của bình bát [chứa đựng] các loại danh vọng và các loại tài sản.

5400. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5401. Tương tự y như thế, việc dâng cúng bình bát này được gieo xuống thửa ruộng đức Phật, khi trận mưa rào ồ ạt đổ mưa, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5402. So sánh với các thửa ruộng được biết đến, ngay cả các hội chúng [Tỳ-khuru] và luôn cả các tập thể, không có gì sánh bằng thửa ruộng đức Phật là nguồn cung cấp an lạc cho chúng sanh.

5403. “Bạch đáng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đáng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi dâng cúng một cái bình bát, con đạt được vị thế bất động.”

5404. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bình bát trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

5405. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lặn hoặc.

5406. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5407. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapattadāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekapattadāyaka” là phần thứ nhì.

503. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA**(Kāsumāriphaladāyakattherāpadānaṃ)**

5408. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đáng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của

² Ekapattadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) một (eka) bình bát (patta).”

Thế Gian, đáng Nhân Ngưu ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng như là cây kaṇikāra.

5409. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chấp tay lên ở đầu. Sau khi cầm lấy trái cây kāsūmārika, tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

5410. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5411. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5412. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5413. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāsūmāriphaladāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kāsūmāriphaladāyaka” là phần thứ ba.

504. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṬAPHALIYA

(Avaṭaphaliyattherāpadānaṃ)

5414. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đáng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đi ra đi về việc khát thực.

5415. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đáng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avaṭa.

5416. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5417. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5418. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṭaphaliya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Avaṭaphaliya” là phần thứ tư.

³ Kāsūmāriphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) kāsūmāri.”

⁴ Avaṭaphaliya nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (phaliya) avaṭa.”

505. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA**(*Vāraphaliyattherāpadānaṃ*)**

5420. Trong lúc đang Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiền Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây vāra.

5421. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāraphaliya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vāraphaliya” là phần thứ năm.

506. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MĀTULŪṄGAPHALADĀYAKA**(*Mātulūṅgaphaladāyakattherāpadānaṃ*)**

5425. Tôi đã nhìn thấy đáng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kaṇikāra được đốt cháy, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây đèn đang cháy sáng.

5426. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây chanh và đã tự tay mình dâng cúng đến bậc Đạo Sư, đáng Trí Tuệ xứng đáng cúng dường.

5427. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5428. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5429. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5430. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mātulūṅgaphaladāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mātulūṅgaphaladāyaka” là phần thứ sáu.

⁵ *Vāraphaliya* nghĩa là “vị liên quan đến trái cây (*phaliya*) vāra.”

⁶ *Mātulūṅgaphaladāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) chanh (*mātulūṅga*).”

507. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADĀYAKA**(Ajeliphaladāyakattherāpadānaṃ)**

5431. Vào lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác, đáng Hiền Trí tên Ajjuna, vị hội đủ về hạnh kiểm và thiện xảo về định đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp.

5432. Sau khi cầm lấy ước chừng một chậu trái cây ajeli, trái cây jīvajīvaka và trái cây chattapaṇṇa, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

5433. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5434. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5435. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajeliphaladāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ajeliphaladāyaka” là phần thứ bảy.

508. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA**(Amodaphaliyattherāpadānaṃ)**

5437. Trong lúc đáng Toàn Giác, bậc Có Màu Sắc Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây amoda.

5438. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5439. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5440. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Amodaphaliya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Amodaphaliya” là phần thứ tám.

⁷ Ajeliphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) ajeli.”

⁸ Amodaphaliya nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) amoda.”

509. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAPHALADĀYAKA**(Tālapthaladāyakattherāpadānam)**

5442. Đức Thế Tôn tên Sataraṃsī, đáng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đã ra đi về việc khát thực.

5443. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đáng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây thốt nốt.

5444. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālapthaladāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tālapthaladāyaka” là phần thứ chín.

510. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀĪKERADĀYAKA**(Nāīkeradāyakattherāpadānam)**

5448. Vào lúc bấy giờ, là người phụ việc tu viện ở thành phố Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

5449. Tôi đã cầm lấy trái dừa và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đứng ở trên hư không.

5450. Trái cây đã được tôi dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch, đối với tôi là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đưa đến sự an lạc trong thời hiện tại.

5451. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phi lạc lớn lao và sự an lạc cùng tột. Khi tôi được sanh ra ở nơi này nơi nọ, châu báu còn hiện lên cho tôi.

5452. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5453. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5454. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

⁹ Tālapthaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) thốt nốt (tāla).”

5455. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5456. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

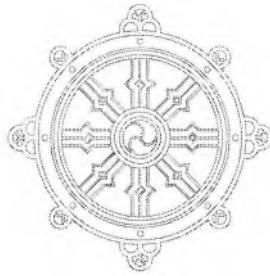
Đại đức Trưởng lão Nāḷikeradāyaka¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāḷikeradāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, một bình bát, vị có trái cây kāsūmāri, trái cây avaṭa là tương tự, và trái cây vāra, trái chanh, trái cây ajeli, luôn cả trái cây amoda, trái cây thốt nốt, và trái dừa là tương tự. Các câu kệ đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ, không có hơn kém.

Phẩm Kaṇikāra là phẩm thứ năm mươi một.



¹⁰ Nāḷikeradāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala) dừa (nāḷikera).”

LII. PHẨM PHALADĀYAKA (*PHALADĀYAKAVAGGO*)

511. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA (*Kurañjiyaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5457. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong lúc đi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đáng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5458. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây kurañjiya và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng là phước điền, là đáng Anh Hùng.

5459. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5460. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5461. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5462. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka” là phần thứ nhất.

512. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADĀYAKA (*Kapitthaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5463. Trong lúc đáng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái táo rừng.

5464. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5465. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

¹ Kurañjiyaphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kurañjiya.”

5466. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5467. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kapitthaphaladāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kapitthaphaladāyaka” là phần thứ nhì.

513. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADĀYAKA

(*Kosumbhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5468. Trong lúc vị Trời Cửa Chư Thiên, đấng Nhân Nguru, tựa như cây kakudha đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây kosumbha.

5469. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5470. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5471. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5472. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kosumbhaphaladāyaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kosumbhaphaladāyaka” là phần thứ ba.

514. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA

(*Ketakapupphiyattherāpadānaṃ*)

5473. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ của con sông Vinatā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

5474. Khi ấy, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng với bông hoa của cây ketaka có mùi thơm ngọt ngào.

5475. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5476. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

² *Kapitthaphaladāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) táo rừng.”

³ *Kosumbhaphaladāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kosumbha.”

5477. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5478. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ketakapupphiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ketakapupphiya” là phần thứ tư.

515. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA

(Nāgapupphiyattherāpadānaṃ)

5479. Trong lúc đang Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng bông hoa nāga.

5480. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5481. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5482. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya” là phần thứ năm.

516. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA

(Ajjunapupphiyattherāpadānaṃ)

5484. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điều ở bên bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

5485. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có tay chấp lên, tôi đã cầm lấy bông hoa ajjuna và đã cúng dường đến đáng Tự Chủ.

5486. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân Kim Sí điều, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5487. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đáng Chuyển Luân Vương cai quản vương quốc rộng lớn mười lần.

5488. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ôi, hạt giống của tôi đã được gieo xuống thửa ruộng tốt là đáng Tự Chủ!

⁴ Ketakapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ketaka.”

⁵ Nāgapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga.”

5489. Tôi tìm thấy điều tốt lành, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Giờ đây, tôi là vị xứng đáng sự cúng dường trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

5490. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5491. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5492. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajjunapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ajjunapupphiya” là phần thứ sáu.

517. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA

(Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ)

5493. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Cāvala. Đức Phật tên Sudassana cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

5494. Tôi đã cầm lấy bông hoa ở các ngọn núi Hy-mã-lạp rồi đã đi trên không trung. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đáng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

5495. Sau khi cầm lấy bông hoa kuṭaja, tôi đã chấp tay lên ở đầu, và tôi đã dâng lên đức Phật, đáng Tự Chủ, bậc Đại Hiện Trí.

5496. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5497. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5498. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5499. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya” là phần thứ bảy.

⁶ Ajjunapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) ajjuna.”

⁷ Kuṭajapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) kuṭaja.”

518. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA**(*Ghosasaññakattherāpadānaṃ*)**

5500-01. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, đứng đầu hội chúng chư thiên đang công bố về bốn sự thật, đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của đức Sikhī là đấng Quyên Thuộc Của Thế Gian.

5502. Tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm vang [của đức Phật], ở nhân vật không người sánh bằng. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã vượt qua cảnh giới khó có thể vượt qua.

5503. Kể từ khi tôi đã đạt được sự nhận biết trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nhận biết âm vang.

5504. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5505. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5504. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghosasaññaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ghosasaññaka” là phần thứ tám.

519. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADĀYAKA**(*Sabbaphaladāyakattherāpadānaṃ*)**

5505. Lúc bấy giờ, tôi là vị Bà-la-môn tên Varuṇa thông suốt về chú thuật. Tôi đã lia bỏ mười người con trai và đã đi sâu vào khu rừng.

5506. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư khéo được xây dựng, khéo được phân chia, làm thích ý. Sau khi làm nên gian nhà rộng bằng lá, tôi sống ở trong khu rừng.

5507. Đấng Hiếu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

5508. Ánh sáng đã trở thành bao la đến tận lùm cây rậm của khu rừng. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, khu rừng được phát sáng.

5509. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy túi đựng bình bát và đã chứa đầy với trái cây.

5510. Tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác và đã dâng cúng túi trái cây. Vì lòng thương tưởng đến tôi, đức Phật đã nói lời nói này:

5511. “Người hãy cầm lấy túi nặng [trái cây] và đi đến ở phía sau Ta. Và khi hội chúng đã thọ dụng, phước báu sẽ thành tựu cho người.”

⁸ *Ghosasaññaka* nghĩa là “vị nhận biết (*saññaka*) âm vang (*ghosa*).”

5512. Tôi đã cầm lấy cái túi ấy và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã sanh lên cõi trời Đâu-suất.

5513. Được liên kết với nghiệp phước thiện, ở tại nơi ấy, tôi luôn luôn thọ hưởng sự sung sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của cõi trời.

5514. Nơi chốn nào tôi sanh lên, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5515. Sau khi dâng cúng trái cây đến đức Phật, tôi đã được thiết lập làm vị chúa tể cho đến tận bốn châu lục, luôn cả các đại dương và các ngọn núi nữa.

5516. Và đối với tôi, ngay cả các bầy chim bay lên ở không trung, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5517. Và cho đến các loài chúng sanh như các dạ-xoa, các loài quỷ sứ, các vị thiên nhân kumbhāṇḍa, và các loài nhân điều ở lùm cây rậm của khu rừng cũng đi đến phục vụ cho tôi.

5518. Loài rùa, loài chó, loài ong và cả hai loài mòng muỗi, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5519. Các loài chim gọi là thần điều, thuộc loài có cánh, có sức mạnh lớn lao, chúng cũng đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5520. Ngay cả các loài rồng có tuổi thọ dài lâu, có thần lực, có danh vọng lớn lao, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5521. Loài sư tử, loài cọp, loài báo, cùng các loài gấu, chó sói và linh cẩu, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5522. Các vị sống bằng cỏ thần dược và các vị sống ở trên không trung, tất cả đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5523. Sau khi chạm đến đối tượng [Niết-bàn] khó được nhìn thấy, vô cùng hoàn hảo, thâm sâu, khéo được chói sáng, tôi an trú; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5524. Sau khi chạm đến tám giải thoát, tôi sống không còn lậu hoặc. Và tôi là người có sự nhiệt tâm, cần trọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5525. Những vị nào là con trai của đức Phật đã trú vào Thánh quả, có sân hận đã được cạn kiệt, có danh vọng lớn lao, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5526. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi đi đến sự toàn hảo về

các thắng trí, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5527. Những vị nào là con trai của đức Phật có được tam minh, đã đạt đến thần thông, có danh vọng lớn lao, đã chứng đạt thiên nhĩ, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy.

5528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5529. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5530. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5531. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbaphaladāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sabbaphaladāyaka” là phần thứ chín.

520. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMADHĀRAKA

(Padumadhārakattherāpadānaṃ)

5532. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có đức Phật tên là Sambhava, đã sống ở ngoài trời.

5533. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nắm giữ đóa hoa sen. Sau khi nắm giữ [đóa hoa sen] trong một ngày, tôi đã quay trở về nơi cư ngụ.

5534. [Kể từ khi] tôi đã tôn vinh đức Phật trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tôn vinh đức Phật.

5535. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5536. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5537. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumadhāraka¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Padumadhāraka” là phần thứ mười.

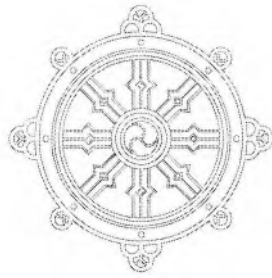
⁹ Sabbaphaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tất cả (sabba) trái cây (phala).”

¹⁰ Padumadhāraka nghĩa là “vị nắm giữ (dhāraka) đóa hoa sen (paduma).”

Phần tóm lược

Trái cây kurañjiya, trái táo rừng, trái cây kosumbha, và bông hoa của cây ketaka, bông hoa nāga, bông hoa ajjuna, luôn cả vị có bông hoa kuṭaja, vị nhận biết âm vang, và vị trưởng lão là người dâng cúng tất cả trái cây, vị nắm giữ đóa hoa sen là tương tợ. Và ở đây, có tám mươi câu kệ và có ba câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Phaladāyaka là phẩm thứ năm mươi hai.



LIII. PHẨM TỊNADĀYAKA (TỊNADĀYAKAVAGGO)

521. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TỊNAMUṬṬHIDĀYAKA (*Tīnamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

5538. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Ở tại nơi ấy, đáng Toàn Giác Upatissa đã đi kinh hành ở ngoài trời.

5539. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên ấy, tôi đã dâng cúng năm cò.

5540. Sau khi dâng cúng vật để lót ngồi đến đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. Sau khi đánh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng về phía Bắc.

5541. Khi đã ra đi không bao lâu, vua của loài thú đã sát hại tôi. Trong khi ngã xuống vì con sư tử, tôi đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5542. [Do] nghiệp đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lại Hoặc vừa mới đây, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên tợ như tốc độ của mũi tên đã khéo được bắn ra.

5543. Ở tại nơi ấy, có tòa lâu đài xinh đẹp đã được hiện ra do nghiệp phước thiện. [Tòa lâu đài] có một ngàn cột trụ chống màu lục, có một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ.

5544. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như mặt trời đã mọc lên. Được vây quanh với các nàng tiên nữ, tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác.

5545. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể nhân loại và đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

5546. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật lót ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm cò.

5547. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5548. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5549. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tīnamuṭṭhidāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tīnamuṭṭhidāyaka” là phần thứ nhất.

522. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA

(Mañcadāyakattherāpadānaṃ)

5550. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

5551. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường ấy, tôi đã đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

5552. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái giường trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái giường.

5553. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5554. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5555. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka” là phần thứ nhì.

523. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA

(Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ)

5556. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu và tôi là đạo sĩ lửa thề đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị vỡ tan, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ [quy y].³

5557. [Kể từ khi] vị ấy đã ban cho tôi sự nương nhờ trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [đây] là quả báo trong việc đi đến nương nhờ.

5558. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

¹ Tīnamuṭṭhidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) nằm (muṭṭhi) cỏ (tīṇa).”

² Mañcadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cái giường (mañca).”

³ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya, số 359, trang 279.

5559. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5560. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya” là phần thứ ba.

524. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA

(Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ)

5561. Vào lúc bảy giờ, tôi cư ngụ ở vườn hoa của đức vua ở trong thành phố Bandhumatī. Tôi đã là vị mặc y phục da thú có mang túi đựng nước.

5562. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đáng Tụ Chủ ấy, bậc Không Bị Đánh Bại, có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, có thiền chứng, thỏa thích về thiền, có năng lực.

5563. Ngài được thành tựu về mọi dục lạc, đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy, được tịnh tín, tôi đã dâng cúng dầu thoa với ý vui mừng.

5564. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của dầu thoa.

5565. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5566. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5567. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka” là phần thứ tư.

525. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPAṬADĀYAKA

(Supaṭadāyakattherāpadānaṃ)

5568. Lúc đang Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī đang đi ra sau việc nghỉ ngơi giữa ngày, tôi đã dâng cúng tám vải đẹp và nhẹ. Tôi đã vui thích ở cõi trời một kiếp.

5569. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám vải đẹp trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám vải đẹp.

⁴ *Saraṇagamaniya* nghĩa là “vị liên quan đến việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*).”

⁵ *Abbhañjanadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) dầu thoa (*abbhañjana*).”

5570. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5571. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supaṭadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Supaṭadāyaka” là phần thứ năm.

526. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DAṆḌADĀYAKA

(Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ)

5573. Vào lúc bấy giờ, tôi đã đi vào khu rừng rậm và đã đốn cây tre. Sau khi thực hiện cây gậy chống, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

5574. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đánh lễ các vị có sự hành trì tốt đẹp. Sau khi dâng cúng cây gậy chống, tôi đã ra đi mặt hướng về phía Bắc.

5575. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy.

5576. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5577. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5578. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Daṇḍadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Daṇḍadāyaka” là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi ba).

527. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA

(Girinelapūjakattherāpadānaṃ)

5579. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong khi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đáng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5580. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa nela ở đáng Đại Bi ấy, là bậc vui thích về các sự lợi ích cho tất cả chúng sanh.

⁶ Supaṭadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tấm vải đẹp (supaṭa).”

⁷ Daṇḍadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cây gậy (daṇḍa).”

5581. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5582. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5583. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5584. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Girinelapūjaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Girinelapūjaka” là phần thứ bảy.

528. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA

(Bodhisammajjakattherāpadānaṃ)

5585. Trong thời quá khứ, tôi đã hót lá cây Bồ-đề bị rơi rụng ở sân của ngôi bảo tháp và đã đem đi đốt. Tôi đã thọ lãnh hai mươi phần công đức:

5586. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, do nhờ oai lực của nghiệp ấy, tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và luôn cả ở loài người nữa.

5587. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến cõi nhân loại. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và luôn cả Bà-la-môn nữa.

5588. Tôi có sắc đẹp, sạch sẽ, được đầy đủ các bộ phận cơ thể chính và phụ, thân hình được phát triển, có cơ thể toàn vẹn, không khiếm khuyết.

5589. Dầu được sanh ra ở thế giới chư thiên hay nhân loại, hoặc ở bất cứ nơi đâu, tôi đều có màu da vàng chói tương tự như vàng kim loại được đốt nóng.

5590. Khi lá cây Bồ-đề được đổ bỏ tốt đẹp, tôi luôn luôn có được làn da mềm mại, mịn màng, láng lẩy, tinh tế và thanh nhã.

5591. Khi thân thể đã được sanh lên ở bất cứ nơi nào trong số các cõi, bụi bặm và cấu đất không làm dơ bẩn [thân thể], là quả thành tựu do việc đổ bỏ lá.

5592. Hơn nữa, lúc nóng bức, có gió nóng, hoặc do sức nóng của ngọn lửa, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể của tôi, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5593. Bệnh cùi, bệnh mụn nhọt, bệnh chàm, tàn nhang, và tương tự là mụn trứng cá và bệnh ngứa không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5594. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tật bệnh không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5595. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, sự bị ức chế không sanh lên ở tâm, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

⁸ *Girinelapūjaka* nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nela ở núi (*giri*).”

5596. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có các kẻ thù, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5597. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, có sự không thiếu hụt về của cải, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5598. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có sự sợ hãi đối với lửa, đối với các vị vua, đối với các kẻ cướp và khi ở trong nước.

5599. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tôi trai tớ gái là những người hầu cận, xử sự thuận theo tâm ý [tôi].

5600. Khi sanh lên ở cõi nhân loại, tuổi thọ không bị giảm thiểu so với khoảng thời gian của đời người, tôi tồn tại đến hết tuổi thọ.

5601. Những người ở bên trong, những người ở bên ngoài, các thị dân và những cư dân của xứ sở, những người ước ao sự tiến hóa, những người mong mỏi sự an lạc, tất cả đều gắn bó [với tôi].

5602. Tôi có của cải, có danh vọng, có sự vinh quang, có phe nhóm quyền thuộc. Tôi có sự hãi sợ và run rẩy được xa lìa, tôi có được tất cả.

5603. Chư thiên, loài người, các hạng a-tu-la, các càn-thát-bà, các dạ-xoa và quỷ sứ, tất cả các hạng ấy luôn luôn hộ trì tôi trong khi tôi luân hồi ở các cõi.

5604. Sau khi thọ hưởng các danh vọng cả hai nơi, ở thế giới chư thiên và nhân loại, cuối cùng tôi được đạt đến Niết-bàn vinh quang vô thượng.

5605. Người nam nào tích lũy phước báu có liên quan đến bậc Toàn Giác hoặc cội Bồ-đề của bậc Đạo Sư ấy, đối với người ấy, có điều gì gọi là khó đạt được.

5606. Sau khi vượt trội những người khác về đạo, về quả, về sự truyền thừa, về các đức hạnh của thiên và các thắng trí, tôi Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5607. Trước đây, sau khi đổ bỏ lá của cội cây Bồ-đề với tâm ý vui mừng, tôi luôn luôn được sở hữu với hai mươi yếu tố này.

5608. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5609. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5610. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhisammajjaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bodhisammajjaka” là phần thứ tám.

⁹ Bodhisammajjaka nghĩa là “vị quét dọn (sammajjaka) ở cội cây Bồ-đề (bodhi).”

529. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMAṆḌAPHALADĀYAKA (*Āmaṇḍaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5611. Sau khi xuất khỏi định, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Lãnh Đạo Thế Gian đã đi kinh hành.

5612. Khi ấy, tôi đã cầm lấy túi nặng trái cây và trong lúc mang đi, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Đại Hiền Trí đang đi kinh hành.

5613. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chấp tay lên ở đầu. Sau khi đánh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã dâng cúng trái cây āmaṇḍa.

5614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] trái cây āmaṇḍa.

5615. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5616. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5617. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āmaṇḍaphaladāyaka¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Āmaṇḍaphaladāyaka” là phần thứ chín.

530. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUGANDHA (*Sugandhattherāpadānaṃ*)

5618. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

5619. Ngài có đầy đủ các tướng phụ, ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quang ảnh sáng, được hội tụ lại với mạng lưới hào quang.

5620. Là người làm cho thoải mái giống như mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] giống như cơn mưa, là biểu hiện của đức hạnh tợ như biển cả.

5621. Với giới tợ như trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ ví như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió.

5622. Có lần nọ, bậc Đại Anh Hùng ấy, vị có sự tự tin ở nơi các hội chúng, trong khi đang tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài đã công bố về các sự thật.

5623. Chính vào lúc ấy, tôi đã là con trai nhà triệu phú ở tại thành Bārāṇasī có danh vọng lớn lao. Khi ấy, tôi có được dồi dào về tài sản và lúa gạo.

¹⁰ *Āmaṇḍaphaladāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) āmaṇḍa.”

5624. Trong khi lang thang đi bách bộ, tôi đã đến gần Vườn Nai (Lộc Uyển) và tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang thuyết giảng về vị thế bát tử.

5625. Với giọng nói thân mật, vui vẻ, có âm điệu sánh bằng chim Karavīka, có âm vang như tiếng kêu của loài thiên nga, Ngài đang làm cho đám đông dân chúng hiểu rõ.

5626. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên và đã lắng nghe giọng nói ngọt ngào. Sau khi dứt bỏ các cửa cái không phải là ít, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5627. Được xuất gia như vậy, tôi đã được nghe nhiều, và không bao lâu, tôi đã trở thành vị Pháp sư, có tài biện giải về nhiều mặt.

5628. Có sự tự tin về màu sắc, với tâm vui mừng, tôi đã tán dương lặp đi lặp lại về màu sắc của màu da vàng chói ở giữa đại chúng:

5629. “Đức Phật này có lậu hoặc đã được cạn kiệt, không còn phiền muộn, hoài nghi đã được chặt đứt, đã đạt đến sự đoạn tận tất cả các nghiệp, đã được giải thoát về sự đoạn tận các mầm móng tái sanh.

5630. Vị này đây là đức Thế Tôn, là đức Phật, là loài sư tử không gì vượt trội, là bậc chuyển vận bánh xe Phạm hạnh của thế gian luôn cả chư thiên.

5631. Đã được rèn luyện, Ngài là vị giúp cho đại chúng rèn luyện. Là bậc an tịnh và là vị ẩn sĩ đã Niết-bàn, Ngài hướng dẫn đại chúng Niết-bàn. Đã được tự tại, Ngài giúp cho đại chúng được tự tại.

5632. Đấng Chiến Thắng ấy là bậc anh hùng, là người dũng cảm, là vị khôn ngoan, là bậc trí tuệ, là vị có lòng bi mẫn, là bậc có năng lực, là người thắng trận, không thô tháo, không còn quuyến luyến.

5633. Đấng Hiền Trí là không có dục vọng, không dao động, khôn ngoan, không mê mờ, không thể sánh bằng, có thể gánh vác trọng trách, là loài bò mộng, là loài voi, là loài sư tử, và còn là vị có khả năng trong số các bậc thầy nữa.

5634. Là vị Trời Phạm thiên, là vị anh hùng về thuyết giảng, vị không còn tham ái, không còn ô nhiễm, dứt bỏ sự ham muốn, không nhẩn tâm, lìa sâu khổ, không ai sánh bằng, thu thúc và trong sạch.

5635. Là người Bà-la-môn, là vị Sa-môn, là người bảo hộ, là người thầy thuốc, là người phẫu thuật, là người chiến sĩ, là bậc đã giác ngộ, là người con trai đã lắng nghe, là người không dao động, là người được trào dâng niềm hoan hỷ.

5636. Là người thiết lập, là người duy trì, là người phá hủy, là người thực hiện, là người hướng dẫn, là người giảng giải, là người làm cho hoan hỷ, là người đập vỡ, là người cắt đứt, là người lắng nghe, là người khen ngợi.

5637. Ngài là vị không nhẩn tâm, lìa sâu khổ, không còn phiền muộn, không có hoài nghi, không dục vọng, không vương bụi trần, là người kham nhẫn, là người ra đi, là vị diễn giả, là người giảng giải.

5638. Là người giúp cho vượt qua, là người làm cho tiến bộ, là người bảo

làm, là người mở tung ra, là người dẫn đi, là người chịu đựng, là người tiêu diệt, là người phá hủy, là vị khổ hạnh có sự nhiệt tâm.

5639. Có tâm bình lặng, hoàn toàn an tịnh, không bạn đồng hành, đầy lòng trắc ẩn, là chúng sanh kỳ diệu, không lừa đảo, là người đã hoàn tất, là vị ẩn sĩ thứ bảy.

5640. Là đấng Chiến Thắng đã vượt qua sự hoài nghi, không còn ngã mạn, không thể đo lường, không thể so sánh, đã vượt trên mọi phương thức khen chê, người đã đi đến tận cùng về các sự thật và các điều cần hiểu biết.

5641. Niềm tinh tín ở con người có phẩm chất cao quý ấy đưa đến bất tử. Vì thế, niềm tin ở đức Phật, ở giáo pháp và ở hội chúng là có sự thành tựu lớn lao.”

5642. Trong khi tán dương bậc nương nhờ tối thượng của tam giới với những đức hạnh, v.v... như thế, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp ở giữa các hội chúng.

5643. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở cõi trời Đâu-suất. Mệnh chung từ nơi ấy, được sanh lên ở giữa loài người, tôi là người có hương thơm ngát ngào.

5644. Tôi có hơi thở và hương thơm ở miệng, có hương thơm ở cơ thể tương tự y như thế, và có hương thơm của mồ hôi một cách liên tục. Các hương thơm này vượt trội mọi thứ hương thơm.

5645. Hương thơm ở miệng của tôi luôn luôn có mùi thơm của hoa sen, hoa súng và hoa campaka. Và trong lúc đang thuyết trình, cơ thể của tôi luôn luôn tỏa ra mùi thơm tương tự như thế ấy.

5646. Và tất cả quả báo ấy của việc ngợi ca về đức hạnh là kỳ diệu bậc nhất. Xin tất cả các vị hãy lắng nghe tôi với tâm ý chăm chú, tôi sẽ giảng giải toàn bộ.

5647. Sau khi nói về hạnh lành của đức Phật, vì lợi ích cho các sự gắn bó của loài người, tôi được sung sướng ở khắp mọi nơi, được sở hữu hai loại tài sản có tính chất luân chuyển.

5648. Tôi có danh vọng, được sung sướng, dễ mến, thông minh, có vẻ nhìn đáng yêu, là vị diễn giả không bị chê bai, không khuyết điểm và có trí tuệ như thế.

5649. Khi tuổi thọ được cạn kiệt, Niết-bàn là điều dễ dàng đạt được đối với những người có sự tận tụy đối với đức Phật. Tôi sẽ trình bày về nguyên nhân của họ, xin các vị hãy lắng nghe điều ấy đúng theo thực thể.

5650. Trong lúc tôi đang đánh lễ sự an tịnh và oai lực của đức Thế Tôn đúng theo phương pháp; do việc đó, cho dù sanh lên ở bất cứ đâu, tôi đều có danh vọng.

5651. Trong lúc tán dương đức Phật là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, giáo pháp là an tịnh không tạo tác, tôi đã là người ban phát sự an lạc đến chúng sanh; do đó tôi được an lạc.

5652. Trong lúc nói về hạnh lành của đức Phật, tôi có được niềm phi lạc đối với đức Phật, tôi đã làm sanh khởi sự yêu mến đối với bản thân và sự yêu mến đối với người khác; do điều ấy, tôi là người dễ mến.

5653. Tôi đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa ở đoàn người đầy đầy các hàng ngoại đạo. Trong lúc nói về hạnh lành [của Ngài], tôi đã làm rạng rỡ đáng Lãnh Đạo; do đó tôi có sự rạng rỡ.

5654. Trong lúc nói về hạnh lành của bậc Toàn Giác, Tôi cũng là người tạo ra sự yêu mến ở dân chúng, tựa như mặt trăng vào mùa thu; do điều ấy, tôi đã có vẻ nhìn đáng yêu.

5655. Tôi đã ngợi ca đáng Thiện Thệ bằng mọi ngôn từ [sắc bén] tương tự như tính năng của lưỡi dao găm; do điều ấy, tôi là người hùng biện có tài biện luận về nhiều mặt.

5656. Bị thiếu trí, những kẻ ngu dốt chê bai bậc Đại Hiền Trí. Tôi đã quở trách bọn họ bằng Chánh pháp; do điều ấy, tôi là người không bị quở trách.

5657. Do nhờ việc tán dương đức Phật đến chúng sanh, tôi đã xua đi các điều ô nhiễm, tôi có tâm ý không còn ô nhiễm do nhờ tác động của nghiệp ấy.

5658. Là người thuyết giảng về sự niệm tưởng về đức Phật, tôi đã làm sanh khởi tánh giác ngộ cho những người nghe; do điều ấy, tôi đã là người có trí tuệ, nhìn thấy rõ mục đích một cách khôn khéo.

5659. Có kẻ thù là tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, có biên cả luân hồi đã được vượt qua, tôi sẽ thành tựu sự tịch diệt tựa như ngọn lửa không còn nhiên liệu [sẽ lụi tàn].

5660. Việc tôi đã ngợi ca đáng Chiến Thắng là ngay trong chính kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi đức Phật.

5661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sugandha¹¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sugandha” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dāṇḍa cúng cỏ, vị dāṇḍa cúng chiếc giường, luôn cả vị nương nhờ, vị dāṇḍa dầu thoa, [vị dāṇḍa cúng] tấm vải đẹp, vị dāṇḍa cúng cây gậy, tương tự y như thế là vị cúng dường bông hoa nê-la, vị quét cội Bồ-đề, vị dāṇḍa cúng trái cây āmaṇḍa, vị Bà-la-môn có hương thơm là thứ mười. Và ở đây, được tính đếm toàn bộ là một trăm với hai mươi ba câu kệ.

Phẩm Tīpadāyaka là phẩm thứ năm mươi ba.

¹¹ Sugandha nghĩa là “vị có hương thơm (gandha) ngọt ngào (su).”

LIV. PHẨM KACCĀNA (KACCĀNAVAGGO)

531. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA (*Mahākaccānattherāpadānaṃ*)

5664. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Lãnh Đạo không có dục vọng, có sự chiến thắng không bị chế ngự, đã hiện khởi.

5665. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, có khuôn mặt không vết bầm, như là mặt trăng, tương tự ngọn núi vàng, có hào quang sánh bằng ánh sáng mặt trời.

5666. Là vị có sự thu hút ánh mắt và tâm trí của chúng sanh, được tô điểm với các hảo tướng, đã vượt trên mọi phương thức phê phán, được kính trọng bởi loài người và các hạng [thiên thần] bất tử.

5667. Trong khi giác ngộ chúng sanh, bậc Toàn Giác là người hùng biện, có âm điệu ngọt ngào, có sự liên tục gắn bó với lòng bi mẫn và tự tin ở nơi các hội chúng.

5668. Ngài thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội.

5669. Khi ấy, tôi đã là một vị đạo sĩ độc hành có chỗ ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Trong khi đi đến thế giới loài người bằng đường không trung, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng.

5670. Tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe sự thuyết giảng giáo pháp của đấng Anh Hùng trong lúc Ngài đang tán dương đức hạnh lớn lao của vị Thịnh văn:

5671. “Giống như vị Kaccāyana này, trong khi giảng giải một cách chi tiết điều đã được Ta nói một cách tóm tắt, khiến cho hội chúng và Ta hài lòng.

5672. Ta không nhìn thấy bất cứ vị Thịnh văn nào khác tương tự như thế. Vì thế, ở vị thế tối thắng, vị này là đứng đầu. Nay các Tỷ-khưu, các người hãy ghi nhận như vậy.”

5673. Khi ấy, tôi đã trở nên sùng sốt sau khi lắng nghe lời nói làm thích ý. Tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp và đã mang lại bó bông hoa.

5674. Sau khi cúng dường đến đấng Nương Nờ Cửa Thế Gian, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. Khi ấy, biết được thiên hướng của tôi, bậc dứt bỏ sự ham muốn đã chú nguyện rằng:

5675. “Các người hãy nhìn, vị ẩn sĩ cao quý này có làn da màu của vàng đã được tinh luyện, có lông tóc dựng đứng, có bả vai đầy đặn, đứng chấp tay bất động.

5676. Có ánh mắt tràn ngập niềm vui, có thiên hướng về việc tán dương đức Phật, có thân hình cao quý tựa như giáo pháp, như là đã được tưới lên sự bất tử.

5677. Sau khi lắng nghe về đức hạnh của vị Kaccāna, [người này] đang đứng phát nguyện vị thế ấy vào thời vị lai xa vời của bậc Đại Hiền Trí Gotama.

5678. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kaccāna.

5679. Người này sẽ là người nghe nhiều học rộng, có đại trí tuệ, hiểu biết ý định của bậc Hiền Trí, và sẽ thành tựu vị thế ấy như đã được Ta chú nguyện.”

5680. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5681. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sinh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5682. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và Bà-la-môn, tôi không bị sanh vào gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5683. Chính ở kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành phố Ujjeni, [con trai] của vị Bà-la-môn là viên quan tế tự của Vua Caṇḍapajjota.

5684. Tôi là Kaccāna, con trai của Tiriṭavaccha, người mẹ tên là Candimā. Tôi là người khôn khéo, thông suốt các bộ Vệ-đà, có làn da cao quý.

5685. Được phái đi bởi vị quân vương nhằm mục đích tìm hiểu về đức Phật, tôi đã được nhìn thấy đáng Lãnh Đạo là công thành của sự giải thoát, là sự tích lũy về đức hạnh.

5686. Và tôi đã được nghe lời nói không bọt nỡ, có sự làm khô ráo bùn lầy của con đường, tôi đã thành tựu sự bất tử, thanh tịnh cùng với bảy người còn lại.

5687. Tôi đã trở thành vị hiểu biết về ý định của đáng Thiện Thệ, bậc Đại Hiền Trí. Và tôi đã được thiết lập vào vị thế tối thắng, có ước nguyện đã được thành tựu tốt đẹp.

5688. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5689. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Mahākaccāna” là phần thứ nhất.

532. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI (*Vakkalittherāpadānaṃ*)

5691. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là bậc có danh xưng cao thượng, là bậc không thể đo lường.

5692. Ngài có khuôn mặt với hình dáng của đóa hoa sen, có làn da mịn, không vết nhor của đóa hoa sen, không bị nhor nhuốc bởi thể gian tương tợ đóa hoa sen không bị lấm lem bởi nước.

5693. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, dễ mến tương tợ đóa hoa sen và có hương thơm nổi bật của đóa hoa sen, do đó Ngài là Padumuttara.

5694. Và bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian không còn ngã mạn, tợ như con mắt cho những kẻ mù, có bản thể an tịnh, là nơi tồn trữ các đức hạnh, là biển cả về lòng bi mẫn và sự hiểu biết.

5695. Có lần nọ, đấng Đại Hùng, vị được đấng Phạm thiên cùng các hàng a-tu-la và chư thiên nể vì, được loài người có cả chư thiên vây quanh, là tối thượng ở giữa dân chúng.

5696. Với khuôn mặt có hương thơm ngát và với âm thanh ngọt ngào, trong lúc làm hài lòng tất cả hội chúng, Ngài đã tán dương vị Thịnh văn của mình rằng:

5697. “Không có vị nào khác có khuynh hướng về đức tin, có sự hiểu biết tốt đẹp, có sự gắn bó với việc chiêm ngưỡng Ta như là vị này, giống như vị Tỳ-khuru Vakkali này vậy.”

5698. Khi ấy, tôi đã là con trai của người Bà-la-môn ở trong thành phố Hamsavatī. Tôi đã được nghe lời nói ấy và đã thích thú vị thế ấy.

5699. Khi ấy, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai, bậc Vô Nhiễm ấy cùng với các vị Thịnh văn. Sau khi cung cấp vật thực bảy ngày, tôi đã khoác lên [các vị] với những xấp vải đôi.

5700. Được đắm chìm trong biển cả ân đức vô hạn lượng ấy, được tràn đầy phỉ lạc, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở Ngài và đã nói lời nói này:

5701. “Bạch đấng Hiền Trí, mong sao con sẽ trở thành vị Tỳ-khuru đứng đầu trong số những vị có đức tin như vị ấy, là vị đã được Ngài tán dương vào bảy ngày trước đây.”

5702. Được nói như vậy, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí, vị có tầm nhìn không bị chướng ngại đã phát biểu ở giữa hội chúng lời nói này:

5703. “Các người hãy nhìn người thanh niên này, mặc vải vàng bóng láng, thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có sự thu hút ánh mắt của mọi người.

5704. Trong thời vị lai xa xăm, người này đây sẽ là vị Thinh văn đứng đầu trong số những vị có khuynh hướng đức tin của bậc Đại Ân Sĩ Gotama.

5705. [Người này] sẽ luân hồi, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, đều được tránh khỏi mọi sự bức bối, được tựu hội trọn vẹn mọi thứ của cải, được sung sướng.

5706. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5707. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vakkali.”

5708. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5709. Sau khi được sung sướng ở tất cả các nơi trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi trong một gia đình nọ.

5710-11. [Là đứa bé] mảnh mai như bơ tươi, yếu ớt như mầm non mới mọc, lờ đờ, nằm ngửa ra, [cha mẹ tôi] bị đe dọa vì nỗi hãi sợ từ loài quỷ sứ, với tâm ý khôn khéo, đã đặt tôi nằm xuống ở cạnh bàn chân của bậc Đại Ân Sĩ [nói rằng]: “Bạch đáng Bảo Hộ, chúng con dâng Ngài đứa bé này. Bạch đáng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [cho nó].”

5712. Khi ấy, bậc Hiền Trí ấy, nơi nương nhờ của những ai bị kinh sợ, đã nhận lãnh tôi bằng bàn tay mềm mại dịu dàng, có màng lưới [ở các ngón tay], có dấu hiệu hình vỏ ốc [ở lòng bàn tay].

5713. Từ đó trở đi, nhờ vào Ngài, tôi được bảo vệ với sự không phải phòng vệ. Mọi sự thù nghịch được tiêu tan, tôi lớn lên trong an lạc.

5714. Không được ở cạnh đáng Thiện Thệ, dầu chỉ trong chốc lát là tôi bất mãn. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5715. Không được thỏa mãn, tôi ước ao sắc thân được phân bố với mọi nét xinh đẹp, đã được tạo nên do [mười] pháp toàn hảo, là nơi tích tụ quý cao của những điều may mắn.

5716. Khi ấy, biết được tôi hứng thú với sắc thân của đức Phật, đáng Chiến Thắng đã giáo giới tôi rằng: “Này Vakkali, thôi đi. Sao ngươi lại hứng thú ở sắc thân, là vật được vui thích bởi những kẻ ngu?”

5717. Chỉ người nào nhìn thấy Chánh pháp, người trí tuệ ấy nhìn thấy Ta. Trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, dầu đang nhìn Ta cũng vẫn không thấy được.

5718. Xác thân có sự tai hại không giới hạn, tương tự loại cây có độc dược, là chỗ trú ẩn của tất cả các loại bệnh tật, là toàn bộ khối đông khổ đau.

5719. Do đó, ngươi hãy nhàm chán sắc thân, hãy nhìn xem sự sanh và diệt của các uẩn, ngươi sẽ đi đến sự tận cùng của tất cả các nhiễm ô một cách an lạc.”

5720. Đấng Lãnh Đạo ấy, vị tâm cầu sự lợi ích, đã giáo huấn tôi như thế. Tôi đã leo lên núi Gijjhakūṭa và tham thiền ở cái hang nơi triền núi.

5721. Đứng ở chân ngọn núi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: “Này Vakkali”. Nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng, tôi đã hoan hỷ.

5722. Tôi đã lao mình xuống vực núi sâu hàng trăm thân người. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, tôi đã đến được mặt đất hoàn toàn bình yên.

5723. Ngài cũng đã thuyết giảng giáo pháp lần nữa về sự sanh và diệt của các uẩn. Sau khi hiểu được pháp ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5724. Khi ấy, ở giữa hội chúng vô cùng đông đảo, đấng Đại Trí, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết, đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị có khuynh hướng đức tin.

5725. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5726. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5727. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vakkali đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vakkali” là phần thứ nhì.

533. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA

(Mahākappinattherāpadānaṃ)

5729. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã nổi bật ở trái đất và bầu trời, tương tự như mặt trời vào mùa thu.

5730. Ngài đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ánh sáng của ngôn từ. Đấng Lãnh Đạo làm khô ráo bùn lầy ô nhiễm nhờ vào những tia hào quang của sự hiểu biết.

5731. Ngài tiêu diệt danh vọng của những người ngoại đạo, tương tự như mặt trời tiêu diệt ánh sáng của loài đom đóm. Ngài soi rõ ánh sáng về ý nghĩa của các sự thật, tựa như mặt trời làm cho châu báu được rạng rỡ.

5732. Ngài là nơi quy tụ của các đức hạnh, tựa như biển cả là nơi chứa đựng các báu vật. Như là đám mây, Ngài trút xuống các loài hữu tình cơn mưa giáo pháp.

5733. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là vị quan phân xử ở thành phố tên Hamsā. Tôi đã đi đến và đã lắng nghe giáo pháp của bậc có tên là Padumuttara.

5734. Trong khi Ngài đang công bố đức hạnh của vị Thinh văn có kinh nghiệm của vị giáo giới cho các Tỳ-khưu, khiến tâm ý của tôi được vui thích.

5735. Nghe xong, được hài lòng, với tâm ý vui mừng tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với các đệ tử. Sau khi chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

5736. Khi ấy, bậc Đại Phước với giọng nói êm dịu của chim thiên nga và của tiếng trống đã nói rằng: “Các người hãy nhìn vị quan đại thần này là người có sự tự tin trong việc xác định.

5737. [Người này] quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta, có lông tóc dựng đứng, có màu da rạn rờ, có bả vai đầy đặn, có ánh mắt và khuôn mặt được tịnh tín.

5738. Con người có danh vọng lớn lao ấy đang làm cho đám tùy tùng đông đảo được hài lòng. Có thiên hướng hoan hỷ, người này phát nguyện vị thế của vị [Thinh văn] có kinh nghiệm.

5739. Do phần vật thực này và do các nguyện lực của tác ý, người này [sẽ] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

5740. Có được sự lộng lẫy của vị Trời trong số chư thiên, có bản chất vĩ đại ở giữa loài người, sau khi đã thọ hưởng phần còn lại, [người này] sẽ thành tựu Niết-bàn.

5741. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5742. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kappina.”

5743. Từ đó, tôi đã thực hành sự tôn kính khéo được thể hiện trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất.

5744. Sau khi chỉ bảo cho chư thiên, nhân loại và các vị quốc vương theo lẽ phải, tôi đã sanh ra trong dòng dõi làm nghề dệt ở kế cận thành Bārāṇasī.

5745. Cùng với vợ và nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã hộ độ năm trăm vị Phật Độc Giác.

5746. Sau khi đã cung cấp vật thực ba tháng, kể đó, chúng tôi đã dâng cúng ba y. Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5747. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến bản thể loài người lần nữa. Chúng tôi đã được sanh ra ở trong thành Kukkuṭa, cạnh sườn núi Hy-mã-lạp.

5748. Tôi đã là vị hoàng tử có danh vọng lớn lao tên là Kappina. Những người còn lại, được sanh ra ở gia đình các quan cận thần, đã tháp tùng bản thân tôi.

5749. Tôi đã đạt được sự sung sướng về vương quốc lớn lao, có đầy đủ tất

cả các loại dục lạc. Tôi đã nghe về sự xuất hiện của đức Phật được thuật lại bởi những người thương buôn rằng:

5750. “Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian là nhân vật độc nhất không ai sánh bằng. Ngài công bố Chánh pháp về bất tử là sự an lạc tối thượng.

5751. Các đệ tử của Ngài là những vị vô cùng chín chắn, khéo được giải thoát và không còn lậu hoặc.” Sau khi nghe được lời nói tốt đẹp của những người ấy, tôi đã tôn trọng những người thương buôn.

5752. Sau khi từ bỏ vương quyền, tôi cùng với đám cận thân đã ra đi, hướng tâm về đức Phật. Tôi đã nhìn thấy con sông Mahācandā được tràn đầy, ngập đến bờ.

5753. [Con sông] có dòng nước chảy xiết, không có bến tàu, không có cầu treo, khó vượt qua. Tôi đã vượt qua một cách an toàn sau khi tưởng nhớ đến hạnh lành của đức Phật [rằng]:

5754. “Nếu đức Phật là bậc đã vượt qua dòng nước hiện hữu, là vị đã đi đến tận cùng của thế giới, là bậc sáng suốt. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.

5755. Nếu đạo lộ đi đến an tịnh là sự giải thoát và là sự an lạc tuyệt đối. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.

5756. Nếu hội chúng là đã vượt qua khu rừng rậm, là phước điền vô thượng. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.”

5757. Liên với khi sự chân thật cao quý đã được thực hiện, nước đã được lìa khỏi con đường. Do đó, tôi đã vượt qua bờ sông đáng yêu một cách thoải mái.

5758-59. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy đức Phật đang ngồi phía trước các vị Thánh văn tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn đã được thắp sáng, tợ như mặt trăng được thắp từng bởi các vì sao, trông như là vị Chúa trời đang đổ xuống đám mưa những lời thuyết giảng.

5760. Tôi đã cùng với các vị cận thân đánh lễ rồi đã tiến vào ở một bên. Sau đó, biết được thiên hướng của chúng tôi, đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp.

5761. Sau khi lắng nghe giáo pháp không bọn nhơ, chúng tôi đã nói với đấng Chiến Thắng rằng: “Bạch đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy xuất gia cho chúng con. Chúng con nhàm chán về sự hiện hữu.”

5762. Bậc Hiền Trí thứ bảy đã nói như vậy: “Này các Tỳ-khuru, giáo pháp đã khéo được thuyết giảng đưa đến sự đoạn tận khổ đau cho các người. Các người hãy thực hành Phạm hạnh.”

5763. Cùng với lời nói, tất cả chúng tôi cũng đã trở thành những vị mang y phục Tỳ-khuru, đã được tu lên bậc trên và là những vị Nhập lưu trong giáo pháp.

5764. Sau đó, đấng Hương Đạo đã đi đến Jetavana và đã chỉ dạy. Được chỉ dạy bởi đấng Chiến Thắng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5765. Sau đó, tôi đã chỉ dạy một ngàn vị Tỳ-khuru ấy. Lúc bấy giờ, do việc chỉ dạy của tôi, các vị ấy cũng đã trở thành các bậc không còn lậu hoặc.

5766. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng ở đám đông dân chúng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng: “Kappina đứng đầu các vị giáo giới Tỳ-khuru.”

5767. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

5768. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5769. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākappina đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mahākappina” là phần thứ ba.

534. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA (*Dabbattherāpadānaṃ*)

5771. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc hiền biết về toàn bộ thế gian, đấng Hiền Trí, bậc Hữu Nhân đã hiện khởi.

5772. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5773. Bậc Thương Tướng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5774. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5775. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tựa như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5776. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5777. Khi ấy, là con trai nhà triệu phú có danh vọng lớn lao ở tại Hamsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Cửa Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5778. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài đang tán dương vị Thịnh văn, đang phân bố chỗ trú ngụ cho các vị Tỳ-khuru, tôi đã được hoan hỷ.

5779. Sau khi thực hiện hành động hướng thượng đến bậc Đại Ân Sĩ ấy cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5780. Khi ấy, trong lúc tán dương việc làm của tôi, đấng Đại Hùng đã nói

rằng: “Người đã chăm lo vật thực đến đáng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày...”

5781. ... là người này đây có mắt hình lá sen, có bả vai sư tử, có làn da vàng chói, đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta trong lúc phát nguyện vị thế tối thượng.

5782. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5783. Khi ấy, người này sẽ là Thịnh văn của vị Phật ấy, được nổi tiếng với tên là Dabba, và sẽ là vị phân bố chỗ trú ngụ hàng đầu.”

5784. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5785. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần, và đã trở thành đáng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5786. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5787. Trước đây chín mươi một kiếp, bậc Lãnh Đạo tên Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

5788. Có tâm xấu xa, tôi đã chửi mắng vị Thịnh văn đã đoạn tận tất cả các lậu hoặc của đức Phật như thế ấy, dầu đã biết rõ là “Vị trong sạch.”

5789. Tôi đã lấy ra tám thẻ của chính bậc vĩ nhân ấy và tôi đã dâng cúng cơm sữa đến các vị Thịnh văn đại ẩn sĩ [không có phân vị ấy].

5790. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đáng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đáng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

5791. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các hàng ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện và đã Niết-bàn cùng các Thịnh văn.

5792. Khi đáng Bảo Hộ cùng các vị đệ tử đã Niết-bàn và giáo pháp đang đi đến tiêu hoại, chư thiên bị chấn động, có tóc xỏ ra, mặt đầy nước mắt, đã than vãn rằng:

5793. “Sự nhìn thấy giáo pháp sẽ bị lụi tàn, chúng ta sẽ không nhìn thấy các vị có sự hành trì tốt đẹp, chúng ta sẽ không được nghe Chánh pháp. Ôi, chúng ta thật kém phước!”

5794. Khi ấy, toàn bộ quả đất này, vốn bất động, đã có sự chuyển động qua lại. Và biển cả như là có sự sâu muộn đã gào lên âm giọng thê thảm.

5795. Những cái trống không người [sử dụng] đã vang lên từ khắp bốn phương, và các tiếng sấm đem lại sự kinh hãi đã nổ ra khắp nơi.

5796. Những đóm lửa đã rơi xuống từ không trung và cột khói được nhìn thấy. Tất cả cây cối, chúng sanh và các loài thú đã kêu gào thảm thiết.

5797. Sau khi nhìn thấy sự bạo tàn xuất hiện, báo hiệu sự tiêu hoại của giáo pháp, bị chấn động bảy vị Tỳ-khuru, chúng tôi khi ấy đã suy nghĩ rằng:

5798. “Không có giáo pháp, đối với chúng ta là đã đủ với cuộc sống rồi. Chúng ta hãy đi vào khu rừng lớn và gắn bó với lời dạy của đấng Chiến Thắng.”

5799. Khi ấy, chúng tôi đã nhìn thấy ngọn núi cao chót vót ở trong khu rừng. Chúng tôi đã leo lên ngọn núi ấy bằng chiếc thang và đã làm chiếc thang rơi xuống.

5800. Khi ấy, vị trưởng lão của chúng tôi đã giáo huấn rằng: “Sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, đức tin là điều khó đạt thì [chúng ta] đã đạt được, và giáo pháp còn sót lại là ít ỏi.

5801. Các cơ hội đã qua đi và rơi vào biển cả khổ đau vô tận. Do đó, việc thực hành nên được thực hiện trong khi lời dạy của bậc Hiền Trí vẫn còn tồn tại.”

5802. Vị trưởng lão ấy đã trở thành bậc A-la-hán, vị kế tiếp khi ấy là bậc Bát lai, những vị khác được gắn bó với thiện giới đã đi đến thế giới của chư thiên.

5803. Vị vượt qua luân hồi đã Niết-bàn, và chỉ một vị ở cõi Tịnh Cư thiên. Còn tôi, Pukkusāti, Sabhiya, Bāhiya là tương tự như nhau.

5804. Và luôn cả Kumārakassapa nữa, chúng tôi đã tái sanh ở nơi này nơi khác. Được thương tưởng bởi đấng Gotama, chúng tôi đã được giải thoát khỏi sự trói buộc của luân hồi.

5805. Tôi đã được sanh ra ở thành Kusinārā, giữa những người Mallā. Ngay khi tôi còn ở trong bào thai, mẹ của tôi bị chết và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu. Từ nơi ấy, tôi đã được rơi xuống.

5806. Được rơi xuống ở nơi đồng cùi, do đó tôi được nổi danh là Dabba.¹ Với năng lực của việc hành trì Phạm hạnh, vào lúc bảy tuổi tôi đã được giải thoát.

5807. Do quả báo của cơm sữa, tôi đã đạt được năm yếu tố. Do sự chửi mắng vị có lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi đã bị vu cáo nhiều lần bởi những kẻ xấu.²

5808. Giờ đây, tôi đã vượt qua cả hai điều thiện và ác. Sau khi đạt được sự an tịnh tuyệt đối, tôi sống không còn lậu hoặc.

5809. Tôi đã phân bố chỗ trú ngụ và đã làm cho các vị có sự hành trì tốt đẹp được vui vẻ. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

5810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

¹ Nghĩa của từ *dabba* là cùi, gỗ.

² Có hai câu chuyện được ghi lại ở phần câu chuyện dẫn nhập của 2 điều *Saṅghādisesa* 8 và 9 ở tạng Luật.

5812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dabba Mallaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dabba Mallaputta” là phần thứ tư.

535. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA

(Kumārakassapathērapadānaṃ)

5813. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo, bậc Anh Hùng tên Padumuttara, vị hữu ích của tất cả thế gian đã hiện khởi.

5814. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn được nổi tiếng, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

5815. Ngài đang công bố về bốn sự thật, đang giác ngộ chúng sanh luôn cả chư thiên, đang tán dương vị đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay ở nơi đám đông dân chúng.

5816-17. Khi ấy, có tâm hoan hỷ, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai và đã trang hoàng mái che bằng những tấm vải có nhiều màu sắc khác nhau, được sáng chói bởi nhiều loại châu báu. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn đến Ngài cùng với hội chúng. Tôi đã cung cấp bữa ăn có hương vị tối thắng đa dạng trong bảy ngày.

5818. Sau khi cúng dường Ngài cùng các vị Thỉnh văn bằng những bông hoa có nhiều màu sắc khác nhau, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5819. Khi ấy, đấng Hiền Trí cao quý với thiên hướng thực hành hạnh bi mẫn đã nói rằng: “Các người hãy nhìn xem người Bà-la-môn cao quý này, có khuôn mặt và con mắt của những đóa hoa sen.

5820. [Người này] tràn ngập niềm phi lạc và hưng phấn, có lông tóc dựng đứng, có mắt mở to tỏ lộ nụ cười, có lòng khao khát giáo pháp của Ta.

5821. [Người này] đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta với thiện ý hướng đến một điều: Vị ấy phát nguyện về vị thế ấy là bản thể của vị thuyết giảng hay.

5822. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5823. [Người này] sẽ trở thành Thỉnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kumārakassapa.

5824. Do nhờ tác động của các loại bông hoa cùng vải vóc đã được trang hoàng và của các loại châu báu, người ấy sẽ thành tựu tư cách đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay.”

5825. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5826. Giống như vũ công ở giữa sân khấu, trong khi quay cuồng ở không gian của các cõi, tôi đã hạ sanh vào bụng của con nai cái và đã trở thành nai [đực], con của con nai tên Sākha.

5827. Lúc bấy giờ, khi tôi nhập thai là thời điểm trùng phạt xảy đến. Mẹ tôi đã bị con nai Sākha ruồng bỏ và đã đi đến nương tựa vào [nai chúa] Nigrodha.

5828. Lúc bấy giờ, nhờ vào con nai chúa ấy, mẹ tôi đã được thoát khỏi sự chết. Sau khi đã được ban cho mạng sống, mẹ tôi đã giáo huấn tôi như vậy:

5829. “Con nên phục vụ chỉ riêng Nigrodha, chớ có sống thân cận với Sākha. Thà bị chết ở nơi Nigrodha còn tốt hơn nếu phải sống cùng Sākha.”

5830. Được chỉ dạy bởi con nai đầu đàn ấy, tôi cùng mẹ và những con nai khác cũng như vậy, đã đi đến trú ngụ ở cõi trời Đâu-suất đáng yêu, rồi đã đi đến nơi cư trú khác cũng có chỗ ở tương tự như thế.

5831. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đáng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đáng Chiến Thắng.

5832. Giờ đây, tôi đã được sanh vào gia tộc triệu phú ở thành Rājagaha. Mẹ của tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình khi đã mang thai.

5833. Biết được mẹ tôi có thai, các vị đã đưa mẹ tôi đến gặp Devadatta. Vị ấy đã nói rằng: “Các người hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni xấu xa này.”

5834. Giờ đây, [mẹ tôi] cũng đã được đáng Chiến Thắng, bậc Hiền Trí Vương thương xót. Được an toàn, mẹ đã sanh ra tôi tại tu viện của các Tỳ-khưu-ni.

5835. Biết được điều ấy, đức vua xứ Kosala đã nuôi dưỡng tôi. Và do việc có phẩm hạnh từ lúc nhỏ, tôi có tên là Kassapa.

5836. So sánh với vị Mahākassapa (Kassapa lớn), tôi là Kumārakassapa (Kassapa thiếu niên). Tôi đã lắng nghe điều đã được đức Phật thuyết giảng rằng xác thân là tương tự tổ mối.

5837. Do đó, tâm của tôi đã được giải thoát không còn chấp thủ mọi thứ. Tôi đã cảm hóa được đức Vua Pāyāsi và đã đạt được vị thế tối thắng.

5838. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5839. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumārakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kumārakassapa” là phần thứ năm.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi bốn).

536. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BĀHIYA (*Bāhiyattherāpadānaṃ*)

5841. Trước đây một trăm ngàn kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là vị có hào quang chói lọi, đứng đầu tam giới.

5842. Tôi đã lắng nghe đấng Hiền Trí đang tán dương đức hạnh của vị Tỳ-khưu có thắng trí nhạy bén. Với tâm phấn chấn, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ân Sĩ.

5843. Lúc bấy giờ, sau khi dâng cúng vật thí đến bậc Hiền Trí cùng các đệ tử trong bảy ngày, tôi đã đánh lễ bậc Toàn Giác và đã phát nguyện vị thế ấy.

5844. Do đó, đức Phật đã chú nguyện cho tôi rằng: “Các người hãy nhìn xem, người Bà-la-môn này đã quý xuống cạnh bàn chân của Ta với ánh mắt và khuôn mặt được tịnh tín.

5845. Có làn da mỏng manh màu trắng, có thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có môi đỏ như là trái bimba được treo lơ lửng, có răng màu trắng sắc bén.

5846. [Người này] có dồi dào năng lực về đức hạnh, có thân hình vươn cao, là nguồn nước về các hạnh lành, có khuôn mặt nở rộ niềm phi lạc.

5847. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có thắng trí nhạy bén. Trong ngày vị lai sẽ có bậc Đại Hùng tên là Gotama.

5848. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bāhiya.”

5849. Khi ấy, vô cùng hớn hở tôi đã đứng dậy. Tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Hiền Trí đến hết cuộc đời. Mệnh chung, tôi đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình.

5850. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi được sung sướng. Tôi đã luân hồi và đã thọ hưởng sự thành đạt.

5851. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5852. Là những người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng, có giới trong sạch, có trí tuệ, mệnh chung từ nơi ấy, năm người chúng tôi đã đi đến thế giới của chư thiên.

5853. Sau đó, Bāhiya tôi đã được sanh ra ở kinh thành Bhārukaccha. Từ nơi ấy, tôi dùng thuyền lao vào khu vực biển cả ít có sự an toàn.

5854. Do đó, sau khi ra đi một vài ngày, chiếc thuyền đã bị vỡ tan. Khi ấy, tôi đã rơi vào khu vực có cá dữ, khủng khiếp, gây ra sự kinh hoàng.

5855. Khi ấy, tôi đã ra sức và đã tự vượt qua được đại dương. Tôi đã đến được bên tàu Suppāra quý báu, lơ dờ, run lẩy bẩy.

5856. Tôi đã khoác lên y phục vỏ cây và đã đi vào làng để khát thực. Khi ấy, dân chúng ấy đã hớn hờ nói rằng: “Vị A-la-hán này đã ngự đến nơi đây.

5857. Sau khi hậu đãi người này với cơm ăn, nước uống, vải vóc, giường nằm và thuốc men chữa bệnh, chúng ta sẽ được an lạc.”

5858. Khi ấy, được họ tôn kính và cúng dường, tôi đã có được lợi lộc về các vật dụng cần thiết. Tôi đã khiến họ có sự suy nghĩ một cách không đúng đắn rằng: “Tôi là vị A-la-hán.”

5859. Vì thế, sau khi biết được tâm của tôi, vị thiên nhân [trong số bảy vị] trước đây đã quả trách rằng: “Người không biết phương pháp và đường lối, làm sao người có thể trở thành bậc A-la-hán?”

5860. Bị quả trách bởi vị ấy, bị chấn động, khi ấy tôi đã hỏi rằng: “Các bậc tối thượng nhân A-la-hán ở trên đời là những ai? Các vị này ở đâu?”

5861. “Ở tại Sāvatti là cung điện của xứ Kosala, có đấng Chiến Thắng là bậc có trí tuệ dồi dào, có sự sáng suốt bao la cao quý. Là người con trai dòng Sakya, là bậc A-la-hán, không còn lậu hoặc, Ngài thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự thành tựu phẩm vị A-la-hán.”

5862. Lúc bấy giờ, sau khi lắng nghe lời nói của vị này, tôi vô cùng sung sướng và sừng sốt tợ như người ăn xin đã đạt được của chôn giấu. Tôi đã có tâm phấn chấn để được yết kiến bậc A-la-hán tối thượng, có hình dáng tốt đẹp, có hành xử không giới hạn.

5863. Lúc bấy giờ, tôi đã rời khỏi nơi ấy, [nghĩ rằng:] “Khi nào tôi [sẽ] nhìn thấy đấng Chiến Thắng, con người cao quý, bậc có khuôn mặt không vết bẩn?” Tôi đã đi đến khu rừng đáng yêu tên Vijita và đã hỏi những người Bà-la-môn rằng: “Bậc đem lại niềm hân hoan cho thế gian ở nơi đâu?”

5864. Do đó, họ đã nói rằng: “Bậc được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại đã đi vào thành phố với ý định tìm kiếm vật thực. Nếu mong mỏi diện kiến bậc Hiền Trí, người hãy mau mau đi đến và hãy lễ bái nhân vật cao cả ấy.”

5865. Do đó, tôi đã mau chóng đi đến kinh thành Sāvatti. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang đi đó đây vì mục đích vật thực, không thêm khát, không ham hố.

5866. Có bình bát ở tay, mắt không ước vọng, như là đang phân phát sự bất tử, có khuôn mặt mang vẻ sáng lạn của mặt trời, tợ như chỗ ngụ của điều may mắn.

5867. Tôi đã đi đến gặp Ngài và đã nói lời nói này: “Bạch đấng Gotama, xin Ngài hãy là chốn nương nhờ cho kẻ đã bị làm lạc vào con đường sai trái.”

5868. Bậc Hiền Trí tối thượng đã nói rằng: “Ta đang đi loanh quanh để

khất thực, nhằm mục đích tế độ chúng sanh, không phải là lúc thuyết pháp cho người.”

5869. Khi ấy, khát khao về giáo pháp, tôi đã liên tục cầu xin đức Phật. Ngài đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp thâm sâu về đường lối của Không tánh.

5870. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi là người có tuổi thọ đã tận cùng. Ôi, bậc Đạo Sư quả là đáng có lòng thương xót!

5871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5874. Vị Trưởng lão Bāhiya Dārucīriya đã giải thích như thế. Vị ấy đã bị té ngã vào đồng rác bởi con bò cái đã bị quỵ nhập vào.

5875. Bậc đại trí đã thuật lại cuộc sống trước đây của bản thân. Vị anh hùng ấy đã viên tịch Niết-bàn tại kinh thành Sāvatthi.

5876. Bậc Ân Sĩ tối thượng, trong khi đi ra khỏi thành phố, đã nhìn thấy vị Bāhiya trí tuệ ấy mặc y phục vỏ cây có sự tái sanh đã xa lìa.

5877. Tợ như ngọn cờ của đức vua đã bị đổ xuống, bậc đã được rèn luyện bị ngã ở trên đất, có tuổi thọ đã hết, có phiền não đã lìa, đã là vị thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5878. Do đó, bậc Đạo Sư đã bảo các vị Thinh văn nhiệt tình với giáo pháp rằng: “Các người hãy khiêng lên, đưa đi, rồi hỏa thiêu thi thể của bậc Phạm hạnh.

5879. Các người hãy xây dựng ngôi bảo tháp. Vị đại trí ấy đã Niết-bàn. Vị này là vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có thắng trí nhậy bén, là người thực hành theo lời dạy của Ta.

5880. Nếu một ngàn câu kệ chỉ chứa đựng những từ vô ý nghĩa, một [phần tư] câu kệ vẫn là tốt hơn [nếu] người đã nghe điều ấy được an tịnh.³

5881. Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững, nơi ấy đạo đức không chiếu sáng, mặt trời không rực sáng, nơi ấy không có mặt trăng tỏa sáng, nơi ấy bóng tối không được biết đến.

5882. Và khi nào vị Bà-la-môn hiền trí đã tự thân biết được với sự sáng suốt, thì được giải thoát khỏi sắc, khỏi vô sắc, khỏi lạc và khỏi khổ”, đấng Bảo Hộ, bậc Hiền Trí, đấng Nương Nhờ Của Tam Giới đã nói như thế.

Đại đức Trưởng lão Bāhiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bāhiya” là phần thứ sáu.

³ Dh. v. 101.

537. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOTṬHITA (*Koṭṭhitattherāpadānaṃ*)

5883. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhân đã hiện khởi.

5884. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5885. Bậc Thương Tướng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5886. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5887. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tựa như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5888. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5889. Khi ấy, tôi là người Bà-la-môn ở tại Hamsavatī, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã đi đến bậc Ưu Tú Cao Cả Của Chúng Sanh và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5890-91. Khi ấy, đấng Anh Hùng ấy đã thiết lập vào vị thế tối thắng đối với vị Thịnh văn có hành xử về sự hiểu biết đã được rạch ròi, và là vị rành rẽ về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã cung cấp vật thực đến đấng Chiến Thắng Cao Quý cùng các vị Thịnh văn trong bảy ngày.

5892. Sau khi khoác lên bậc Đại Dương Của Giác Ngộ cùng với các đệ tử bằng các tấm vải, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5893. Do đó, bậc Cao Cả Của Thế Gian đã nói rằng: “Các người hãy nhìn xem vị Bà-la-môn cao thượng này, vị có ánh sáng từ lòng đóa hoa sen phát ra, đã cúi mình ở bàn chân của Ta.

5894. Với đức tin ấy, với sự dứt bỏ và với sự lắng nghe giáo pháp, người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu hàng đầu của đức Phật.

5895. Sau khi đã được sung sướng ở mọi nơi và sau khi đã luân hồi ở cõi này cõi khác, trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

5896. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5897. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kotṭhita.”

5898. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ, có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5899. Do quả thành tựu của nghiệp ấy và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5900. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5901. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5902. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không đi đến cõi tái sinh khác; điều này là quả báo của việc khéo hành trì.

5903. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc khéo hành trì.

5904. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được tái sinh trong gia tộc Bà-la-môn có tài sản lớn lao ở thành phố Sāvatthi.

5905. Người mẹ tên là Candavatī, người cha của tôi tên là Assalāyana. Và đức Phật đã hướng dẫn cha tôi về sự thanh tịnh toàn diện.

5906. Khi ấy, được tịnh tín tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình ở đấng Thiện Thệ. Thầy chỉ dạy là vị Moggallāna, thầy tế độ là vị xuất thân từ bà Sārī.⁴

5907. Khi các sợi tóc đang được cạo, tà kiến đã được chặt đứt tận gốc. Và trong khi đang quần y ca-sa, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5908. Và sự hiểu biết của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải là đã được phân giải; vì thế, đấng Cao Cả Của Thế Gian đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

5909. Được vị Upatissa⁵ hỏi, tôi đã giải thích không bị lằm lẩn. Vì thế, tôi đã là vị đứng đầu về các pháp phân tích trong giáo pháp của đấng Toàn Giác.

5910. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5911. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5912. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākotṭhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mahākotṭhita” là phần thứ bảy.

⁴ Vị xuất thân từ bà Sārī, ám chỉ Ngài Sāriputta, con trai (*putta*) của bà Sārī.

⁵ Upatissa là tên gọi của Ngài Sāriputta lúc còn tại gia. (ND)

538. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA**(*Uruvelakassapatttherāpadānam*)**

5913. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhân đã hiện khởi.

5914. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5915. Bậc Thương Tướng, đấng Bi Mẫn, vị tâm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5916. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5917. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tựa như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5918. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5919. Khi ấy, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành ở tại Hamsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5920. Khi ấy, Ngài đang thiết lập vị Thịnh văn, là bậc đại nhân, có hội chúng lớn vào vị thế tối thắng. Tôi đã lắng nghe và đã trở nên hoan hỷ.

5921. Tôi đã thỉnh mời đấng Chiến Thắng vĩ đại cùng với đoàn tùy tùng đông đảo. Cùng với một ngàn vị Bà-la-môn, tôi đã dâng cúng vật thí.

5922. Sau khi dâng cúng cuộc đại thí, tôi đã đánh lễ đấng Lãnh Đạo rồi đã đứng ở một bên. Được mừng rỡ, tôi đã nói lời nói này:

5923. “Bạch đấng Anh Hùng, với đức tin của con ở Ngài và với công đức của việc làm hướng thượng, mong sao con luôn có được hội chúng đông đảo khi sanh ra ở nơi này, nơi khác.”

5924. Khi ấy, với âm điệu ngọt ngào được rống lên bởi loài voi, được hát lên bởi loài chim Karavīka, bậc Đạo Sư đã nói với hội chúng rằng: “Các người hãy nhìn xem người Bà-la-môn này.

5925. [Người này] có màu da vàng chói, có cánh tay lực lưỡng, có khuôn mặt và ánh mắt như đóa hoa sen, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, có niềm tin vào đức hạnh của Ta.

5926. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có âm thanh của loài sư tử. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

5927. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5928. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự

giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa.”

5929. Trước đây chín mươi hai kiếp, đã có đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Phussa, không có vị tương tự, không có ai sánh bằng.

5930. Và sau, khi đã tiêu diệt tất cả sự tăm tối, đã tháo gỡ mối rối rắm lớn lao, trong lúc làm hài lòng thế gian luôn cả chư thiên, Ngài đã đỡ cơn mưa bất tử.

5931. Chính vào lúc ấy, chúng tôi đã là hàng hậu duệ của đức vua ở thành Bārāṇasī. Tất cả ba anh em chúng tôi đều được thân cận đối với đức vua.

5932. Chúng tôi có cơ thể và dáng vóc của vị anh hùng, có sức mạnh, không bị đánh bại ở chiến trường. Khi ấy, vùng biên địa bị dấy loạn, vị lãnh chúa đã nói với chúng tôi rằng:

5933. “Này các con, hãy đi đến vùng biên địa, hãy càn quét lực lượng lục lâm, hãy làm cho vương quốc của ta được thanh bình, rồi hãy quay trở về và trình báo.”

5934. Do đó, chúng tôi đã nói rằng: “Nếu bệ hạ có thể ban đấng Lãnh Đạo cho chúng con về việc hộ độ, do việc đó, chúng con sẽ làm tốt nhiệm vụ cho bệ hạ.”

5935. Do đó, chúng tôi đã đạt được điều ân huệ. Được phái đi bởi vị quân vương, chúng tôi đã làm cho vùng biên địa buông khí giới và đã đi đến gặp đức vua lần nữa.

5936. Chúng tôi đã thỉnh cầu đức vua về việc hộ độ bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Hiền Trí Anh Hùng; và sau khi đã đạt được [thỉnh cầu], chúng tôi đã cung phụng Ngài cho đến hết cuộc đời.

5937. [Chúng tôi đã dâng cúng] các tấm vải vô cùng giá trị, các vị ném thượng hạng, các chỗ nằm ngồi đáng yêu và các dục phẩm có lợi ích.

5938. Sau khi dâng cúng đến bậc Hiền Trí cùng với hội chúng các phẩm vật được phát sanh đúng pháp của chúng tôi, chúng tôi là những người có giới, có lòng bi mẫn, có tâm gắn bó với sự tu tập.

5939. Chúng tôi đã luôn luôn phục vụ đấng Lãnh Đạo với tâm từ ái. Khi bậc Cao Cả Của Thế Gian ấy Niết-bàn, chúng tôi đã cúng dường tùy theo năng lực.

5940. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất, đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở tại nơi ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5941. Giống như người làm trò ảo thuật ở sân khấu biểu diễn nhiều hình thức, tương tự như thế, trong khi xoay vần ở hiện hữu, tôi đã là vị chúa tể xứ Videha.

5942-43. Có thiên hướng tà kiến theo lời nói của đạo sĩ lừa thề tên Guṇa,

tôi đã bước lên đạo lộ đi địa ngục. Tôi đã không chấp nhận lời khuyên nhủ của người con gái của tôi là Rujā. Trong khi được chỉ dạy theo nhiều cách thức bởi đấng Phạm thiên Nārada, tôi đã từ bỏ tà kiến ác xấu.

5944. Sau khi đã làm tròn đủ mười đường lối về nghiệp [thiện] một cách đặc biệt, tôi đã từ bỏ xác thân và đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình.

5945. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được sanh ra trong đại gia tộc Bà-la-môn ở thành phố Bārāṇasī thịnh vượng.

5946. Bị hãi sợ về sự chết, sự bệnh và sự già, tôi đã từ bỏ tài sản lớn lao, trong lúc tầm cầu đạo lộ Niết-bàn, tôi đã xuất gia ở những đạo sĩ tóc bện.

5947. Khi ấy, hai người em trai của tôi đã xuất gia cùng với tôi. Tôi đã tạo dựng khu ẩn cư ở tại Uruvelā và đã cư ngụ [ở đó].

5948. Kassapa là tên theo gia tộc và là người cư trú ở Uruvelā, do đó, đã có sự định đặt tên cho tôi là Uruvelakassapa.

5949. Người em trai của tôi ở lân cận khu vực Nādī có tên là Nādīkassapa, và [người em trai] ở lân cận khu vực Gayā có tên là Gayākassapa.

5950. Người [em trai] nhỏ nhất có hai trăm, người em trai giữa có ba trăm, tôi có năm trăm đệ tử không thiếu sót, tất cả đều đi theo [sự hướng dẫn của] tôi.

5951. Khi ấy, đức Phật đã đi đến gặp tôi và đã thực hiện đối với tôi những phép kỳ diệu nhiều loại khác nhau. Đấng Cao Cả Của Thế Gian, bậc Điều Phục Nhân đã hướng dẫn cho tôi.

5952. Cùng nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu theo lối “được gọi đến”. Cùng với tất cả các vị ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5953-54. Các vị ấy và luôn cả nhiều người đệ tử khác đã tháp tùng theo tôi. Và tôi có khả năng đề chỉ dạy. Do đó, trong sự hiện diện của đại chúng, bậc Ân Sĩ tối thượng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. Ôi, việc tôn kính đã được thực hiện ở đức Phật đã có quả báo sanh lên cho tôi!

5955. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5956. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5957. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uruvelakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Uruvelakassapa” là phần thứ tám.

539. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀDHA (*Rādhatherāpadānaṃ*)

5958. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhân đã hiện khởi.

5959. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5960. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tâm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5961. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5962. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tựa như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5963. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5964. Khi ấy, là người Bà-la-môn thông suốt về chú thuật ở tại Hamsavatī, tôi đã đi đến gặp bậc Quý Nhân ấy và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5965. Được tự tin ở nơi các hội chúng, đấng Đại Hùng, bậc Hường Đạo đang tuyên bố vị Tỳ-khưu có tài biện giải ở vào vị thế tối thắng.

5966. Khi ấy, sau khi thể hiện sự tôn kính đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống đê đầu ở chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5967. Do đó, đức Thế Tôn, vị có ánh sáng tựa như khối vàng đã nói với tôi bằng giọng nói thu hút, [có khả năng] mang đi các phiền não và ô nhiễm rằng:

5968. “Mong sao ngươi có sự an vui, sống thọ. Mong sao ước nguyện được thành tựu cho ngươi. Sự tôn kính đã được ngươi thể hiện đến Ta cùng hội chúng thật vô cùng rộng lớn.

5969. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5970. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên gọi là Rādhā.

5971. Được hoan hỷ về chủng tử đức hạnh của ngươi, người con trai dòng Sakya, bậc Nhân Ngưu, đấng Lãnh Đạo ấy sẽ tuyên bố [ngươi là] vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải.”

5972. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ, có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5973. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5974. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5975. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5976. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbajja,⁶ trong gia tộc Bà-la-môn không được sung túc, bị thiếu thốn về y phục và thức ăn.

5977. Tôi đã dâng lên một muống thức ăn đến vị Sāriputta như thế ấy. Đến khi già nua và lớn tuổi, khi ấy tôi đã đi đến tu viện.

5978. Là người già cả yếu đuối không có thể lực, các vị không ai cho tôi xuất gia. Vì thế, khi ấy tôi đã trở nên thâm khổ, cơ thể bị xuống sắc, có sự sầu muộn.

5979. Sau khi nhìn thấy, đấng Đại Bi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: “Này con trai, lý do gì khiến ngươi lại bị khổ đau vì sầu muộn. Hãy trình bày nỗi khổ đau đã sanh lên ở tâm của ngươi.”

5980. “Bạch đấng Anh Hùng, con không đạt được sự xuất gia trong giáo pháp khéo được thuyết giảng của Ngài. Vì thế, con trở nên thâm khổ vì sầu muộn. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [của con].”

5981. Khi ấy, bậc Hiền Trí tối thượng đã triệu tập các vị Tỳ-khưu lại và đã hỏi rằng: “Những vị nào nhớ được hành động hướng thượng của người này, những vị ấy hãy nói lên.”

5982. Khi ấy, vị Sāriputta đã nói rằng: “Con nhớ được hành động của người này. Trong khi con đang đi khát thực, ông đã bảo dâng cúng một muống thức ăn đến con.”

5983. “Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta, ngươi quả là người biết ơn. Ngươi hãy cho người Bà-la-môn lớn tuổi này xuất gia. Người này sẽ là chúng tử tốt.”

5984. Do đó, tôi đã đạt được sự xuất gia và sự tu lên bậc trên với lời tuyên ngôn hành sự. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc.

5985. Vì tôi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí một cách nghiêm chỉnh, do đó, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải.

5986. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

⁶ Một tên gọi khác của thành Rājagaha. (ND)

5988. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rādhā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Rādhā” là phần thứ chín.

540. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA (*Mogharājattherāpadānam*)

5989. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhân đã hiện khởi.⁷

5990. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5991. Bậc Thương Tướng, đấng Bi Mẫn, vị tâm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5992. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5993. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tựa như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5994. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5995. Lúc bấy giờ, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Hamsavatī. Bị vương bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, tài sản riêng của tôi là không có gì.

5996. Trong khi cư ngụ tại gian nhà nghỉ chân có nền đất đã được sửa soạn, tôi đã đốt lên ngọn lửa ở tại nơi ấy [khiến] nền đất ấy đã trở nên đen và cứng.

5997. Khi ấy, đấng Bảo Hộ, bậc giảng giải về bốn sự thật, đã tán dương vị Thịnh văn là vị mặc y thô xấu ở hội chúng.

5998. Hoan hỷ về đức hạnh đó của vị ấy, tôi đã quỳ xuống ở đức Như Lai và đã phát nguyện vị thế tối thượng là vị đứng đầu trong số các vị mặc y thô xấu.

5999. Do đó, đức Thế Tôn Padumuttara đã nói với các vị Thịnh văn rằng: “Các người hãy nhìn xem người nam có y phục thô xấu và thân hình gầy ốm này.

6000. [Người này] với khuôn mặt tịnh tín và có sự phỉ lạc, được sở hữu tài sản về đức tin, có lòng dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, không cử động, có nhúm bông Sāla.

6001. Người này phát nguyện vị thế ấy của vị Tỳ-khưu có được đạo binh về sự chân thật và có thiên hướng về hình tướng của vị mặc y thô xấu ấy.”

6002. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã quỳ xuống đê đầu ở đấng Chiến Thắng. Tôi đã thực hiện việc làm tốt đẹp trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng cho đến hết cuộc đời.

⁷ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Mogharājā, số 35, trang 81.

6003. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6004. Do hành động đốt nền đất ở gian nhà nghỉ chân, tôi đã bị thiêu đốt, bị khổ đau về cảm thọ ở địa ngục một ngàn năm.

6005. Do phần dư sót của nghiệp ấy, trong năm trăm kiếp sống, dầu đã được may mắn sanh ra làm người, tôi đã bị đóng dấu từ lúc mới sanh.

6006. Tôi đã bị nhiễm bệnh phong cùi luôn cả năm trăm kiếp sống. Do tác động của nghiệp ấy, tôi đã trải qua khổ đau lớn lao.

6007. Ở vào kiếp Bhadda này, với tâm ý tịnh tín, tôi đã làm hài lòng vị có danh vọng tối cao bằng món thức ăn.

6008. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6009. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly. Khi cha tôi băng hà, tôi đã được kế thừa vương quốc rộng lớn.

6010. Bị bệnh phong cùi chế ngự, tôi không đạt được sự vui sướng và sự an lạc. Vì sự sung sướng về vương quốc là rỗng không, cho nên tôi là Mogharājā.⁸

6011. Sau khi nhìn thấy sự xấu xa của thân thể, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến làm học trò của vị Bà-la-môn cao cả tên Bāvarī.

6012. Cùng với đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gặp đáng Lãnh Đạo nhân loại. Tôi đã hỏi đáng Anh Hùng ấy là vị [có khả năng] khuất phục người đối đáp một câu hỏi khôn khéo.

6013. Thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, luôn cả thế giới chư thiên không biết rõ quan điểm của Ngài, của vị Gotama có danh vọng.

6014. “Bằng cách nào Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân này?” Là người có mục đích, tôi đã đi đến với người có sự thấy biết vượt trội như vậy bằng câu chất vấn.

6015. “Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm. Ngươi hãy suy xét thân này là không. Sau khi dẹp bỏ tà kiến về tự ngã,⁹ như vậy ngươi có thể vượt trội Thần chết.

6016. Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân này là như thế.” Đức Phật, người thầy thuốc chữa tất cả các loại bệnh đã giảng cho tôi như vậy.

6017. Với sự chấm dứt của câu kệ, tôi có râu tóc đã được cạo bỏ, có sự mặc lên tấm vải ca-sa, tôi đã trở thành vị Tỳ-khuru A-la-hán như thế.

6018. Bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã không cư ngụ trong các trú xá thuộc về hội chúng, [nghĩ rằng:] “Chớ để trú xá bị dơ bẩn”, tôi đã bị hành hạ bởi các cơn bệnh về gió.

⁸ Mogharājā nghĩa là “vị vua (*rājā*) rỗng không (*mogha*), *rajja* là vương quốc, vương quyền.”

⁹ Xem phần nói về Tùy ngã kiến, *Paṭisambhidāmagga* I (*Phân tích đạo I*), TTPV, tập 37, trang 266-281.

6019. Sau khi đã đem về từ đồng rác, từ bãi tha ma và từ các đường lộ, từ đó tôi đã làm nên y hai lớp và tôi đã mặc y thô xấu.

6020. Hoan hỷ về đức hạnh ấy của tôi, bậc Thầy Thuộc Vĩ Đại, đáng Hưởng Đạo đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị mặc y thô xấu.

6021. Có sự đoạn tận thiện và ác, đã được dứt bỏ mọi cơn bệnh, tựa như ngọn lửa không còn nhiên liệu, tôi đã Niết-bàn không còn lậu hoặc.

6022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

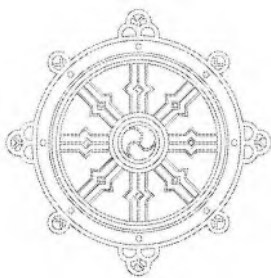
Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mogharāja” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Kaccāna, vị Trưởng lão Vakkali, vị có tên là Mahākappina, vị Dabba, vị có tên là Kumāra, vị Bāhiya, vị Koṭṭhita có năng lực, vị Uruvelakassapa, vị Rādha và bậc trí tuệ Mogharājā. Ở đây có ba trăm và luôn cả sáu mươi hai câu kệ đã được gộp chung lại.

Phẩm Kaccāna là phẩm thứ năm mươi bốn.



LV. PHẨM BHADDIYA (BHADDIYAVAGGO)

541. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA (*Lakuṇṭakabhaddiyattherāpadānaṃ*)

6025. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đáng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6026. Vào lúc bấy giờ, tôi là con trai nhà triệu phú có đại tài sản ở tại Hamsavatī. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

6027. Khi ấy, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đáng Lãnh Đạo ấy đang thuyết giảng giáo pháp. Ngài đã tán dương vị Thịnh văn ưu tú trong số các vị có giọng nói ngọt ngào.

6028. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ân Sĩ. Tôi đã đánh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã phát nguyện vị thế ấy.

6029. Khi ấy, đức Phật, đáng Hương Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: “Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6030. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6031. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bhaddiya.”

6032. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6033. Trước đây chín mươi hai kiếp, bậc Lãnh Đạo Phussa, vị khó tiếp cận, khó chinh phục, đáng Chiến Thắng Tối Thượng của tất cả thế gian đã hiện khởi.

6034. Là vị hội đủ tánh hạnh, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng, là người tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã giải thoát cho nhiều người khỏi sự trôi buột.

6035. Tôi đã là con chim cu cu cườm ở khu rừng Nandārāma. Tôi sống ở cành cây xoài gần hương thất của Ngài.

6036. Khi ấy, sau khi nhìn thấy đáng Chiến Thắng Tối Thượng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường đang đi khát thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã hát lên với tiếng hát ngọt ngào.

6037. Khi ấy, tôi đã đi đến khu vườn của đức vua và đã gấp lấy chùm xoài chín muồi có màu da vàng chói rồi đã dâng đến bậc Toàn Giác.

6038. Khi ấy, biết được tâm của tôi, bậc Đại Bi Mẫn, đáng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo đã nhận lấy bình bát từ tay của vị thị giả.

6039-40. Với tâm hớn hờ, tôi đã dâng cúng chùm xoài đến bậc Đại Hiền Trí. Sau khi đặt vào bình bát, tôi đã chấp hai cánh lại, đồng thời hót lên với tiếng hót ngọt ngào, quyến rũ, êm tai, vui vẻ nhằm mục đích cúng dường đức Phật. Rồi tôi đã bay về tổ và nằm xuống.

6041. Khi ấy, tôi đã có tâm hoan hỷ, có thiên hương yêu mến đức Phật. Có con chim ưng với tâm ý xấu xa đã đi đến và đã giết chết tôi.

6042. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự sung sướng lớn lao ở cõi trời Đâu-suất. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã đi đến nhập vào thai của loài người.

6043. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đáng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đáng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6044. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện, và đã Niết-bàn cùng các vị Thánh văn.

6045. Khi đáng Cao Cả ấy của thế gian đã Niết-bàn, được tịnh tín, nhiều người tạo nên ngôi bảo tháp nhằm mục đích cúng dường đến đức Phật, đến bậc Đạo Sư.

6046. Họ bàn thảo như vậy: “Chúng ta sẽ tạo nên ngôi bảo tháp bảy do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Đại Ân Sĩ.”

6047. Khi ấy, tôi đã là vị thống lãnh quân đội của đức vua của xứ Kāsi [tên] là Kiki. Tôi đã nói đến việc giảm thiểu kích thước ở ngôi bảo tháp.

6048. Khi ấy, do lời nói của tôi, họ đã xây dựng ngôi bảo tháp một do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Anh Hùng của nhân loại.

6049. Do nghiệp ấy đã được thực hiện hoàn tất và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6050. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở tại kinh thành Sāvatthi.

6051. Sau khi nhìn thấy đáng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sùng sốt. Sau khi xuất gia không lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6052. Do hành động tôi đã làm về kích thước của ngôi bảo tháp, tôi đã được sanh ra có thân hình thấp bé, đáng bị khinh thường.

6053. Sau khi cúng dường bậc Ân Sĩ tối thượng với giọng hát ngọt ngào, tôi đã thành tựu bản thể hàng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có giọng nói ngọt ngào.

6054. Do việc dâng cúng trái cây và sự tưởng nhớ đến đức hạnh của đức Phật, tôi được thành tựu quả vị Sa-môn, tôi sống không còn lậu hoặc.

6055. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6056. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6057. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão *Lakuṇṭakabhaddiya*¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão *Lakuṇṭakabhaddiya*” là phần thứ nhất.

542. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀṆKHĀREVATA

(*Kaṅkhārevatattherāpadānaṃ*)

6058. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6059. Ngài có hàm sư tử, có giọng nói của Phạm thiên, có âm điệu của loài chim thiên nga và tiếng trống, có sự bước đi hùng dũng của loài rồng, có ánh sáng vượt trội mặt trăng và mặt trời.

6060. Bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng là có thiên chứng lớn lao, có sức mạnh lớn lao. Bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ là có sự xua đi màn tăm tối lớn lao.

6061. Có lần nọ, đấng Cao Cả của tam giới ấy, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí, vị hiểu biết về thiên hướng của chúng sanh, trong lúc đang huấn luyện cho nhiều người đáng được huấn luyện, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp.

6062. Trong lúc tán dương ở hội chúng về vị anh hùng có thiên chứng, thỏa thích về thiên, an tịnh, không bị chộn rộn, đấng Chiến Thắng đã làm cho dân chúng được hoan hỷ.

6063. Khi ấy, tôi đã là vị Bà-la-môn thông suốt các bộ Vệ-đà ở thành Hamsavatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, được hoan hỷ tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

6064. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: “Này Bà-la-môn, người hãy hoan hỷ, người sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6065. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6066. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Revata.”

¹ *Lakuṇṭakabhaddiya* nghĩa là “vị tên Bhaddiya thấp lùn (*lakuṇṭaka*).”

6067. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6068. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya, được thành tựu gia tộc Sát-đế-ly sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao.

6069. Vào lúc đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở Kapilavatthu, khi ấy, được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6070. Tôi đã có nhiều sự hoài nghi về điều được phép và không được phép, ở việc này việc nọ. Sau khi thuyết giảng về giáo pháp tối thượng, đức Phật đã hướng dẫn tất cả các điều ấy.

6071. Do đó, tôi đã vượt qua luân hồi và tôi sống luôn luôn được thỏa thích trong sự an lạc của thiên. Khi ấy, đức Phật, sau khi nhìn thấy tôi, Ngài đã nói điều này:

6072. “Bất cứ điều hoài nghi nào ở nơi đây hoặc ở cõi khác, do sự hiểu biết của chính mình hoặc do sự hiểu biết của người khác, những vị nào có thiên chứng, có sự tinh cần, đang thực hành Phạm hạnh, dứt bỏ tất cả những hoài nghi ấy.”

6073. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

6074. Do đó, sau khi nhìn thấy tôi được thỏa thích trong thiên, đức Phật, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, bậc Hiền Trí, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có thiên chứng.

6075. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6076. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6077. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṅkhārevata² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kaṅkhārevata” là phần thứ nhì.

543. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALĪ (*Sīvalittherāpadānam*)

6078. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6079. Giới của vị ấy là không thể đo lường, định được sánh với kim cương, trí tuệ cao quý là không thể ước lượng, và sự giải thoát là không có tương đương.

² Kaṅkhārevata nghĩa là “vị Revata có sự hoài nghi (*kaṅkhā*).”

6080. Ở cuộc hội họp của loài người, chư thiên, các loài rồng và các đấng Phạm thiên, được đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bậc Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp.

6081. Được tự tin ở nơi các hội chúng, Ngài đã thiết lập vị Thinh văn có lợi lộc nhiều, có phước báu rạng ngời vào vị thế tối thắng.

6082. Khi ấy, tôi đã là vị Sát-đế-ly ở thành phố tên là Hamsā. Tôi đã nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng [nói] về nhiều đức hạnh của vị Thinh văn.

6083. Tôi đã thỉnh mời và đã cung cấp vật thực đến Ngài cùng với các vị Thinh văn trong bảy ngày. Sau khi cúng dường cuộc đại thí, tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

6084. Khi ấy, sau khi nhìn thấy tôi khom mình ở bàn chân, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng với âm điệu dịu dàng đã nói lời nói này.

6085. Do đó, có ước muốn được nghe lời nói của đấng Chiến Thắng, đám đông người gồm có chư thiên, a-tu-la, càn-thát-bà và các đấng Phạm thiên có đại thần lực.

6086. Luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đã chấp tay lên lễ bái rằng: “Bạch đấng Siêu Nhân, xin kính lễ Ngài. Bạch đấng Tối Thượng Nhân, xin kính lễ Ngài.

6087. Bạch đấng Đại Hiền Trí, cuộc đại thí đã được vị Sát-đế-ly dâng cúng đến Ngài trọn bảy ngày, xin Ngài hãy chú nguyện quả báo cho vị ấy, [chúng tôi] có ước muốn được nghe.”

6088-89. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Các người hãy lắng nghe lời nói của Ta. Sự cúng dường đã khéo được thiết lập ở đức Phật vô lượng, ở hội chúng, ai là người thông báo rằng chính việc cúng dường ấy là có quả báo vô lượng? Và luôn cả người có của cải dồi dào này cũng phát nguyện vị thế tối thượng rằng:

6090. ‘Giống như vị Tỳ-khưu Sudassana là có lợi lộc trong số các vị có lợi lộc dồi dào, mong rằng ta cũng có thể được tương tợ y như thế’, [người này] sẽ đạt được điều ấy trong ngày vị lai.

6091. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6092. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sīvali.”

6093. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6094. Trước đây chín mươi một kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

6095. Lúc bấy giờ, tôi đã bị bận rộn với việc buôn bán, là người được cảm tình và còn được mong mỏi nữa của một gia đình nọ ở tại thành Bandhumatī.

6096. Khi ấy, có hội đoàn nọ đã thực hiện bữa ăn lớn lao vô cùng nổi tiếng đến bậc Đại Ân Sĩ Vipassī.

6097. Và khi cuộc đại thí được hoàn tất, họ đã dâng cúng món bánh tồng hợp. Trong lúc tìm kiếm, người ta vẫn không nhìn thấy sữa đông tươi và luôn cả mật ong nữa.

6098. Khi ấy, tôi đã cầm lấy sữa đông tươi ấy luôn cả mật ong rồi đã đi đến nhà của người chủ công việc. Trong lúc tìm kiếm vật ấy, họ đã nhìn thấy tôi.

6099. Dầu họ đã xuất ra đến một ngàn nhưng vẫn không nhận được hai món ấy. Do đó, tôi đã suy nghĩ như vậy: “Việc này sẽ không là chuyện nhỏ.

6100. Giống như tất cả những người này tôn trọng đức Như Lai, thì ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính ở nơi đáng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.”

6101. Khi ấy, sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã nghiền nát sữa đông và mật ong chung lại rồi đã dâng cúng đến đáng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

6102. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6103. Lần khác nữa, tôi đã trở thành vị vua có danh vọng lớn lao ở thành Bārāṇasī. Khi ấy, bị bức mình đối với quân thù, tôi đã cho thực hiện sự ngăn chặn ở cổng thành.

6104. Khi ấy, mọi người cùng với các quân lính đã bị ngăn cản và đã bị canh giữ bảy ngày. Sau đó, do kết quả của việc ấy, tôi đã thường xuyên bị rơi vào địa ngục.

6105. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya. Và mẹ của tôi là Suppavāsā, cha là Mahāli người xứ Licchavī.

6106. Do nghiệp phước thiện khi là vị Sát-đế-ly và do tác động của việc ngăn chặn cổng thành, tôi đã sống bảy năm trong bụng mẹ, chịu khổ đau.

6107. Trong bảy ngày, tôi đã bị mê man ở cửa [sanh ra], gánh chịu sự khổ đau lớn lao. Mẹ của tôi đã bị vô cùng đón đau như thế do việc bày tỏ sự đồng tình [về quyết định ngăn chặn cửa thành trong bảy ngày].

6108. Được đức Phật thương tưởng, tôi đã được sanh ra an toàn. Ngay vào ngày được hạ sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6109. Thầy tế độ của tôi là vị Sāriputta và vị Moggallāna có đại thần lực. Trong khi đang xuống tóc, bậc Đại trí đã chỉ dạy cho tôi.

6110. Khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Chư thiên, các loài rồng và nhân loại đem lại cho tôi các vật dụng.

6111. Việc tôi đã hoan hỷ cúng dường đến đáng Bảo Hộ Padumuttara và đáng Hướng Đạo Vipassī với các vật dụng một cách đặc biệt.

6112. Do đó, với tính chất đặc biệt của các nghiệp ấy, tôi đạt được lợi lộc dồi dào và thượng hạng ở mọi nơi, ở rừng rú, ở làng mạc, ở sông nước, ở đất liền.

6113. Vào lúc đấng Hướng Đạo ra đi nhằm mục đích thăm viếng vị Revata, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ra đi cùng với ba mươi ngàn vị Tỳ-khuru.

6114. Khi ấy, bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng đã có các vật dụng được chư thiên đem lại vì sự lợi ích cho tôi.

6115. Được tôi phục vụ, đức Phật đã đi đến và thăm viếng Revata. Sau đó, Ngài đã đi đến Jetavana và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

6116. Bậc Đạo Sư, nguồn lợi ích của tất cả thế gian, đã tán dương tôi ở các hội chúng rằng: “Này các Tỳ-khuru, trong các đệ tử của Ta, Sivalī là vị đứng đầu trong số các vị có được lợi lộc.”

6117. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6118. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6119. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīvalī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīvalī” là phần thứ ba.

544. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṄĠĪSA (*Vaṅgīsattherāpadānaṃ*)

6120. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6121. Cũng giống như sóng ở biển cả, tựa như các vì sao ở bầu trời, tương tự như thế, lời giảng dạy của Ngài được tô điểm bằng các vị A-la-hán.

6122. Ngài đứng đầu chư thiên, các hàng a-tu-la, các loài rồng và nhân loại. Ngài là bậc tối thượng ở giữa dân chúng có đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn.

6123. Đấng Chiến Thắng, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, đang chiếu sáng thế gian bằng các tia sáng. Ngài đang đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ngôn từ.

6124. Bậc Tối Thượng Nhân được hội đủ bốn pháp tự tín, có sự sợ hãi và quyến luyến đã được dứt bỏ, đã đạt đến sự bình an, có lòng tự tín.

6125. Đấng Cao Cả Của Thế Gian chứng tỏ vị thế hùng tráng cao quý và toàn bộ nền tảng của bậc đã được giác ngộ, không có tự trách cứ về bất cứ điều gì.

6126. Trong khi Ngài là bậc như thế ấy đang rống lên tiếng rống không chút hãi sợ của loài sư tử, không có người nào phản bác lại, dầu là thiên nhân, hoặc loài người, hay là đấng Phạm thiên.

6127. Trong khi thuyết giảng giáo pháp cao quý, trong khi giúp cho [nhân loại],

luôn cả chư thiên vượt qua, bậc tự tín ở nơi các hội chúng [đã] chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

6128. Sau khi tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có tài biện giải được công nhận là tốt lành về nhiều đức hạnh, Ngài đã thiết lập vị ấy vào vị thế tối thắng.

6129. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở thành Hamsavatī, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, là người hiểu biết về tất cả các bộ Vệ-đà, là vị chúa tể của việc tranh cãi, là bậc có sự tiêu diệt người đối đáp.

6130. Tôi đã đi đến gặp đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe về sự thuyết giảng giáo pháp ấy. Được thỏa thích với đức hạnh của vị Thinh văn, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc cao quý.

6131. Tôi đã thỉnh mời đấng Thiện Thệ là niềm vui thích của thế gian cùng với hội chúng. Sau khi cung cấp vật thực trong bảy ngày, khi ấy tôi đã khoác lên [các vị] với những tấm vải.

6132. Tôi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [Ngài]. Được sự cho phép, tôi đã chấp tay lại, đứng ở một bên, mừng rỡ, tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng Tối Thượng rằng:

6133. “Bạch đấng tranh luận [dũng mãnh] tợ loài beo, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Cao Cả của tất cả thế gian, con kính lễ Ngài! Bạch đấng làm cho không còn hãi sợ, con kính lễ Ngài!

6134. Bạch đấng khuấy động Ma vương, con kính lễ Ngài! Bạch đấng có sự tiêu diệt tà kiến, con kính lễ Ngài! Bạch đấng ban cho sự thanh tịnh và an lạc, con kính lễ Ngài! Bạch đấng tạo sự nương nhờ, con kính lễ Ngài!

6135. Ngài đang là đấng Bảo Hộ cho những ai không người bảo hộ, là người ban phát sự không sợ hãi cho những ai bị hãi sợ, là vùng đất nghỉ ngơi của chúng sanh, là nơi nương nhờ cho những ai tìm cầu sự nương tựa.”

6136. Sau khi ngợi ca đấng Toàn Giác có đức hạnh lớn lao như thế, v.v... Tôi đã nói rằng: “Con sẽ đạt đến số phận của vị Tỳ-khưu tranh luận dũng cảm.”

6137-38. Khi ấy, đức Thế Tôn, bậc có tài biện giải không giới hạn đã nói rằng: “Được tịnh tín, người này đã tự tay mình chăm lo bữa ăn đến đức Phật cùng với [các] Thinh văn trong bảy ngày và đã ngợi ca đức hạnh của Ta. Người này ước nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu là người tranh luận dũng cảm.

6139. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy sau khi đã thọ hưởng sự thành tựu ở cõi trời và cõi người không phải là ít.

6140. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6141. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vaṅgīsa.”

6142. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đáng Chiến Thắng, đức Như Lai bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

6143. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất.

6144. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được tái sinh vào gia đình du sĩ ngoại đạo. Và đến lúc tôi đã được bảy tuổi tính từ lúc sanh.

6145. Tôi đã trở thành người hiểu biết tất cả các bộ Vệ-đà, được tự tin trong nghệ thuật về tranh luận, là vị chúa tể của các nhà tranh luận, có sự thuyết giảng hay, đánh bại các nhà tranh luận khác.

6146. Vaṅgīsa nghĩa là “Được sanh ra ở xứ Vaṅga” hoặc là “Vị chúa tể về lời nói.” Được đồng tình bởi thế gian, tên của tôi đã là Vaṅgīsa.

6147. Vào lúc tôi đạt đến sự hiểu biết, tôi đã đứng đầu trong lớp trẻ. Khi ấy tôi đã nhìn thấy vị Sāriputta ở thành Rājagaha đáng yêu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi lăm).

6148. Trong lúc đi đó đây để khát thực, vị ấy tay ôm bình bát, khéo thu thúc, mắt không lảo liên, có lời nói cân nhắc, có tầm nhìn xuống một cán cày.

6149. Sau khi nhìn thấy vị ấy, tôi đã trở nên sửng sốt và đã tức thời nói lên câu kệ văn vẻ, thuận theo tâm ý được sáng tác tại chỗ.

6150. Vị ấy đã nói với tôi về đáng Đạo Sư, bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Của Thế Gian. Khi ấy, bậc anh hùng ấy đã nói cho tôi câu trả lời.

6151. Vị ấy đã nói về lời giảng dạy có sự xa lìa tham ái, khó hiểu thấu, cao thượng. Với các sự hiểu biết rõ ràng, tôi đã trở nên hoan hỷ với vị như thế ấy. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [vị Sāriputta] và đã nói rằng: “Xin Ngài hãy cho tôi xuất gia.”

6152. Do đó, bậc Đại Trí tuệ ấy đã đưa tôi đến gặp đức Phật tối thượng. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài], rồi đã ngồi xuống gần bên bậc Đạo Sư.

6153. Bậc Tối Thượng trong số những người tranh luận đã nói với tôi rằng: “Này Vaṅgīsa, người biết được điều gì, có tài nghệ gì?” Và tôi đã nói với Ngài rằng: “Con có biết.”

6154. “Với tài nghệ đặc biệt của người, nếu người có khả năng thì hãy cho biết về cái sọ người đã chết bị quăng bỏ ở trong rừng cũng đã mười hai năm.”

6155. “Xin vâng.” Khi tôi đồng ý, Ngài đã chỉ cho thấy ba cái sọ người. Tôi đã cho biết rằng đã đạt đến địa ngục, loài người và cõi trời.

6156. Khi ấy, đáng Lãnh Đạo đã chỉ cho thấy cái sọ của đức Phật Độc Giác. Do đó, tôi đã bị thất bại và tôi đã cầu xin sự xuất gia.

6157. Sau khi xuất gia, tôi ngợi ca đức Thiện Thệ ở nơi này nơi khác. Do đó, các vị Tỳ-khưu ở đây than phiền về tôi là “Nhà sáng tác thơ ca.”

6158. Do đó, nhằm mục đích tìm hiểu, đức Phật, bậc Hướng Đạo đã nói với tôi rằng: “Những câu kệ này đã được suy nghĩ [trước đây] hay là [vừa mới] nảy sinh theo sự việc?”

6159. “Bạch đấng Đại Hùng, con không phải là nhà sáng tác thơ ca, chúng [vừa mới] nảy sinh theo sự việc.” “Này Vaṅgīsa, như thế thì người hãy ngợi ca về Ta theo sự việc.”

6160. Khi ấy, tôi đã ngợi ca đấng Anh Hùng, bậc Ân Sĩ tối thượng với những câu kệ theo sự việc. Khi ấy, được hoan hỷ về tôi, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế đứng đầu.

6161. Do tâm sáng láng, tôi đã vượt trội các vị tốt lành khác. Do điều ấy, tôi đã bị tác động, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6162. “Không tìm thấy bất cứ vị nào khác là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải như là vị Tỳ-khưu Vaṅgīsa này. Này các Tỳ-khưu, các người hãy ghi nhận như thế.”

6163. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

6164. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6165. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6166. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṅgīsa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vaṅgīsa” là phần thứ tư.

545. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānaṃ*)

6167. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6168. Đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã ngự đến [thế gian], có cả chư thiên vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh.

6169. Đấng Chiến Thắng đạt được danh vọng cao cả, có sự vinh quang, được mang lại sự ca ngợi về tiếng thơm, được cúng dường, được nổi tiếng ở khắp mọi phương của toàn thể thế gian.

6170. Ngài đã vượt lên trên sự nghi hoặc, đã vượt qua hẳn sự lưỡng lự, đã được tròn đủ về tâm ý và sự suy tư, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

6171. Bạc Vĩ Nhân là người đã làm sanh lên con đường chưa được hiện khởi, đã công bố điều chưa được công bố và đã biết điều chưa được biết.

6172. Là người biết về đạo lộ, hiểu rõ về đạo lộ, bậc Nhân Nguru ấy đã nói về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, bậc Đạo Sư là đáng cao quý tối thượng trong số những người điều khiển xe.

6173. Khi ấy, đáng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội.

6174. Trong lúc tán dương vị Thịnh văn được công nhận là đứng đầu trong việc giáo giới các Tỳ-khuru-ni, bậc Đại Hiền Trí đã tuyên bố về vị thế tối thắng.

6175. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với hội chúng, và sau khi đã chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế tối thượng ấy.

6176. Khi ấy, được hoan hỷ, đáng Bảo Hộ, bậc Đại Ân Sĩ đã nói với tôi rằng: “Mong rằng người được an lạc và trường thọ, người sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6177. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6178. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandaka.”

6179. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6180. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvattthi.

6181. Sau khi nhìn thấy đáng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sùng sốt. Vào lúc tiếp nhận tu viện Jeta, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6182. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau đó, có sự luân hồi đã được vượt qua, tôi đã được chỉ dạy bởi đáng Toàn Tri.

6183-84. Theo sự yêu cầu, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho các Tỳ-khuru-ni. Được chỉ dạy bởi tôi, tất cả năm trăm vị Ni ấy không thiếu người nào đã trở thành các bậc Vô lậu. Khi ấy, được hoan hỷ, bậc có sự lợi ích lớn lao đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị giáo giới các Tỳ-khuru-ni.

6185. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

6186. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6187. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6188. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nandaka” là phần thứ năm.

546. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYI (*Kāḷudāyittherāpadānaṃ*)

6189. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đáng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6190. Bậc Đạo Sư là đáng cao quý trong số các đáng Lãnh Đạo, là bậc hiểu biết về thiện hạnh và ác hạnh, là đáng Chiến Thắng, là bậc ghi nhớ ân nghĩa, là bậc biết được hậu quả, Ngài giúp cho các sanh mạng gắn bó vào niềm tin.

6191. Có thiên hướng về lòng trắc ẩn, Ngài phân định bằng trí tuệ biết được tất cả. Có sự tích lũy về đức độ vô biên, Ngài thuyết giảng về giáo pháp cao quý.

6192. Có lần nọ, bậc Đại Anh Hùng ấy thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật ở cuộc hội họp gồm dân chúng vô số kẻ.

6193. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý có sự tốt đẹp ở phần đầu phân giữa và phần cuối ấy, đã có sự lãnh hội giáo pháp của hàng trăm ngàn sanh mạng.

6194. Khi ấy, trái đất đã gây ra tiếng động và các đám mây mưa đã gào thét. Chư thiên, Phạm thiên, nhân loại và các a-tu-la đã thể hiện hành động tán thán:

6195. “Ôi, đáng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư! Ôi, sự thuyết giảng giáo pháp! Ôi, đáng Chiến Thắng đã tiếp độ những kẻ bị chìm đắm trong đại dương của hiện hữu!”

6196. Trong khi nhân loại, chư thiên và Phạm thiên sanh lên nỗi niềm bày tỏ như thế, đáng Chiến Thắng đã tán dương vị Thịnh văn đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình.

6197. Khi ấy, được sanh ra trong gia đình vị quan cận thân ở tại Hamsavatī, tôi đã là người đáng mến, đáng nhìn, có dồi dào về tài sản và lúa gạo.

6198. Tôi đã đi đến tu viện Hamsa và đã đánh lễ đức Như Lai ấy. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào và đã thể hiện hành động tôn kính đến vị như thế ấy.

6199. Tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã nói lời nói này: “Bạch đáng Hiền Trí, vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình đã được Ngài ngợi khen.

6200. Bạch đáng Anh Hùng, con sẽ là vị như thế ấy trong giáo pháp của đức Phật tối thượng.” Khi ấy, đáng Đại Bi đang rưới lên tôi bằng [dòng nước] bất tử.

6201. Ngài đã nói với tôi rằng: “Này con trai, hãy đứng dậy, người sẽ đạt

được điều ước nguyện ấy. Sao lại không có kết quả sau khi đã thể hiện hành động tôn kính đến đáng Chiến Thắng?

6202. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6203. [Người này] sẽ trở thành Thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Udāyi.”

6204. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đáng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

6205. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6206. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình vị quan đại thần của vị lãnh chúa Suddhodana ở tại thành Kapilavatthu đáng yêu.

6207. Vào lúc đáng Nhân Ngưu Siddhattha đã được sanh ra ở tại khu rừng Lumbinī đáng yêu vì lợi ích và vì sự an lạc của tất cả thế gian.

6208. Tôi đã được sanh ra đúng vào ngày hôm ấy. Cùng với Ngài ấy, tôi đã lớn lên, trở thành người bạn yêu dấu, được cảm tình, có học thức, rành rẽ về lẽ lối.

6209. Đến khi hai mươi chín tuổi, trong lúc ra đi, Ngài đã xuất gia. Sau khi trải qua sáu năm, Ngài đã trở thành đức Phật, đáng Hướng Đạo.

6210. Sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh, sau khi đã làm cho các lậu hoặc bị quăng bỏ, sau khi đã vượt qua đại dương của hiện hữu, Ngài đã trở thành đức Phật [ở thế gian], luôn cả chư thiên.

6211. Ngài đã đi đến nơi có tên là Isi [Patana] và đã hướng dẫn nhóm năm vị. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến nơi này, đã đi đến nơi khác và đã hướng dẫn.

6212. Khi ấy, trong lúc đang huấn luyện những người đáng được huấn luyện, trong lúc tiếp cận [thế gian] cùng với chư thiên, đáng Chiến Thắng ấy đã đi đến ngọn núi Māgadha và đã cư ngụ ở tại nơi ấy.

6213. Khi ấy, được phái đi bởi vị lãnh chúa Suddhodana, tôi đã đi đến, đã gặp đáng Thập Lực, đã xuất gia và đã trở thành vị A-la-hán.

6214. Khi ấy, tôi đã cầu xin bậc Đại Ân Sĩ và đã thuyết phục Ngài đi đến Kapila. Sau đó, tôi đã trở lại thành phố và đã tạo được niềm tịnh tín cho đại gia tộc.

6215. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đáng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ấy ở hội chúng đông đảo đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình.

6216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāḷudāyī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kāḷudāyī” là phần thứ sáu.

547. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA (*Abhayattherāpadānam*)

6219. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đáng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhân về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6220. Đức Như Lai giúp cho người an trú vào việc đi đến nương nhờ, giúp cho người an trú vào giới, vào mười đường lối tối thượng về [thiện] nghiệp.

6221. Đáng Đại Hùng ấy ban cho người quả vị Sa-môn tối thượng. Tương tự y như thế, Ngài ban phát tám sự thể nhập [thiền] và ba minh.

6222. Bậc Tối Thượng Nhân giúp cho chúng sanh gắn bó vào sáu thắng trí. Bậc Bảo Hộ ấy ban cho người bốn pháp phân tích.

6223. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, dầu [ở xa] vô số do-tuần, đáng Điều Phục Nhân trong phút chốc vẫn đi đến gặp và hướng dẫn.

6224. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai của vị Bà-la-môn ở thành Hamsavatī, là người thông suốt tất cả các bộ Vệ-đà, được công nhận về [khả năng] giảng giải.

6225. Được thiện xảo về ngôn từ và tự tin về từ đồng nghĩa, là người rõ về cú pháp, hiểu biết về nghi lễ, rành rẽ về việc kết hợp âm điệu thi ca.

6226. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện Hamsa. Tôi đã nhìn thấy bậc hàng đầu trong số các vị đang thuyết giảng, được đám đông dân chúng ái mộ.

6227. Trong khi Ngài đang thuyết giảng giáo pháp không bị ô nhiễm, [dầu] có sự hiểu biết trái nghịch, tôi đã đi đến và đã lắng nghe những lời nói không bị bợn nhơ của Ngài.

6228. Tôi đã không nhìn thấy lời đã được nói ra của bậc Hiền Trí ấy là bị lặp lại, lạc đề, hoặc không có ý nghĩa; do đó tôi đã xuất gia.

6229. Trong thời gian không bao lâu, được tự tin về tất cả các học thuật, tôi đã được công nhận bởi tập thể là vị thông thạo về lời dạy của đức Phật.

6230. Khi ấy, tôi đã sáng tác bốn câu kệ có sự diễn tả khéo léo. Tôi đã ngợi ca bậc Cao Cả của tam giới và tôi đã diễn giảng ngày này qua ngày khác:

6231. “Bậc đáng Đại Hùng, Ngài không bị ái luyến trong khi sống trong luân hồi [đầy] sự kinh hãi. Vì lòng bi mẫn, Ngài đã không Niết-bàn; do đó, bậc Hiền Trí là đáng Bi Mẫn.

6232. Người nào dầu còn là phạm nhân mà đã không bị sự chi phối của phiền não, có sự nhận biết mình, được gắn liền với niệm; do đó, người này là không thể nghĩ bàn.

6233. Đối với người nào các phiền não ở trạng thái ngủ ngầm đã trở nên yếu ớt, đã bị thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ mà không bị cạn kiệt, điều ấy là kỳ diệu.

6234. Vị nào là thầy của tất cả thế gian và thế gian tôn kính như thế đối với vị nào, cũng tương tự như vậy, vị nào là thầy dạy của thế gian, thế gian là xu hướng theo vị ấy.”

6235. Trong khi tán dương đáng Toàn Giác như thế, v.v... Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp đến hết cuộc đời, từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời.

6236. Kể từ khi tôi đã tán dương đức Phật cho đến một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

6237. Ở thế giới chư thiên, tôi đã cai quản vương quốc rộng lớn và vùng địa phận. Là đáng Chuyển Luân Vương, tôi đã thường xuyên thọ hưởng vương quốc rộng lớn.

6238. Tôi [đã] được sanh ra ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc tán dương.

6239. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc tán dương.

6240. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi là con trai của đức Vua Bimbisāra ở tại kinh thành Giribbajja và có tên là Abhaya.

6241. Sau khi rơi vào sự ảnh hưởng của bạn xấu, tôi đã bị mê muội vì ngoại đạo. Được phái đi bởi [Giáo chủ] Nātaputta, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng.

6242. Tôi đã hỏi câu hỏi khôn khéo và đã lắng nghe lời giảng giải xuất chúng. Tôi đã xuất gia, chẳng bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6243. Sau khi tán dương đáng Chiến Thắng Cao Quý, tôi được ca ngợi vào mọi lúc. Với thân hình và khuôn mặt có hương thơm ngát, tôi đã đạt được sự an lạc.

6244. Tôi có được tuệ sắc bén, tuệ vi tiểu, tuệ nhẹ nhàng và tuệ vĩ đại. Tương tự y như thế,³ và tôi có tài biện giải đa dạng, nhờ vào tác động của nghiệp ấy.

6245. Với tâm tịnh tín, sau khi ngợi ca danh xưng [của đức Phật] Padumuttara, đáng Tự Chủ, không người sánh bằng, tôi [đã] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp nhờ vào quả báo của nghiệp ấy.

6246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

³ Xem phần nói về Giảng về tuệ, *Paṭisambhidāmagga* II (*Phân tích đạo* II), *TTPV*, tập 38, trang 187-191.

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abhaya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Abhaya” là phần thứ bảy.

548. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAṄGIYA

(Lomasakaṅgiyattherāpadānaṃ)

6249. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đáng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đáng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6250. Lúc bấy giờ, tôi và luôn cả Candana đã xuất gia trong giáo pháp và đã làm tròn đầy bốn phận trong giáo pháp cho đến phút cuối của cuộc đời.

6251-52. Từ nơi ấy chết đi, cả hai chúng tôi đã đạt đến cõi trời Đâu-suất. Tại nơi ấy, chúng tôi đã vượt trội những vị còn lại về mười chi phần là sắc, v.v... về các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc. Chúng tôi đã sống cho đến hết tuổi thọ và đã trải qua sự an lạc lớn lao.

6253. Sau khi mệnh chung từ nơi ấy, Candana đã đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã trở thành người con trai dòng Sakya ở thành Kapilavatthu.

6254. Vào lúc được thỉnh cầu bởi Trưởng lão Udāyi, vì lòng thương tưởng đối với các vị dòng Sakya, đáng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến thành Kapila.

6255. Khi ấy, các vị dòng Sakya vô cùng tự cao, không biết về hạnh lành của đức Phật, chấp nhất về sanh chủng, không tôn trọng, nên không cúi chào đáng Toàn Giác.

6256. Biết được ý định của họ, đáng Chiến Thắng đã đi kinh hành ở trên không trung, đã đổ mưa xuống tương tợ Thần mưa, đã phát cháy như là ngọn lửa.

6257. Ngài đã làm cho nhìn thấy sắc thân vô song rồi lại biến mất, chỉ là một biến thành nhiều, rồi đã biến thành mỗi một mình trở lại.

6258. Ngài đã thị hiện bóng tối và ánh sáng theo nhiều cách. Sau khi đã tạo ra điều kỳ diệu, bậc Hiền Trí đã hướng dẫn các quyến thuộc.

6259. Liên khi ấy, có đám mây lớn khắp bốn châu lục đã đổ mưa. Chính vào khi ấy, đức Phật đã thuyết giảng chuyện *Bốn sanh* “Vessantara.”

6260. Khi ấy, tất cả các vị Sát-đế-ly ấy đã tiêu diệt sự tự hào khởi lên do sanh chủng. Họ đã đi đến nương nhờ đức Phật. Khi ấy, [đức Vua] Suddhodana đã nói rằng:

6261. “Bạch đấng có tuệ bao la, bạch đấng Toàn Nhãn, đây là lần thứ ba cha đánh lễ các bàn chân của Ngài, vào lúc đản sanh Ngài đã làm rung động trái đất, và vào lúc bóng cây Jambu đã không rời bỏ Ngài.”

6262. Khi ấy, sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, với tâm ý sùng sốt, tôi đã xuất gia ở ngay tại nơi ấy và đã sống là người phụng dưỡng mẹ.

6263. Khi ấy, vị Thiên tử Candana đã đi đến gặp tôi và đã hỏi về cách thức tóm tắt và giải rộng của bài *Kinh Bhaddekaratta*.⁴

6264. Khi ấy, bị thúc đẩy bởi vị ấy, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo loài người. Sau khi lắng nghe bài *Kinh Bhaddekaratta*, tôi đã chấn động và đã trở thành người nhiệt tình với khu rừng.

6265. Khi ấy, tôi đã hỏi mẹ về việc tôi sẽ sống mỗi một mình ở trong rừng. Mẹ của tôi đã ngăn cản rằng: “Con là mảnh mai.” Khi ấy, tôi đã nói với mẹ rằng:

6266. “Bằng ngực, con sẽ đẩy lùi cỏ dabba, cỏ kusa, cỏ poṭakila, cỏ usīra, cỏ muñja và cỏ babbaja trong khi thực hành hạnh độc cư.”⁵

6267. Khi ấy, tôi đã đi vào trong rừng. Tôi đã nhớ lại lời dạy của đấng Chiến Thắng, về sự giáo giới bài *Kinh Bhaddekaratta* và tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6268. Hiển nhiên, người ta có thể tưởng nhớ quá khứ nhưng không thể mong mỏi tương lai, vì việc quá khứ ấy đã được từ bỏ và việc tương lai là chưa đến.

6269. Và người nào nhìn thấy rõ pháp hiện tại ở nơi này, ở nơi kia, sau khi biết được điều ấy là không dời đổi, không lay chuyển, người ấy có thể tiến bộ.

6270. Người nào đang nhiệt tâm với phạm sự trong chính ngày hôm nay, có thể biết được Tử thần vào ngày mai. Nếu không, [sẽ] không có sự chạm trán với Tử thần cùng với đạo quân binh đông đảo.

6271. Quả vậy, bậc Hiền Trí nói về vị đang sống có sự nhiệt tâm như thế, đêm ngày không biếng nhác, là vị được an tịnh, là “Người hiền một đêm.”

6272. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6273. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6274. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lomasakaṅgiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Lomasakaṅgiya” là phần thứ tám.

⁴ M. III. 187, *Kinh Nhất dạ Hiền giả (Bhaddekarattasuttaṃ)*, số 131.

⁵ Câu kệ này được thấy trong *Thag.* v. 27.

549. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA**(*Vanavacchattherāpadānam*)**

6275. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đáng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6276. Lúc bảy giờ, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy. Tôi đã thực hành Phạm hạnh đến hết cuộc đời và đã chết đi từ nơi ấy.

6277. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyên lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6278. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã trở thành con chim bồ câu ở trong khu rừng. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu đầy đủ đức hạnh cư ngụ, luôn luôn thỏa thích với thiên.

6279. Vị anh hùng vĩ đại luôn luôn có tâm từ ái, có lòng bi mẫn, có vẻ mặt hoan hỷ, là vị có hành xả, rảnh rỗi về các tâm vô lượng.

6280. [Vị ấy] có sự suy tầm không bị chướng ngại, có thiên hướng về sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Không bao lâu sau, tôi đã có được niềm tin ở vị Thịnh văn ấy của đấng Thiện Thệ.

6281. Khi ấy, tôi đây đã đi đến ở cạnh bàn chân của vị ấy đang ngồi. Có lần nọ, vị ấy cho thức ăn, và có một lần thuyết giảng giáo pháp.

6282. Khi ấy, tôi đã phục vụ người con trai của đấng Chiến Thắng với lòng yêu thương bao la. Từ nơi đó chết đi, tôi đã đi đến cõi trời như là đã đi về nhà của chính mình sau cuộc hành trình ở xứ lạ.

6283. Mệnh chung từ cõi trời, tôi đã hạ sanh vào loài người nhờ vào nghiệp phước thiện. Tôi đã từ bỏ gia đình và đã xuất gia một cách mau chóng.

6284. Tương tự y như thế, sau khi trở thành vị Sa-môn, đạo sĩ khổ hạnh, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo, tôi đã sống ở trong rừng hàng trăm [kiếp sống].

6285. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, ở thành Kapilavatthu đáng yêu có người Bà-la-môn Vacchagotta. Tôi đã nhập thai ở người vợ của ông ta.

6286. Khi tôi đã nhập thai, mẹ của tôi [là sản phụ] đã có niềm khao khát và đã có quyết định về việc cư ngụ ở rừng vào lúc gần được lâm bồn.

6287. Do đó, mẹ đã sanh ra tôi ở bên trong khu rừng đáng yêu. Khi tôi đang ra khỏi bào thai, mọi người đã đỡ lấy tôi bằng tấm y ca-sa.

6288. Sau đó, Vương tử Siddhattha, biểu tượng của gia tộc Sakya đã được sanh ra. Tôi đã trở thành người bạn yêu quý của vị ấy, được tin tưởng, vô cùng tự hào.

6289. Khi con người ưu tú của chúng sanh đang ra đi sau khi đã từ bỏ danh vọng vĩ đại, tôi cũng đã xuất gia và đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

6290. Tôi đã nhìn thấy vị [Mahā] Kassapa là người thuyết giảng về pháp

giữ bỏ, có sự cư ngụ ở rừng, vị đáng được tôn kính. Tôi đã được nghe về sự hiện khởi của đấng Chiến Thắng và tôi đã đi đến gặp đấng Điều Phục Nhân.

6291. Trong lúc giảng giải về mọi ý nghĩa, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi. Sau đó, tôi đã xuất gia và cũng đã quay về lại khu rừng.

6292. Tại nơi ấy, trong khi sống không xao lãng, tôi đã chạm đến sáu thắng trí. Ôi, điều lợi ích đã được đạt thành tốt đẹp cho tôi, tôi đã được người bạn tốt thương tưởng!

6293. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6294. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6295. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanavaccha⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vanavaccha” là phần thứ chín.

550. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CŪLASUGANDHA

(Cūlasugandhattherāpadānam)

6296. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6297. Ngài đầy đủ các tướng phụ, có ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quang ánh sáng, được bao trùm bởi mạng lưới hào quang.

6298. Là người làm cho thoải mái tương tợ mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] như là cơn mưa, là kho chứa của đức hạnh ví như biển cả.

6299. Với giới như là trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ tợ như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió.

6300. Vào lúc bấy giờ, tôi được sanh ra tại thành Bārāṇasī trong đại gia tộc có tài sản và lúa gạo dồi dào, có sự tích lũy nhiều loại châu báu khác nhau.

6301. Vào lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi cùng đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe giáo pháp tợ như cao lương mỹ vị có sự thu hút tâm ý.

6302. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, như là mặt trăng có chòm tinh tú, được đầy đủ các tướng phụ tợ như cây sālā chúa đã được trở hoa.

⁶ Vanavaccha nghĩa là “vị có sự cư ngụ (vaccha) ở rừng (vana).”

6303. Ngài phát ra xung quanh mạng lưới hào quang tựa như ngọn núi vàng cháy rực, được bao quanh bởi quang ảnh sáng tựa như mặt trời có các tia sáng.

6304. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có khuôn mặt vàng chói tựa như tảng đá có viên ngọc ma-ni, có trái tim tràn đầy lòng bi mẫn cùng với đức hạnh như là biển cả.

6305. Và đấng Anh Hùng, bậc Hiền Trí có danh tiếng lẫy lừng ở thế gian tựa như ngọn núi tối thượng Sineru, đã được lan rộng với sự vinh quang tương tựa bầu trời.

6306. Đấng Lãnh Đạo có tâm không bị ràng buộc với tất cả các nơi như là làn gió. Bậc Hiền Trí thứ bảy là sự nâng đỡ đối với tất cả chúng sanh tựa như trái đất.

6307. Ngài không bị vấy bẩn bởi thế gian, giống như hoa sen không bị làm lem bởi nước. Ngài chiếu sáng như là khối lửa có sự đốt cháy những lùm cây ngoại giáo.

6308. Ngài là người tiêu diệt chất độc phiền não ở tất cả các nơi như là phương thuốc chữa bệnh. Ngài được trang sức bằng hương thơm của đức hạnh, tựa như viên đá nghiền nát hương liệu.

6309. Đấng Chiến Thắng là kho chứa của các đức hạnh tựa như biển cả [là nơi chứa đựng] đối với các loại châu báu, là người mang đi các phiền não và ô nhiễm tựa như con sông Sindhu đối với những dãy rừng.

6310. Với sự tiêu diệt đạo binh của Ma vương, Ngài như là người chiến sĩ lực lưỡng có sự chiến thắng. Ngài là vị chúa tể của các loại châu báu, là các chi phần đưa đến giác ngộ, tựa như đấng Chuyển Luân Vương.

6311. Ngài là người thầy thuốc về cơn bệnh sân hận tương tựa vị y sĩ vĩ đại. Ngài là người mở xẻ mụn nhọt tà kiến giống như phẫu thuật viên hạng nhất.

6312. Khi ấy, được loài người và chư thiên kính trọng, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, Ánh Mặt Trời Của Nhân Loại, đấng Chiến Thắng ấy thuyết giảng giáo pháp ở các hội chúng.

6313. Ngài đã chỉ dạy như vậy: “Sau khi dâng cúng vật thí thì trở nên có tài sản lớn lao, nhờ vào giới đi đến nhàn cảnh, và do sự tham thiền đạt đến Niết-bàn.”

6314. Toàn thể các hội chúng lắng nghe sự thuyết giảng có phẩm vị cao cả ấy, có sự tốt đẹp ở phần đầu, phần giữa và phần cuối, như là cao lương mỹ vị, có chất bổ dưỡng lớn lao.

6315. Sau khi lắng nghe giáo pháp có vị ngọt tuyệt vời, tôi được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Tôi đã đi đến nương nhờ đức Thiện Thệ và đã tôn kính Ngài đến hết cuộc đời.

6316. Khi ấy, tôi đã lau chùi nền đất ở hương thất của bậc Hiền Trí bằng chất thơm được sanh lên từ bốn loại [bông hoa] vào tám ngày trong một tháng.

6317. Tôi đã ước nguyện về trạng thái có hương thơm ở thân thể bị mùi khó chịu. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã chú nguyện về việc đạt được cơ thể có hương thơm rằng:

6318. “Người nào lau chùi nền đất của hương thất bằng chất thơm một lần, do kết quả của nghiệp ấy, được sanh lên ở nơi này nơi khác.

6319. Ở tất cả các nơi, người nam này sẽ có được thân hình có hương thơm ngạt ngào. Sau khi được gắn liền với hương thơm của đức hạnh, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.”

6320. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6321. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn. Khi tôi đang trú ở trong bào thai, mẹ của tôi đã trở thành người có hương thơm ở cơ thể.

6322. Và vào lúc tôi rời khỏi lòng mẹ, khi ấy, thành Sāvattthi đã tỏa ra như là được tắm bằng tất cả các loại hương thơm.

6323. Và có cơn mưa bông hoa thơm ngát làm thích ý, với các hương thơm của cõi trời và có các hương trầm có giá trị cao đã thổi đến liền khi ấy.

6324. Và ở ngôi nhà tôi đã được sanh ra, chư thiên đã tắm hương thơm ngôi nhà ấy bằng mọi thứ hương thơm, bằng hương trầm và các bông hoa.

6325. Và vào lúc tôi còn trẻ, hiền thiện, đang ở vào giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, khi ấy, đấng Điều Phục Nhân đã hướng dẫn Sela cùng nhóm tùy tùng.

6326. Cùng với tất cả những người ấy, Ngài đã ngự đến thành Sāvattthi. Sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, tôi đã xuất gia.

6327. Sau khi làm cho phát triển bốn pháp: Giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc.

6328. Và vào lúc tôi đã được xuất gia, vào lúc tôi trở thành vị A-la-hán, và vào lúc tôi sẽ Niết-bàn, khi ấy sẽ có cơn mưa hương thơm.

6329. Hương thơm ở cơ thể của tôi luôn luôn vượt trội các loại hương trầm, hương campaka và hương sen vô cùng giá trị, tương tợ như thế ấy, khi tôi đi nơi này nơi khác, tôi tỏa ra hương thơm át hẳn tất cả các loại hương thơm khác về mọi phương diện.

6330. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6331. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6332. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cūḷasugandha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Cūḷasugandha” là phần thứ mười.

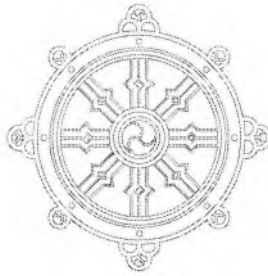
Phẩm Bhaddiya là phẩm thứ năm mươi lăm.

Phần tóm lược

Vị Bhaddiya, vị Trưởng lão Revata, và vị Sīvalī có lợi lộc lớn lao, vị Vaṅgīsa, vị Nandaka, và luôn cả vị Kāḷudāyi, và tương tự là vị Abhaya, vị Lomasa, vị Vanavaccha, và vị Sugandha đã được thực hiện là thứ mười. Ở đây, có ba trăm câu kệ và mười sáu câu thêm vào đó nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Phẩm tên Kaṇikāra, phẩm về vị dâng cúng trái cây, phẩm về vị dâng cúng cỏ, phẩm Kaccāna và phẩm Bhaddiya. Và các câu kệ này đã được tính đếm ở đây là chín trăm và tám mươi bốn. Có năm trăm năm mươi ký sự đã được giảng giải. Cùng với các câu kệ tóm lược, đây là sáu ngàn hai trăm câu kệ và mười tám câu thêm vào đó nữa.



LVI. PHẨM YASA (YASAVAGGO)

551. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YASA (*Yasattherāpadānaṃ*)

6333. Chỗ cư ngụ của tôi đã được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được hóa hiện ra, được liú lo bởi loài ngỗng đỏ.¹

6334. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý.

6335. [Dòng sông] chứa đầy đầy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v...

6336. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvaṃjīvaka.

6337. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm âm ỉ, có nhiều chim cú và loài piṅgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai.

6338. Tất cả các cây đều làm bằng vàng được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thấp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm.

6339. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quay quần bên tôi.

6340. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [đi đến gặp] đáng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy.

6341. Sau khi đánh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đáng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận.

6342. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã giải tán. Tôi đã đánh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi.

6343. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: “Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này].” Khi ấy, tất cả đã tụ hội lại [đáp rằng]:

6344. “Điều lợi ích cho chúng tôi đã được chúng tôi thành đạt khéo léo là chúng tôi sống thân cận với ngài. Chúng tôi cũng sẽ cúng dường đến bậc Đạo Sư là đức Phật tối thượng.”

¹ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Sabbadāyaka, số 399, trang 330.

6345. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

6346. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống chiếc ghế làm toàn bằng vàng.

6347. Khi ấy, ở phía trên đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng. Có những cái quạt quạt gió đến hội chúng Tỳ-khuru vô thượng.

6348. Tôi đã làm thỏa mãn hội chúng Tỳ-khuru với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khuru mỗi vị một xấp vải đôi.

6349. Sau khi ngồi xuống ở nơi hội chúng Tỳ-khuru, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng mà mọi người gọi là “Sumedha” đã nói lên lời kệ này:

6350. “Người nào đã làm thỏa mãn Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

6351. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

6352. Người này sanh lên chôn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có chiếc lọng làm toàn bằng vàng sẽ che cho người ấy.

6353. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6354. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

6355. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khuru và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người cầm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] bị thiêu ở bên dưới chiếc lọng.”

6356. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt. Dầu ở mái che hoặc ở gốc cây, sự run sợ không được biết đến ở tôi.

6357. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo sự dâng cúng mọi thứ.

6358. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6359. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6360. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yasa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Yasa” là phần thứ nhất.

552. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA

(Nadīkassapaṭṭherāpadānaṃ)

6361. Nhân dịp đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang hành hạnh khát thực, tôi đã cầm lấy trái cây đầu mùa danh tiếng hạng nhất và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

6362. Do nghiệp ấy, tôi trở thành vị chúa của chư thiên, bậc trưởng thượng của thế gian, là vị ưu tú của nhân loại, tôi đã từ bỏ hơn thua và đã đạt đến vị thế bất động.

6363. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây đầu mùa.

6364. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6365. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6366. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nadīkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nadīkassapa” là phần thứ nhì.

553. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GAYĀKASSAPA

(Gayākassapaṭṭherāpadānaṃ)

6367. Vào lúc bảy giờ, tôi mặc y da dê, mang túi vật dụng. Tôi đã cầm lấy gói trái táo và đã mang về khu ẩn cư.

6368. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đáng Chiến Thắng là đơn độc không người thứ hai. Trong khi đang làm cho sáng tỏ vào mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

6369. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã dành lễ vị có sự hành trì tốt đẹp. Bằng cả hai bàn tay, tôi đã nâng lên trái táo và đã dâng cúng đến đức Phật.

6370. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

6371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gayākassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Gayākassapa” là phần thứ ba.

554. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA (*Kimbilattherāpadānaṃ*)

6374. Khi dâng Bà-la-môn toàn hảo Kakusandha Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che.

6375. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã đạt được tòa lâu đài hạng nhất. Tôi rục rờ hơn chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

6376. Và vào ban ngày hoặc vào ban đêm, trong khi đi kinh hành và trong khi đứng, tôi được bao phủ bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

6377. Việc tôi đã cúng dường đức Phật là ngay trong kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6378. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6379. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6380. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kimbila đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kimbila” là phần thứ tư.

555. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA (*Vajjiputtattherāpadānaṃ*)

6381. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đáng Tự Chủ, vị không bị đánh bại sau khi xuất ra khỏi sự độc cư đã ra đi về việc khát thực.

6382. Có được nắm tay trái cây, tôi đã nhìn thấy đáng Nhân Nguru và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây savanṇa.

6383. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

6384. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi được [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6385. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6386. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vajjiputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vajjiputta” là phần thứ năm.

556. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA (*Uttarattherāpadānaṃ*)

6387. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.²

6388. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi đã ngồi xuống.

6389. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chia ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung.

6390. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tựa như mặt trăng ngày rằm, như là cây sālā chứa được trở hoa.

6391. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

6392. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kaṇikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

6393. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật.

6394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6395. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là “kaṇikārī”, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

6396. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, với một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

6397. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

6398. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rải cá và được gắn liền với chiếc gối.

² Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya, số 501, trang 448.

6399. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên.

6400. Tôi đứng ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kanika.

6401. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi ngày đêm không biếng nhác.

6402. Ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này mong muốn khác.

6403. Lúc bấy giờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gần gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo.

6404. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đáng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

6405. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6406. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sinh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6407. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-ly và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6408. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6409. Về đám tôi trai, bảy tứ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6410. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6411. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6412. “Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này”, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6413. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

6414. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bức bối không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến.

6415. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6416. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatti.

6417. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6418. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhân đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6419. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6420. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vị rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6421. Việc tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Uttara” là phần thứ sáu.

557. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC

(Apara-uttarattherāpadānam)

6425. Khi bậc Bảo Hộ Thế Gian, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã tập hợp quyền thuộc của tôi lại và tôi đã cúng dường Xá-lợi.

6426. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

6427. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6428. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6429. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttara khác đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Uttara khác” là phần thứ bảy.

558. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI (*Bhaddajittherāpadānaṃ*)

6430. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng], tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.³

6431. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

6432. Khi ấy, trong khi Ngài đang phát phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

6433. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: “Xin đức Phật, bậc Hữu Nhân, vì lòng thương tưởng hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con.”

6434. Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao đã ngự xuống. Bậc Hữu Nhân vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

6435. “Này người có đại phước, mong rằng người được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sinh được thành tựu cho người. Do việc dâng cúng củ sen này, người sẽ đạt được sự an lạc lớn lao.”

6436. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

6437. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

6438. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét và sấm sét đã nổ ra.

6439. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khụy xuống tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

6440. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đâu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.

6441. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm hầu cận sáng tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

³ Ký sự này tương tự Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka, số 483, trang 425.

6442. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

6443. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, [tôi có] tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

6444. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ sen trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

6445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddaji đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhaddaji” là phần thứ tám.

559. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA (*Sīvakattherāpadānaṃ*)

6448. Khi bậc Đại Ân Sĩ Vipassī đang đi về việc tìm kiếm [vật thực]. Tôi đã nhìn thấy bình bát trống trơn và tôi đã để đầy sữa kem.

6449. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa kem.

6450. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cỡi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6451. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīvaka” là phần thứ chín.

Tóm lược của phẩm này

Vị Yasa, vị Nadīkassapa, vị Gayākassapa, vị Kimbila, vị Vajjiputta, hai vị Uttara, vị Bhaddaji và luôn cả vị Sīvaka tối thượng.

Phẩm Yasa là phẩm thứ năm mươi sáu.

TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.